**PHẦN II**

**NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

**THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC**

**CỦA SỞ XÂY DỰNG TỈNH HÀ NAM**

1. **LĨNH VỰC QUY HOẠCH**
2. **Thủ tục thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi**
**tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh.**

 ***1. Trình tự thực hiện:***

* Chủ đầu tư chuẩn bị 03 bộ hồ sơ thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết với đầy đủ thành phần hồ sơ và đảm bảo chất lượng hồ sơ.
* Sở Xây dựng sau khi xem xét hồ sơ hợp lệ, tiếp nhận hồ
sơ và tổ chức thẩm định theo đúng thời hạn quy định.
1. ***Cách thức thực hiện:***

- Gửi hồ sơ qua mạng trực tuyến hoặc qua đường Bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng tại Trung tâm hành chính công tỉnh.

***3. Thành phần, số lượng hồ sơ:***

a) Thành phần hồ sơ:

Tờ trình đề nghị thẩm định; thuyết minh nội dung nhiệm vụ; các bản vẽ in
màu thu nhỏ; dự thảo quyết định phê duyệt nhiệm vụ; các văn bản pháp lý có
liên quan.

b) Số lượng hồ sơ : 03 (bộ)

***4. Thời hạn giải quyết:*** 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

***5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:*** Chủ đầu tư dự án đầu tư
xây dựng công trình.

***6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:*** Sở Xây dựng

***7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính****:* Báo cáo thẩm định nhiệm vụ,
nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch.

***8. Lệ phí****:* Theo quy định tại Thông tư số 05/2017/TT-BXD của Bộ Xây dựng ngày 05 tháng 04 năm 2017 về hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị.

***9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:*** Không có

***10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):*** Không có.

1. ***Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:***
* Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;
* Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009;
* Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập,
thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị.
* Thông tư số 05/2017/TT-BXD của Bộ Xây dựng ngày 05 tháng 04 năm 2017 về hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị.
1. **Thủ tục thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh**

***1. Trình tự thực hiện:***

* Chủ đầu tư chuẩn bị 03 bộ hồ sơ thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết với đầy đủ thành phần hồ sơ và đảm bảo chất lượng hồ sơ.

- Cơ quan quản lý quy hoạch sau khi xem xét hồ sơ hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ và tổ chức thẩm định theo đúng thời hạn quy định

***2. Cách thức thực hiện:***

- Gửi hồ sơ qua mạng trực tuyến hoặc qua đường Bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng tại Trung tâm hành chính công tỉnh.

***3. Thành phần, số lượng hồ sơ:***

a) Thành phần hồ sơ:

- Tờ trình đề nghị thẩm định đồ án; thuyết minh nội dung đồ án bao gồm bản vẽ in màu thu nhỏ; dự thảo quy định quản lý theo đồ án quy hoạch;dự thảo quyết định phê duyệt đồ án; các phụ lục tính toán kèm theo; các bản vẽ in màu đúng tỷ lệ quy định; các văn bản pháp lý có liên quan.

b) Số lượng hồ sơ: 03 (bộ)

***4. Thời hạn giải quyết:*** 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

***5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:*** Chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng công trình.

1. ***Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:***

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam.

- Cơ quan thực hiện: Sở Xây dựng.

***7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính****:* Báo cáo thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết.

***8. Lệ phí****:* Theo quy định tại Thông tư số 05/2017/TT-BXD của Bộ Xây dựng ngày 05 tháng 04 năm 2017 về hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị.

***9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:*** Không có

***10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):*** Không có.

***11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:***

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

- Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009;

- Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị.

* Thông tư số 05/2017/TT-BXD của Bộ Xây dựng ngày 05 tháng 04 năm 2017 về hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị.

**3. Thủ tục cấp giấy phép quy hoạch dự án đầu tư xây dựng công trình thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh quản lý**

***1. Trình tự thực hiện:***

* Căn cứ vào thông tin quy hoạch, chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng lập hồ sơ đề nghị cấp giấy phép quy hoạch theo các trường hợp quy định tại Điều 32 của Nghị định số [44/2015/NĐ-CP](http://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=44/2015/N%C4%90-CP&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Điều 36 Nghị định số [37/2010/NĐ-CP](http://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=37/2010/N%C4%90-CP&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị.
* Chủ đầu tư chuẩn bị 01 bộ hồ sơ cấp giấy phép quy hoạch với đầy đủ thành phần hồ sơ và đảm bảo chất lượng hồ sơ.

- Căn cứ vào yêu cầu quản lý, kiểm soát phát triển của đô thị, khu chức năng đặc thù, Quy định quản lý theo quy hoạch chung, đề xuất của chủ đầu tư, Sở Xây dựng có trách nhiệm xem xét hồ sơ, tổ chức lấy ý kiến các cơ quan có liên quan cấp giấy phép quy hoạch. Thời gian thẩm định hồ sơ và lấy ý kiến không quá 30 ngày kể từ khi nhận đủ hồ sơ đề nghị cấp giấy phép quy hoạch hợp lệ.

- Đối với dự án đầu tư xây dựng công trình riêng lẻ tại khu vực trong đô thị chưa có quy hoạch chi tiết hoặc thiết kế đô thị trừ nhà ở; công trình tập trung hoặc riêng lẻ trong khu vực đã có quy hoạch chi tiết xây dựng được duyệt, nhưng cần điều chỉnh ranh giới hoặc một số chỉ tiêu sử dụng đất, trong quá trình thẩm định hồ sơ cấp giấy phép quy hoạch, Sở Xây dựng phải tổ chức lấy ý kiến đại diện cộng đồng dân cư có liên quan về nội dung cấp phép. Đại diện cộng đồng dân cư có trách nhiệm tổng hợp ý kiến của cộng đồng dân cư theo quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở.

***2. Cách thức thực hiện:***

- Gửi hồ sơ qua mạng trực tuyến hoặc qua đường Bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng tại Trung tâm hành chính công tỉnh.

***3. Thành phần, số lượng hồ sơ:***

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp giấy phép quy hoạch;

- Sơ đồ vị trí địa điểm đề nghị cấp giấy phép quy hoạch;

- Dự kiến phạm vi, ranh giới khu đất, chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch;

- Dự kiến nội dung đầu tư, quy mô dự án và tổng mức đầu tư;

- Báo cáo về pháp nhân và năng lực tài chính để triển khai dự án.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

***4. Thời hạn giải quyết:***15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

***5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:***Chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng công trình.

***6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:***

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Cơ quan thực hiện: Sở Xây dựng.

***7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:***

- Giấy phép quy hoạch sử dụng cho dự án đầu tư xây dựng công trình tập trung quy định tại mẫu số 2 Nghị định số [44/2015/NĐ-CP](http://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=44/2015/N%C4%90-CP&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 06/5/2015, mẫu số 2 Nghị định số [37/2010/NĐ-CP](http://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=37/2010/N%C4%90-CP&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 07/4/2010.

- Giấy phép quy hoạch sử dụng cho dự án đầu tư xây dựng công trình riêng lẻ quy định tại mẫu số 4 Nghị định số [44/2015/NĐ-CP](http://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=44/2015/N%C4%90-CP&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 06/5/2015, mẫu số 4 Nghị định số [37/2010/NĐ-CP](http://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=37/2010/N%C4%90-CP&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 07/4/2010

***8. Phí, lệ phí:*** Theo quy định tại Thông tư số171/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép quy hoạch.

***9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:***

- Đơn đề nghị cấp giấy phép quy hoạch (sử dụng cho dự án đầu tư xây dựng công trình tập trung); quy định tại mẫu số 1 Nghị định số [44/2015/NĐ-CP](http://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=44/2015/N%C4%90-CP&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 06/5/2015, mẫu số 1 Nghị định số [37/2010/NĐ-CP](http://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=37/2010/N%C4%90-CP&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 07/4/2010.

- Đơn đề nghị cấp giấy phép quy hoạch (sử dụng cho dự án đầu tư xây dựng công trình riêng lẻ) quy định tại mẫu số 3 Nghị định số [44/2015/NĐ-CP](http://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=44/2015/N%C4%90-CP&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 06/5/2015, mẫu số 1 Nghị định số[37/2010/NĐ-CP](http://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=37/2010/N%C4%90-CP&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 07/4/2010.

***10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):****K*hông có.

***11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:***

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

- Nghị định số [44/2015/NĐ-CP](http://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=44/2015/N%C4%90-CP&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

- Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009;

- Nghị định số [37/2010/NĐ-CP](http://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=37/2010/N%C4%90-CP&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị.

- Thông tư số171/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép quy hoạch.

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP QUY HOẠCH
*(Ban hành kèm theo Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng và Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
-------------**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP QUY HOẠCH**(Sử dụng cho dự án đầu tư xây dựng công trình tập trung)

Kính gửi: …………………………………….

1. Chủ đầu tư: …………………………………….……………….……………

- Người đại diện: ………………………….. Chức vụ: …………………………

- Địa chỉ liên hệ: …………………………………….………………...………

- Số nhà: …………… Đường …………….. Phường (xã) ……………………

- Tỉnh, thành phố: …………………………………….……………….………

- Số điện thoại: …………………………………….……………….…………

2. Vị trí, quy mô khu vực dự kiến đầu tư: ………………………………………

- Phường (xã) …………………… Quận (huyện) ……………………………

- Tỉnh, thành phố: …………………………………….……………….……

- Phạm vi dự kiến đầu tư: …………………………………….…………………

- Quy mô, diện tích: ……………………………………................... (ha).

- Hiện trạng sử dụng đất …………………………………….…………………

3. Nội dung đầu tư: …………………………………….……………….………

- Chức năng dự kiến: …………………………………….……………….……

- Cơ cấu sử dụng đất dự kiến: …………………………………….……………

4. Tổng mức đầu tư dự kiến: …………………………………….……………

5. Cam kết: tôi xin cam đoan thực hiện đúng theo giấy phép được cấp, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

|  |  |
| --- | --- |
|  | *….., ngày … tháng … năm ……….***Người làm đơn***(Ký, ghi rõ họ tên)* |

MẪU GIẤY PHÉP QUY HOẠCH
*(Ban hành theo Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng và Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị)*

|  |  |
| --- | --- |
| **UBND tỉnh, TP trực thuộc TW hoặc UBND quận, huyện, thành phố thuộc tỉnh, thị xã-------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------------** |
| Số:................. | *………….., ngày … tháng … năm …..* |

**GIẤY PHÉP QUY HOẠCH**

Số:            /GPQH

(Sử dụng cho dự án đầu tư xây dựng công trình tập trung)

1. Cấp cho chủ đầu tư: …………………………………….…………………

- Địa chỉ: …………………………………….……………….………………

- Số nhà: … Đường … Phường (xã): … Tỉnh, thành phố: ……………………

2. Nội dung cấp phép:

- Tên dự án: …………………………………….……………….……………

- Địa điểm xây dựng: …………………………………….……………………

- Phạm vi ranh giới: …………………………………….……………….……

- Quy mô đất đai: ………………….. ha

- Quy mô dân số (nếu có): …………. người

- Cơ cấu sử dụng đất: ………………………… %.

(Tỷ lệ đất giao thông, cây xanh, công trình công cộng)

- Mật độ xây dựng toàn khu vực: ……………….. %

- Chiều cao tối đa xây dựng công trình: ………………………… m.

- Hệ số sử dụng đất: …………………………………….……………….……

- Các yêu cầu về không gian, kiến trúc, cảnh quan: ……………………………

- Các yêu cầu về hạ tầng kỹ thuật, môi trường: ………………………………

3. Thời hạn giấy phép quy hoạch: …………………………………….……

|  |  |
| --- | --- |
|  ***Nơi nhận:***- Như trên;- Lưu: | *….., ngày … tháng … năm ……….***Cơ quan cấp giấy phép quy hoạch***(Ký tên, đóng dấu)* |

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP QUY HOẠCH
*(Ban hành theo Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng và Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
-------------**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP QUY HOẠCH**(Sử dụng cho dự án đầu tư xây dựng công trình riêng lẻ)

Kính gửi: …………………………………….

1. Chủ đầu tư: …………………………………….……………….…………

- Người đại diện: ……………………… Chức vụ: …………………………

- Địa chỉ liên hệ: …………………………………….……………….………

- Số nhà: ……………… Đường ……………. Phường (xã) ……………………

- Tỉnh, thành phố: …………………………………….……………….……

- Số điện thoại: …………………………………….……………….…………

2. Vị trí, quy mô xây dựng công trình: ………………………………………

- Phường (xã) ………………………. Quận (huyện) …………………………

- Tỉnh, thành phố: …………………………………….……………….……

- Phạm vi ranh giới: …………………………………….……………….……

- Quy mô, diện tích: …………………………………….…………… (ha).

- Hiện trạng sử dụng đất …………………………………….………………

3. Nội dung đầu tư: …………………………………….……………….………

- Chức năng công trình: …………………………………….…………………

- Mật độ xây dựng: ………………. %

- Chiều cao công trình: …………… m.

- Số tầng: ……………………………

- Hệ số sử dụng đất: ………………

- Dự kiến tổng diện tích sàn: ……… m2.

4. Tổng mức đầu tư dự kiến: ……………………………

5. Cam kết: tôi xin cam đoan thực hiện đúng theo giấy phép được cấp, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

|  |  |
| --- | --- |
|  | *….., ngày … tháng … năm ……….***Người làm đơn***(Ký, ghi rõ họ tên)* |

MẪU GIẤY PHÉP QUY HOẠCH
*(Ban hành theo Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng và Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị)*

|  |  |
| --- | --- |
| **UBND tỉnh, TP trực thuộc TW hoặc UBND quận, huyện, thành phố thuộc tỉnh, thị xã-------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------------** |
| Số:................. | *………….., ngày … tháng … năm …..* |

**GIẤY PHÉP QUY HOẠCH**

Số:         /GPQH

(Sử dụng cho dự án đầu tư xây dựng công trình riêng lẻ)

1. Cấp cho chủ đầu tư: …………………………………….……………………

- Địa chỉ: …………………………………….……………….…………………

- Số nhà: … Đường … Phường (xã): … Tỉnh, thành phố: ………………………...

2. Nội dung cấp phép:

- Tên dự án: …………………………………….……………….……………

- Địa điểm xây dựng: …………………………………….……………………

- Phạm vi ranh giới: …………………………………….……………….……

- Diện tích lô đất: …………………………………….……………….… m2

- Mật độ xây dựng đối với lô đất: ……………… %

- Chiều cao công trình: …………………………… m.

- Hệ số sử dụng đất đối với lô đất: ……………………………………………

- Khoảng lùi công trình: …………………… m

- Các yêu cầu về kiến trúc công trình: ………………………………………

- Các yêu cầu về hạ tầng kỹ thuật và môi trường: ……………………………

3. Thời hạn giấy phép quy hoạch: …………………………………….………

|  |  |
| --- | --- |
|  ***Nơi nhận:***- Như trên;- Lưu: | *….., ngày … tháng … năm ……….***Cơ quan cấp giấy phép quy hoạch***(Ký tên, đóng dấu)* |

1. **HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG**

**4.**  **Thủ tục thẩm định dự án/dự án điều chỉnh hoặc thẩm định thiết kế cơ sở/thiết kế cơ sở điều chỉnh**

***1. Trình tự thực hiện:***

* Chủ đầu tư chuẩn bị 01 bộ hồ sơ thẩm định dự án/dự án điều chỉnh hoặc thẩm định thiết kế cơ sở/thiết kế cơ sở điều chỉnh với đầy đủ thành phần hồ sơ và đảm bảo chất lượng hồ sơ.

**-** Sở Xây dựng sau khi xem xét hồ sơ hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ và tổ chức thẩm định theo đúng thời hạn quy định. Đối với các hồ sơ trình thẩm định không đảm bảo điều kiện thẩm định theo quy định, Sở Xây dựng có văn bản gửi người đề nghị thẩm định nêu rõ lý do và từ chối thực hiện thẩm định.

- Trường hợp cơ quan chuyên môn về xây dựng không đủ điều kiện thực hiện công tác thẩm định, trong thời gian 05 (năm) ngày làm việc kể từ khi nộp hồ sơ hợp lệ, cơ quan chuyên môn về xây dựng có văn bản thông báo cho chủ đầu tư các nội dung cần thẩm tra để chủ đầu tư lựa chọn và ký kết hợp đồng với tư vấn thẩm tra. Thời gian thực hiện thẩm tra không vượt quá 15 (mười lăm) ngày đối với dự án nhóm B và 10 (mười) ngày đối với dự án nhóm C. Chủ đầu tư có trách nhiệm gửi kết quả thẩm tra cho cơ quan chuyên môn về xây dựng, người quyết định đầu tư để làm cơ sở thẩm định. Trường hợp cần gia hạn thời gian thực hiện thẩm tra thì chủ đầu tư phải có văn bản thông báo đến cơ quan thẩm định để giải trình lý do và đề xuất gia hạn thời gian thực hiện.

***2. Cách thức thực hiện:***

- Gửi hồ sơ qua mạng trực tuyến hoặc qua đường Bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng tại Trung tâm hành chính công tỉnh.

***3. Thành phần, số lượng hồ sơ:***

a) Thành phần hồ sơ:

- Tờ trình thẩm định dự án/dự án điều chỉnh hoặc thẩm định thiết kế cơ sở/thiết kế cơ sở điều chỉnh theo Mẫu số 01Phụ lục II Nghị định số 59/2015/NĐ-CP;

- Hồ sơ trình thẩm định theo danh mục tại Mẫu số 01Phụ lục II Nghị định số 59/2015/NĐ-CP

- Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng trong trường hợp thẩm định dự án/dự án điều chỉnh; hồ sơ thiết kế cơ sở (thuyết minh và bản vẽ) trong trường hợp thẩm định thiết kế cơ sở/thiết kế cơ sở điều chỉnh;

- Các tài liệu, văn bản pháp lý có liên quan.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

***4. Thời hạn giải quyết:***

Thời gian thẩm định được tính từ ngày cơ quan, tổ chức thẩm định nhận đủ hồ sơ hợp lệ, như sau:

*- Đối với thẩm định dự án/dự án điều chỉnh:*

+ Không quá 15 ngày đối với dự án nhóm B;

+ Không quá 10 ngày đối với dự án nhóm C.

*- Đối với thẩm định thiết kế cơ sở/thiết kế cơ sở điều chỉnh:*

+ Không quá 9 ngày đối với dự án nhóm B;

+ Không quá 5 ngày đối với dự án nhóm C.

***5. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:*** Văn bản thông báo kết quả thẩm định dự án/dự án điều chỉnh hoặc thẩm định thiết kế cơ sở/thiết kế cơ sở điều chỉnh theo mẫu số 2, mẫu số 3 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định 59/2015/NĐ-CP.

***6. Phí, Lệ phí:*** Theo quy định tại Thông tư số 209/2016/TT-BTC ngày 10 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng, phí thẩm định thiết kế cơ sở.

***7. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:***

Mẫu Tờ trình Thẩm định dự án/dự án điều chỉnh hoặc thẩm định thiết kế cơ sở/thiết kế cơ sở điều chỉnh tại Mẫu số 01 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định 59/2015/NĐ-CP.

***8. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:*** Không quy định

***9. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:***

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

- Nghị định 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

- Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

- Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng;

- Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình.

- Thông tư số 209/2016/TT-BTC ngày 10 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng, phí thẩm định thiết kế cơ sở

**Mẫu Tờ trình thẩm định dự án/thiết kế cơ sở hoặc thẩm định điều chỉnh dự án/điều chỉnh thiết kế cơ sở***(Ban hành kèm theo Phụ lục II Nghị định 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ)*

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN TỔ CHỨC-------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------------** |
| Số: …… | *……., ngày……tháng…….năm….* |

**TỜ TRÌNH**

**Thẩm định dự án đầu tư xây dựng hoặc thiết kế cơ sở**

Kính gửi: *(Cơ quan chủ trì thẩm định)*

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan................................................

(Tên tổ chức) trình (Cơ quan chủ trì thẩm định) thẩm định dự án đầu tư xây dựng (Tên dự án) với các nội dung chính sau:

**I. THÔNG TIN CHUNG DỰ ÁN (CÔNG TRÌNH)**

1. Tên dự án:

2. Nhóm dự án:

3. Loại và cấp công trình:

4. Người quyết định đầu tư:

5. Tên chủ đầu tư (nếu có) và các thông tin để liên hệ (địa chỉ, điện thoại,…):

6. Địa điểm xây dựng:

7. Giá trị tổng mức đầu tư:

8. Nguồn vốn đầu tư:

9. Thời gian thực hiện:

10. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng:

11. Nhà thầu lập báo cáo nghiên cứu khả thi:

12. Các thông tin khác (nếu có):

**II. DANH MỤC HỒ SƠ GỬI KÈM BÁO CÁO**

1. Văn bản pháp lý:

- Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình (đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công) hoặc văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư xây dựng hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với dự án sử dụng vốn khác);

- Quyết định lựa chọn phương án thiết kế kiến trúc thông qua thi tuyển hoặc tuyển chọn theo quy định và phương án thiết kế được lựa chọn kèm theo (nếu có);

- Quyết định lựa chọn nhà thầu lập dự án;

- Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 (quy hoạch 1/2000 đối với khu công nghiệp quy mô trên 20 ha) được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc giấy phép quy hoạch của dự án;

- Văn bản thẩm duyệt hoặc ý kiến về giải pháp phòng cháy chữa cháy, báo cáo đánh giá tác động môi trường của cơ quan có thẩm quyền (nếu có);

- Văn bản thỏa thuận độ cao tĩnh không (nếu có);

- Các văn bản thông tin, số liệu về hạ tầng kỹ thuật đô thị;

- Các văn bản pháp lý khác có liên quan (nếu có).

2. Tài liệu khảo sát, thiết kế, tổng mức đầu tư (dự toán):

- Hồ sơ khảo sát xây dựng phục vụ lập dự án;

- Thuyết minh báo cáo nghiên cứu khả thi (bao gồm tổng mức đầu tư hoặc dự toán);

- Thiết kế cơ sở bao gồm bản vẽ và thuyết minh.

3. Hồ sơ năng lực của các nhà thầu:

- Thông tin năng lực của nhà thầu khảo sát, nhà thầu lập dự án, thiết kế cơ sở;

- Chứng chỉ hành nghề và thông tin năng lực của các chức danh chủ nhiệm khảo sát, chủ nhiệm đồ án thiết kế, chủ trì thiết kế của nhà thầu thiết kế.

*(Tên tổ chức)* trình *(Cơ quan chủ trì thẩm định)* thẩm định dự án đầu tư xây dựng *(Tên dự án)* với các nội dung nêu trên./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Như trên;- Lưu. | **ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC***(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)***Tên người đại diện** |

**Mẫu Thông báo kết quả thẩm định dự án/điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng***(Ban hành kèm theo Phụ lục II Nghị định 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ)*

|  |  |
| --- | --- |
| **CƠ QUAN THẨM ĐỊNH-------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------------** |
| Số: ……………….*V/v: thông báo kết quả thẩm định dự án...* | *…………., ngày……tháng…….năm........* |

Kính gửi: (Tên Đơn vị trình)

(Cơ quan thẩm định) đã nhận Văn bản số … ngày … của ….. trình thẩm định dự án (Tên dự án đầu tư).

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Các căn cứ khác có liên quan.................................................

Sau khi xem xét, tổng hợp ý kiến và kết quả thẩm tra của các cơ quan, tổ chức có liên quan, (Cơ quan thẩm định) thông báo kết quả thẩm định dự án (tên dự án) như sau:

**I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN**

1. Tên dự án:

2. Nhóm dự án, loại, cấp, quy mô công trình:

3. Người quyết định đầu tư:

4. Tên chủ đầu tư (nếu có) và các thông tin để liên hệ (địa chỉ, điện thoại,…):

5. Địa điểm xây dựng:

6. Giá trị tổng mức đầu tư:

7. Nguồn vốn đầu tư:

8. Thời gian thực hiện:

9. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng:

10. Nhà thầu lập báo cáo nghiên cứu khả thi:

11. Các thông tin khác (nếu có):

**II. HỒ SƠ TRÌNH THẨM ĐỊNH DỰ ÁN**

1. Văn bản pháp lý: (Liệt kê các văn bản pháp lý trong hồ sơ trình)

2. Hồ sơ, tài liệu dự án, khảo sát, thiết kế:

3. Hồ sơ năng lực các nhà thầu:

**III. NỘI DUNG HỒ SƠ DỰ ÁN TRÌNH THẨM ĐỊNH**

Ghi tóm tắt về nội dung cơ bản của hồ sơ dự án trình thẩm định được gửi kèm theo Tờ trình thẩm định dự án của Tổ chức trình thẩm định.

**IV. TỔNG HỢP Ý KIẾN CÁC ĐƠN VỊ PHỐI HỢP**

Tổng hợp ý kiến của các đơn vị phối hợp theo chức năng nhiệm vụ.

**V. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH DỰ ÁN**

1. Nội dung thẩm định thiết kế cơ sở:

- Sự phù hợp của thiết kế cơ sở với quy hoạch chi tiết xây dựng; tổng mặt bằng được chấp thuận hoặc với phương án tuyến công trình được chọn đối với công trình xây dựng theo tuyến;

- Sự phù hợp của thiết kế cơ sở với vị trí địa điểm xây dựng, khả năng kết nối với hạ tầng kỹ thuật của khu vực;

- Sự phù hợp của phương án công nghệ, dây chuyền công nghệ được lựa chọn đối với công trình có yêu cầu về thiết kế công nghệ;

- Sự phù hợp của các giải pháp thiết kế về bảo đảm an toàn xây dựng, bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy, nổ;

- Sự tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong thiết kế;

- Điều kiện năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức, năng lực hành nghề của cá nhân tư vấn lập thiết kế;

- Sự phù hợp của giải pháp tổ chức thực hiện dự án theo giai đoạn, hạng mục công trình với yêu cầu của thiết kế cơ sở.

2. Nội dung thẩm định tổng mức đầu tư:

3. Các nội dung khác của Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng được thẩm định:

- Đánh giá về sự cần thiết đầu tư xây dựng;

- Đánh giá yếu tố bảo đảm tính khả thi của dự án;

- Đánh giá yếu tố bảo đảm tính hiệu quả của dự án.

**VI. KẾT LUẬN**

Dự án (Tên dự án) đủ điều kiện (chưa đủ điều kiện) để trình phê duyệt và triển khai các bước tiếp theo.

Trên đây là thông báo của (Cơ quan thẩm định) về kết quả thẩm định dự án (Tên dự án). Đề nghị chủ đầu tư nghiên cứu thực hiện theo quy định./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Như trên;- Lưu. | **CƠ QUAN THẨM ĐỊNH***(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)* |

**Mẫu Thông báo kết quả thẩm định thiết kế cơ sở/điều chỉnh thiết kế cơ sở của dự án đầu tư xây dựng***(Ban hành kèm theo Phụ lục II Nghị định 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ)*

|  |  |
| --- | --- |
| **CƠ QUAN THẨM ĐỊNH-------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------------** |
| Số: ……………….*V/v: thông báo kết quả thẩm định thiết kế cơ sở của dự án...* | *…………., ngày……tháng…….năm........* |

Kính gửi: (Tên Đơn vị trình)

(Cơ quan thẩm định) đã nhận Văn bản số … ngày … của ….. trình thẩm định thiết kế cơ sở của dự án (Tên dự án đầu tư).

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Các căn cứ khác có liên quan.................................................

Sau khi xem xét, (Cơ quan thẩm định) thông báo kết quả thẩm định thiết kế cơ sở của dự án (tên dự án) như sau:

**I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN**

1. Tên dự án:

2. Nhóm dự án, loại, cấp, quy mô công trình:

3. Người quyết định đầu tư:

4. Tên chủ đầu tư (nếu có) và các thông tin để liên hệ (địa chỉ, điện thoại,…):

5. Địa điểm xây dựng:

6. Giá trị tổng mức đầu tư:

7. Nguồn vốn đầu tư:

8. Thời gian thực hiện:

9. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng:

10. Nhà thầu lập báo cáo nghiên cứu khả thi:

12. Các thông tin khác (nếu có):

**II. HỒ SƠ TRÌNH THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ CƠ SỞ**

1. Văn bản pháp lý:

(Liệt kê các văn bản pháp lý trong hồ sơ trình)

2. Hồ sơ, tài liệu dự án, khảo sát, thiết kế:

3. Hồ sơ năng lực các nhà thầu:

**III. NỘI DUNG HỒ SƠ THIẾT KẾ CƠ SỞ TRÌNH THẨM ĐỊNH**

Ghi tóm tắt về nội dung cơ bản của hồ sơ thiết kế cơ sở của dự án trình thẩm định được gửi kèm theo Tờ trình thẩm định thiết kế cơ sở của Tổ chức trình thẩm định.

**IV. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ CƠ SỞ**

- Sự phù hợp của thiết kế cơ sở với quy hoạch chi tiết xây dựng; tổng mặt bằng được chấp thuận hoặc với phương án tuyến công trình được chọn đối với công trình xây dựng theo tuyến;

- Sự phù hợp của thiết kế cơ sở với vị trí địa điểm xây dựng, khả năng kết nối với hạ tầng kỹ thuật của khu vực;

- Sự phù hợp của phương án công nghệ, dây chuyền công nghệ được lựa chọn đối với công trình có yêu cầu về thiết kế công nghệ;

- Sự phù hợp của các giải pháp thiết kế về bảo đảm an toàn xây dựng, bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy, nổ;

- Sự tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong thiết kế;

- Điều kiện năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức, năng lực hành nghề của cá nhân tư vấn lập thiết kế;

- Sự phù hợp của giải pháp tổ chức thực hiện dự án theo giai đoạn, hạng mục công trình với yêu cầu của thiết kế cơ sở;

- Ý kiến về việc áp dụng đơn giá, định mức, đánh giá giải pháp thiết kế về tiết kiệm chi phí xây dựng công trình của dự án (áp dụng đối với dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư).

**V. KẾT LUẬN**

Thiết kế cơ sở của dự án (Tên dự án) đủ điều kiện (chưa đủ điều kiện) để trình phê duyệt và triển khai các bước tiếp theo.

Yêu cầu sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện thuyết minh

Trên đây là thông báo của (Cơ quan thẩm định) về kết quả thẩm định thiết kế cơ sở của dự án (Tên dự án). Đề nghị chủ đầu tư nghiên cứu thực hiện theo quy định./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Như trên;- Lưu. | **CƠ QUAN THẨM ĐỊNH***(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)* |

**5. Thủ tục thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh; thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng/thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng điều chỉnh (trường hợp thiết kế 1 bước):**

***1. Trình tự thực hiện:***

* Chủ đầu tư chuẩn bị 01 bộ hồ sơ thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh; thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng/thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng điều chỉnh (trường hợp thiết kế 1 bước)với đầy đủ thành phần hồ sơ và đảm bảo chất lượng hồ sơ.

- Đối với các hồ sơ trình thẩm định không đảm bảo điều kiện thẩm định theo quy định, cơ quan chuyên môn về xây dựng có văn bản gửi người đề nghị thẩm định nêu rõ lý do và từ chối thực hiện thẩm định.

- Trường hợp cơ quan chuyên môn về xây dựng không đủ điều kiện thực hiện công tác thẩm định, trong vòng 05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan chuyên môn về xây dựng có văn bản yêu cầu chủ đầu tư lựa chọn trực tiếp tổ chức có năng lực phù hợp theo quy định để ký hợp đồng thẩm tra phục vụ công tác thẩm định. Thời gian thực hiện thẩm tra không vượt quá 10 (mười) ngày đối với dự án chỉ yêu cầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật. Chủ đầu tư có trách nhiệm gửi kết quả thẩm tra, hồ sơ thiết kế đã đóng dấu thẩm tra cho cơ quan chuyên môn về xây dựng để làm cơ sở thẩm định. Trường hợp cần gia hạn thời gian thực hiện thẩm tra thì chủ đầu tư phải có văn bản thông báo đến cơ quan thẩm định để giải trình lý do và đề xuất gia hạn thời gian thực hiện.

***2. Cách thức thực hiện:***

- Gửi hồ sơ qua mạng trực tuyến hoặc qua đường Bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng tại Trung tâm hành chính công tỉnh.

***3. Thành phần, số lượng hồ sơ:***

a) Thành phần hồ sơ:

- Tờ trình thẩm định theo quy định tại Mẫu số 04 Phụ lục II của Nghị định số 59/2015/NĐ-CP;

- Hồ sơ trình thẩm định theo danh mục tại Mẫu số 04 Phụ lục II của Nghị định số 59/2015/NĐ-CP;

- Nhiệm vụ thiết kế đã được phê duyệt;

- Thuyết minh Báo cáo kinh tế - kỹ thuật;

- Báo cáo kết quả thẩm tra (nếu có).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ (hồ sơ gốc).

***4. Thời hạn giải quyết:*** Tính từ ngày cơ quan thẩm định nhận đủ hồ sơ hợp lệ, như sau: Không quá 10 ngày.

***5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:*** Người đề nghị thẩm định.

***6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:*** Sở Xây dựng.

***7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:*** Văn bản thông báo kết quả thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh; thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng/thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng điều chỉnh (trường hợp thiết kế 1 bước) quy định tại Mẫu số 05 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định 59/2015/NĐ-CP.

***8. Lệ phí:*** Theo quy định tại Thông tư số 210/2016/TT-BTC ngày 10 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định thiết kế kỹ thuật, phí thẩm định dự toán xây dựng.

***9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:***

- Tờ trình thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật/ Báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh quy định tại Mẫu số 04 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định 59/2015/NĐ-CP.

- Mẫu Báo cáo kết quả thẩm tra Báo cáo kinh tế - kỹ thuật/ Báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh quy định tại Mẫu số 02 Phụ lục I của Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016.

- Mẫu Báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế và dự toán của Báo cáo kinh tế - kỹ thuật/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh quy định tại Mẫu số 03 Phụ lục I của Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016.

***10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:*** Không

***11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:***

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

- Nghị định 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

- Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng;

- Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình.

- Thông tư số 210/2016/TT-BTC ngày 10 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định thiết kế kỹ thuật, phí thẩm định dự toán xây dựng

**Mẫu Tờ trình Báo cáo kinh tế - kỹ thuật/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh; thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng/thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng điều chỉnh (trường hợp thiết kế 1 bước)***(Ban hành kèm theo Phụ lục II Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ)*

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN TỔ CHỨC-------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------------** |
| Số: ………………. | *…………., ngày……tháng…….năm........* |

**TỜ TRÌNH**

**Thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng**

Kính gửi: (Cơ quan thẩm định)

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan.

(Tên chủ đầu tư) trình (Cơ quan thẩm định) thẩm định thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình

**I. THÔNG TIN CHUNG CÔNG TRÌNH**

1. Tên công trình:

2. Loại, cấp, quy mô công trình:

**3. Người quyết định đầu tư:**

4. Tên chủ đầu tư và các thông tin để liên lạc (điện thoại, địa chỉ,...):

5. Địa điểm xây dựng:

6. Giá trị dự toán xây dựng công trình:

7. Nguồn vốn đầu tư:

8. Nhà thầu lập thiết kế và dự toán xây dựng:

9. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng:

10. Các thông tin khác có liên quan:

**II. DANH MỤC HỒ SƠ GỬI KÈM BAO GỒM**

1. Văn bản pháp lý:

- Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình (đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công);

- Văn bản phê duyệt danh mục tiêu chuẩn nước ngoài (nếu có);

- Văn bản thẩm duyệt phòng cháy chữa cháy, báo cáo đánh giá tác động môi trường của cơ quan có thẩm quyền (nếu có);

- Báo cáo tổng hợp của chủ đầu tư;

- Và các văn bản khác có liên quan.

2. Tài liệu khảo sát xây dựng, thiết kế, dự toán:

- Hồ sơ khảo sát xây dựng;

- Hồ sơ thiết kế thiết kế bản vẽ thi công bao gồm thuyết minh và bản vẽ;

- Dự toán xây dựng công trình đối với công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước, vốn nhà nước ngoài ngân sách.

3. Hồ sơ năng lực của các nhà thầu:

- Thông tin năng lực của nhà thầu khảo sát, nhà thầu thiết kế xây dựng công trình;

- Giấy phép nhà thầu nước ngoài (nếu có);

- Chứng chỉ hành nghề của các chức danh chủ nhiệm khảo sát, chủ nhiệm đồ án thiết kế, chủ trì thiết kế của nhà thầu thiết kế (bản sao có chứng thực);

(Tên tổ chức) trình (Cơ quan thẩm định) thẩm định thiết kế và dự toán xây dựng công trình.... với các nội dung nêu trên./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Như trên;- Lưu: | **ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC***(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)***Tên người đại diện** |

**Mẫu Thông báo kết quả thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh; thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng/thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng điều chỉnh (trường hợp thiết kế 1 bước)***(Ban hành kèm theo Phụ lục II Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ)*

|  |  |
| --- | --- |
| **CƠ QUAN THẨM ĐỊNH-------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------------** |
| Số: ……………….*V/v thông báo kết quả thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng* | *…………., ngày……tháng…….năm........* |

Kính gửi: …………………………………………

(Cơ quan thẩm định) đã nhận Tờ trình số …. ngày........của……… đề nghị thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng.

Căn cứ hồ sơ trình thẩm định gửi kèm tờ trình thẩm định;

Căn cứ Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình số …. ngày........ của………;

Căn cứ Kết quả thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng (*nếu có*) của tổ chức tư vấn, cá nhân được (cơ quan thẩm định) giao (nếu có);

Các căn cứ khác có liên quan…………………………..

Sau khi xem xét, (cơ quan thẩm định) thông báo kết quả thẩm định thiết kế xây dựng và dự toán xây dựng công trình như sau:

**I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TRÌNH**

- Tên công trình...............................Loại, cấp công trình..........................

- Chủ đầu tư: …………………………………..…………..……………

- Giá trị dự toán xây dựng công trình:………………………………….

- Nguồn vốn:…………………………………………………………….

- Địa điểm xây dựng:…………………………………………………….

- Nhà thầu thiết kế xây dựng công trình, lập dự toán xây dựng: ………..

- Nhà thầu khảo sát xây dựng:..................................................................

**II. NỘI DUNG HỒ SƠ TRÌNH THẨM ĐỊNH**

1) Danh mục hồ sơ trình thẩm định;

2) Các quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng;

3) Giải pháp thiết kế chủ yếu về: kiến trúc, nền, móng, kết cấu, hệ thống kỹ thuật công trình, phòng chống cháy, nổ và các nội dung khác (*nếu có*);

4) Phương pháp lập dự toán được lựa chọn và các cơ sở để xác định các khoản mục chi phí trong dự toán xây dựng trình thẩm định (*nếu có*).

**III. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO KINH TẾ - KỸ THUẬT ĐẦU TƯ XÂY DỰNG**

1) Sự phù hợp với quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình.

2) Điều kiện năng lực của tổ chức, cá nhân thực hiện khảo sát, thiết kế; lập dự toán xây dựng (nếu có). Năng lực cá nhân thực hiện thẩm tra thiết kế và thẩm tra dự toán xây dựng (nếu có).

3) Sự hợp lý của các giải pháp thiết kế xây dựng công trình.

4) Sự tuân thủ các tiêu chuẩn áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật, quy định của pháp luật về sử dụng vật liệu xây dựng cho công trình.

5) Sự phù hợp của các giải pháp thiết kế công trình với công năng sử dụng của công trình, mức độ an toàn công trình và đảm bảo an toàn của công trình lân cận.

6) Sự hợp lý của việc lựa chọn dây chuyền và thiết bị công nghệ đối với thiết kế công trình có yêu cầu về công nghệ (nếu có).

7) Sự tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy, nổ.

8) Yêu cầu sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện thiết kế (*nếu có*)

(Đối với dự án sử dụng vốn khác ngoài các nội dung thẩm định nêu trên thì còn phải thẩm định thêm các nội dung được quy định tại **Điểm a, Điểm b Khoản 4 Điều 58 Luật Xây dựng năm 2014)**

**Kết quả thẩm định dự toán (nếu có yêu cầu)**

9) Sự phù hợp giữa khối lượng chủ yếu của dự toán với khối lượng thiết kế.

10) Tính đúng đắn, hợp lý của việc áp dụng, vận dụng định mức, đơn giá xây dựng công trình.

11) Giá trị dự toán xây dựng:............. (giá trị dự toán ghi bằng chữ), trong đó:

- Chi phí xây dựng:

- Chi phí thiết bị (nếu có):

- Chi phí quản lý dự án:

- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:

- Chi phí khác:

- Chi phí dự phòng:

12) Nội dung khác (*nếu có*)

**IV. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ**

- Đủ điều kiện hay chưa đủ điều kiện để trình phê duyệt.

- Yêu cầu, kiến nghị đối với chủ đầu tư (*nếu có*)

|  |  |
| --- | --- |
|  ***Nơi nhận:***- Như trên;- Lưu:…… | **CƠ QUAN THẨM ĐỊNH***(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)* |

**6. Thủ tục thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng/ thiết kế, dự toán xây dựng điều chỉnh**

***1. Trình tự thực hiện:***

- Chủ đầu tư chuẩn bị 01 hồ sơ thiết kế kỹ thuật, dự toán xây dựng (với công trình thực hiện thiết kế 3 bước), hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng (với công trình thực hiện thiết kế 2 bước) với đầy đủ thành phần hồ sơ và đảm bảo chất lượng hồ sơ.

- Đối với các hồ sơ trình thẩm định không đảm bảo điều kiện thẩm định theo quy định, cơ quan chuyên môn về xây dựng có văn bản gửi người đề nghị thẩm định nêu rõ lý do và từ chối thực hiện thẩm định.

- Trường hợp cơ quan chuyên môn về xây dựng không đủ điều kiện thực hiện công tác thẩm định, trong vòng 05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan chuyên môn về xây dựng có văn bản yêu cầu chủ đầu tư lựa chọn trực tiếp tổ chức có năng lực phù hợp theo quy định để ký hợp đồng thẩm tra phục vụ công tác thẩm định. Thời gian thực hiện thẩm tra không vượt quá 15 ngày đối với công trình cấp II và cấp III; 10 ngày đối với các công trình còn lại. Chủ đầu tư có trách nhiệm gửi kết quả thẩm tra, hồ sơ thiết kế đã đóng dấu thẩm tra cho cơ quan chuyên môn về xây dựng để làm cơ sở thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng.

***2. Cách thức thực hiện:***

- Gửi hồ sơ qua mạng trực tuyến hoặc qua đường Bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng tại Trung tâm hành chính công tỉnh.

***3. Thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ:***

a) Thành phần hồ sơ:

- Tờ trình thẩm định thiết kế xây dựng (theo Mẫu số 06 quy định tại Phụ lục II Nghị định số 59/2015/NĐ-CP);

- Thuyết minh thiết kế, các bản vẽ thiết kế, các tài liệu khảo sát xây dựng liên quan.

- Bản sao quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình kèm theo hồ sơ thiết kế cơ sở được phê duyệt hoặc phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình, trừ công trình nhà ở riêng lẻ.

- Bản sao hồ sơ về điều kiện năng lực của các chủ nhiệm, chủ trì khảo sát, thiết kế xây dựng công trình; văn bản thẩm duyệt phòng cháy chữa cháy, báo cáo đánh giá tác động môi trường (nếu có).

- Báo cáo tổng hợp của chủ đầu tư về sự phù hợp của hồ sơ thiết kế so với quy định hợp đồng.

- Dự toán xây dựng công trình đối với công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước, vốn nhà nước ngoài ngân sách.

- Báo cáo kết quả thẩm tra (nếu có).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

***4. Thời hạn giải quyết:***

- Đối với công trình cấp II và cấp III: không quá 15 ngày.

- Đối với các công trình còn lại: không quá 10 ngày.

 ***5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:*** Tổ chức và cá nhân.

***6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:***  Sở Xây dựng

***7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:***

- Văn bản về kết quả thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng được lập theo Mẫu số 07 Phụ lục II Nghị định số 59/2015/NĐ-CP.

***8. Lệ phí****:* Theo quy định tại Thông tư số 210/2016/TT-BTC ngày 10 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định thiết kế kỹ thuật, phí thẩm định dự toán xây dựng.

***9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai***

- Tờ trình thẩm định thiết kế xây dựng (theo Mẫu số 06 quy định tại Phụ lục II Nghị định số 59/2015/NĐ-CP).

- Mẫu Báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế và dự toán xây dựng công trình quy định tại Mẫu số 04 Phụ lục I của Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016.

***10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính****:* Không

***11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:***

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 24/6/2014 của Quốc hội;

- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

- Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng;

- Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình.

- Thông tư số 210/2016/TT-BTC ngày 10 tháng 11 năm 2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định thiết kế kỹ thuật, phí thẩm định dự toán xây dựng

**MẪU TỜ TRÌNH**
**Thẩm định thiết kế xây dựng và dự toán xây dựng công trình***(Ban hành kèm theo Phụ lục II Nghị định số 59/2015/NĐ-CP*

*ngày 18/6/2015 của Chính phủ)*

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN TỔ CHỨC-------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------------** |
| Số: ………………. | *…………., ngày……tháng…….năm........* |

**TỜ TRÌNH**

**Thẩm định thiết kế xây dựng và dự toán xây dựng công trình**

Kính gửi: (Cơ quan thẩm định)

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan.

(Tên chủ đầu tư) trình (Cơ quan thẩm định) thẩm định thiết kế (thiết kế kỹ thuật/thiết kế bản vẽ thi công) và dự toán xây dựng công trình

**I. THÔNG TIN CHUNG CÔNG TRÌNH**

1. Tên công trình:

2. Cấp công trình:

3. Thuộc dự án: Theo quyết định đầu tư được phê duyệt

4. Tên chủ đầu tư và các thông tin để liên lạc (điện thoại, địa chỉ,...):

5. Địa điểm xây dựng:

6. Giá trị dự toán xây dựng công trình:

7. Nguồn vốn đầu tư:

8. Nhà thầu lập thiết kế và dự toán xây dựng:

9. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng:

10. Các thông tin khác có liên quan:

**II. DANH MỤC HỒ SƠ GỬI KÈM BAO GỒM**

1. Văn bản pháp lý:

- Quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình;

- Hồ sơ thiết kế cơ sở được phê duyệt cùng dự án đầu tư xây dựng;

- Văn bản phê duyệt danh mục tiêu chuẩn nước ngoài (nếu có);

- Văn bản thẩm duyệt phòng cháy chữa cháy, báo cáo đánh giá tác động môi trường của cơ quan có thẩm quyền (nếu có);

- Báo cáo tổng hợp của chủ đầu tư;

- Các văn bản khác có liên quan.

2. Tài liệu khảo sát xây dựng, thiết kế, dự toán:

- Hồ sơ khảo sát xây dựng;

- Hồ sơ thiết kế kỹ thuật/thiết kế bản vẽ thi công bao gồm thuyết minh và bản vẽ;

- Dự toán xây dựng công trình đối với công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước, vốn nhà nước ngoài ngân sách.

3. Hồ sơ năng lực của các nhà thầu:

- Thông tin năng lực của nhà thầu khảo sát, nhà thầu thiết kế xây dựng công trình;

- Giấy phép nhà thầu nước ngoài (nếu có);

- Chứng chỉ hành nghề của các chức danh chủ nhiệm khảo sát, chủ nhiệm đồ án thiết kế, chủ trì thiết kế của nhà thầu thiết kế.

(Tên tổ chức) trình (Cơ quan thẩm định) thẩm định thiết kế và dự toán xây dựng công trình.... với các nội dung nêu trên./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Như trên;- Lưu: | **ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC***(Ký tên, đóng dấu)***Tên người đại diện** |

**Mẫu thông báo kết quả thẩm định thiết kế và dự toán xây dựng công trình***(Ban hành kèm theo Phụ lục II Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ)*

|  |  |
| --- | --- |
| **CƠ QUAN THẨM ĐỊNH-------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------------** |
| Số: ……………….*V/v thông báo kết quả thẩm định thiết kế và dự toán xây dựng công trình.* | *…………., ngày……tháng…….năm........* |

Kính gửi: …………………………………………

(Cơ quan thẩm định) đã nhận tờ trình số …. ngày........của……… đề nghị thẩm định thiết kế xây dựng (TKKT/TKBVTC) và dự toán xây dựng (nếu có) công trình……… thuộc dự án đầu tư…………..

Căn cứ hồ sơ trình thẩm định gửi kèm tờ trình thẩm định;

Căn cứ Kết quả thẩm tra thiết kế (TKKT/TKBVTC) và dự toán xây dựng (nếu có) của tổ chức tư vấn, cá nhân được (cơ quan thẩm định) giao (nếu có);

Các căn cứ khác có liên quan…………………………..

Sau khi xem xét, (cơ quan thẩm định) thông báo kết quả thẩm định thiết kế xây dựng và dự toán xây dựng công trình như sau:

**I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TRÌNH**

- Tên công trình................................Loại, cấp công trình............................

- Thuộc dự án đầu tư:...................................................................................

- Chủ đầu tư: ……………………………………..………………………

- Giá trị dự toán xây dựng công trình:…………………………………..

- Nguồn vốn:………………………………………………………………

- Địa điểm xây dựng:……………………………………………………

- Nhà thầu thiết kế xây dựng công trình, lập dự toán xây dựng (nếu có)

- Nhà thầu khảo sát xây dựng......................................................................

**II. NỘI DUNG HỒ SƠ TRÌNH THẨM ĐỊNH**

1. Danh mục hồ sơ trình thẩm định.

2. Các quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng.

3. Giải pháp thiết kế chủ yếu về: kiến trúc, nền, móng, kết cấu, hệ thống kỹ thuật công trình, phòng chống cháy, nổ và các nội dung khác (nếu có).

4. Phương pháp lập dự toán được lựa chọn và các cơ sở để xác định các khoản mục chi phí trong dự toán xây dựng trình thẩm định (nếu có).

**III. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ XÂY DỰNG**

1. Điều kiện năng lực của tổ chức, cá nhân thực hiện khảo sát, thiết kế; lập dự toán xây dựng (nếu có). Năng lực cá nhân thực hiện thẩm tra thiết kế và thẩm tra dự toán xây dựng (nếu có).

2. Sự phù hợp của thiết kế xây dựng bước sau so với thiết kế xây dựng bước trước (thiết kế kỹ thuật so với thiết kế cơ sở; thiết kế bản vẽ thi công so với thiết kế kỹ thuật trong trường hợp thiết kế ba bước, so với thiết kế cơ sở trong trường hợp thiết kế hai bước hoặc so với nhiệm vụ thiết kế trong trường hợp thiết kế một bước).

3. Sự hợp lý của các giải pháp thiết kế xây dựng công trình;

4. Sự tuân thủ các tiêu chuẩn áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật, quy định của pháp luật về sử dụng vật liệu xây dựng cho công trình.

5. Sự phù hợp của các giải pháp thiết kế công trình với công năng sử dụng của công trình, mức độ an toàn công trình và đảm bảo an toàn của công trình lân cận.

6. Sự hợp lý của việc lựa chọn dây chuyền và thiết bị công nghệ đối với thiết kế công trình có yêu cầu về công nghệ (nếu có).

7. Sự tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy, nổ.

8. Yêu cầu sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện thiết kế (nếu có).

**IV. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH DỰ TOÁN (NẾU CÓ YÊU CẦU)**

1. Sự phù hợp giữa khối lượng chủ yếu của dự toán với khối lượng thiết kế.

2. Tính đúng đắn, hợp lý của việc áp dụng, vận dụng định mức, đơn giá xây dựng công trình.

3. Giá trị dự toán xây dựng là:..................... (giá trị dự toán ghi bằng chữ), trong đó:

- Chi phí xây dựng:

- Chi phí thiết bị (nếu có):

- Chi phí quản lý dự án:

- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:

- Chi phí khác:

- Chi phí dự phòng:

4. Nội dung khác (nếu có).

**V. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ**

- Đủ điều kiện hay chưa đủ điều kiện để trình phê duyệt.

- Yêu cầu, kiến nghị đối với chủ đầu tư (nếu có).

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Như trên;- Lưu:…… | **CƠ QUAN THẨM ĐỊNH***(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)* |

**7. Thủ tục kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng đối với các công trình trên địa bàn thuộc trách nhiệm quản lý của Sở Xây dựng, trừ các công trình thuộc thẩm quyền kiểm tra của Hội đồng nghiệm thu Nhà nước các công trình xây dựng, cơ quan chuyên môn về xây dựng trực thuộc Bộ Xây dựng và Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành.**

***1. Trình tự thực hiện:***

- Tối thiểu trước 10 ngày so với ngày chủ đầu tư dự kiến tổ chức nghiệm thu đưa công trình, hạng mục công trình vào sử dụng, chủ đầu tư phải gửi báo cáo hoàn thành thi công xây dựng hạng mục công trình, công trình xây dựng cho Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành;

- Sau khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành thông báo bằng văn bản về kế hoạch kiểm tra;

- Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành tổ chức kiểm tra theo kế hoạch và ra văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu của chủ đầu tư trong thời hạn 05 ngày kể từ khi kết thúc kiểm tra. Trong trường hợp chủ đầu tư phải thực hiện giải trình, khắc phục các tồn tại (nếu có), thí nghiệm đối chứng, thử tải, kiểm định chất lượng bộ phận, hạng mục, công trình theo yêu cầu của cơ quan chuyên môn về xây dựng thì thời hạn nêu trên được tính từ khi chủ đầu tư hoàn thành các yêu cầu này.

***2. Cách thức thực hiện:***

- Gửi hồ sơ qua mạng trực tuyến hoặc qua đường Bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng tại Trung tâm hành chính công tỉnh.

***3. Thành phần, số lượng hồ sơ:***

***-*** Gửi 01 báo cáo hoàn thành thi công xây dựng hạng mục công trình, công trình xây dựng theo mẫu số 02 Phụ lục V Thông tư số 26/2016/TT-BXD ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ Xây dựng;

- Danh mục hồ sơ hoàn thành công trình xây dựng theo mẫu Phụ lục III Thông tư số 26/2016/TT-BXD ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ Xây dựng

***4 Thời hạn giải quyết:*** Không quá 05 ngày kể từ khi kết thúc kiểm tra.

***5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:*** Chủ đầu tư

***6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:*** Sở Xây dựng

***7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:*** Văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu theo mẫu số 03 Phụ lục V Thông tư số 26/2016/TT-BXD ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ Xây dựng

***8. Lệ phí, phí:*** Không có. (Chi phí để thực hiện được tính trong tổng mức đầu tư và do Chủ đầu tư thanh toán theo thực tế).

***9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:*** Không

***10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:*** Không

***11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:***

- Luật Xây dựng ngày 18/06/2014;

- Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/05/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng.

- Thông tư số 26/2016/TT-BXD ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng.

**Mẫu báo cáo hoàn thành thi công xây dựng**

 **hạng mục công trình, công trình xây dựng**

|  |  |
| --- | --- |
| ……… (1) ………-------- | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------------** |
| Số: ................. | *.........., ngày......... tháng......... năm.........* |

**BÁO CÁO HOÀN THÀNH THI CÔNG XÂY DỰNG
HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH, CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG**

Kính gửi : ………………. (2)………………………….

..... (1)...... báo cáo kết quả nghiệm thu hoàn thành thi công xây dựng hạng mục công trình, công trình xây dựng với các nội dung sau:

1. Tên hạng mục công trình, công trình xây dựng:…………………

2. Địa điểm xây dựng ……………………………………

3. Quy mô hạng mục công trình, công trình xây dựng: (nêu tóm tắt về các thông số kỹ thuật chủ yếu của công trình).

4. Danh sách các nhà thầu (tổng thầu xây dựng, nhà thầu chính: khảo sát xây dựng, thiết kế xây dựng, thi công xây dựng, giám sát thi công xây dựng).

5. Ngày khởi công và ngày hoàn thành (dự kiến).

6. Khối lượng của các loại công việc xây dựng chủ yếu đã được thực hiện.

7. Đánh giá về chất lượng hạng mục công trình, công trình xây dựng so với yêu cầu của thiết kế.

8. Báo cáo về việc đủ điều kiện để đưa hạng mục công trình, công trình xây dựng vào sử dụng.

9. Kèm theo báo cáo là danh mục hồ sơ hoàn thành công trình xây dựng.

Đề nghị ….(1)…. tổ chức kiểm tra hạng mục công trình, công trình xây dựng theo thẩm quyền./.

|  |  |
| --- | --- |
|  ***Nơi nhận:***- Như trên;- Lưu ... | **NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CHỦ ĐẦU TƯ***(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu pháp nhân)* |

***Ghi chú:***

(1) Tên của chủ đầu tư. (2) Tên cơ quan chuyên môn về xây dựng kiểm tra công tác nghiệm thu của chủ đầu tư theo thẩm quyền quy định tại Khoản 2 Điều 32 Nghị định 46/2015/NĐ-CP.

**Mẫu thông báo kết quả kiểm tra của cơ quan chuyên môn**

**về xây dựng đối với việc nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình,**

**công trình xây dựng**

|  |  |
| --- | --- |
| ……… (1) ………-------- | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------------** |
| Số: .................V/v: Thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng | *.........., ngày......... tháng......... năm.........* |

Kính gửi : .......…...............

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về Quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; Thông tư số 26/2016/TT-BXD ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Ngày ..........., ……..(1)…… đã thực hiện kiểm tra công tác nghiệm thu của Chủ đầu tư đối với hạng mục công trình, công trình xây dựng ....(tên công trình)..... Trên cơ sở báo cáo hoàn thành thi công xây dựng hạng mục công trình, công trình xây dựng số ..... (3)..... ngày ..... tháng ..... năm … của Chủ đầu tư và báo cáo của các bên liên quan; biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng số ….. ngày …. tháng …. năm …; ………..(1)…… thông báo kết quả kiểm tra như sau:

1. Thông tin chung về hạng mục công trình, công trình xây dựng

*(Nêu tên hạng mục công trình, công trình xây dựng được kiểm tra; địa điểm xây dựng; quy mô, công suất; các chủ thể tham gia xây dựng công trình)*

2. Hiện trạng chất lượng của hạng mục công trình, công trình xây dựng

*(Nêu hiện trạng thi công xây dựng hạng mục công trình, công trình xây dựng được kiểm tra; về tình hình chất lượng hạng mục công trình, công trình xây dựng)*

3. Sự tuân thủ các quy định của pháp luật

*(Nêu các đánh giá về năng lực các chủ thể tham gia xây dựng hạng mục công trình, công trình xây dựng, sự tuân thủ quy định về quản lý chất lượng và các quy định khác có liên quan, công tác lập và lưu trữ hồ sơ, ... thông qua kiểm tra hồ sơ hoàn thành công trình.)*

4. Các yêu cầu đối với Chủ đầu tư

*(Yêu cầu khắc phục các tồn tại nếu có; các yêu cầu khác).*

5. Kết luận

*(nêu ý kiến chấp thuận hoặc chấp thuận có điều kiện hoặc không chấp thuận kết quả nghiệm thu của Chủ đầu tư)*

|  |  |
| --- | --- |
|  ***Nơi nhận:***- Như trên;- Lưu: … | ……………. (1) …………..*(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu pháp nhân)* |

***Ghi chú:***

(1)Tên cơ quan chuyên môn về xây dựng kiểm tra công tác nghiệm thu của chủ đầu tư theo thẩm quyền quy định tại Khoản 2 Điều 32 Nghị định 46/2015/NĐ-CP. (2) Tên của chủ đầu tư. (3) Báo cáo hoàn thành thi công xây dựng hạng mục công trình, công trình xây dựng theo Mẫu số 02 Phụ lục này.

**Phụ lục III**

*(Kèm theo Thông tư số 26/2016/TT-BXD ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ Xây dựng)*

**DANH MỤC HỒ SƠ HOÀN THÀNH CÔNG TRÌNH**

**I. HỒ SƠ CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ HỢP ĐỒNG**

1. Quyết định chủ trương đầu tư xây dựng và Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi đầu tư xây dựng.

2. Quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình và Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng hoặc Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng.

3. Nhiệm vụ thiết kế, các văn bản thẩm định, tham gia ý kiến của các cơ quan có liên quan trong việc thẩm định dự án đầu tư xây dựng và thiết kế cơ sở.

4. Phương án đền bù giải phóng mặt bằng và xây dựng tái định cư (nếu có).

5. Văn bản của các tổ chức, cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có) về: thỏa thuận quy hoạch, thỏa thuận hoặc chấp thuận sử dụng hoặc đấu nối với công trình kỹ thuật bên ngoài hàng rào; đánh giá tác động môi trường, đảm bảo an toàn (an toàn giao thông, an toàn cho các công trình lân cận) và các văn bản khác có liên quan.

6. Quyết định cấp đất, cho thuê đất của cơ quan có thẩm quyền hoặc hợp đồng thuê đất đối với trường hợp không được cấp đất.

7. Giấy phép xây dựng, trừ những trường hợp được miễn giấy phép xây dựng.

8. Quyết định chỉ định thầu, phê duyệt kết quả lựa chọn các nhà thầu và các hợp đồng xây dựng giữa chủ đầu tư với các nhà thầu.

9. Các tài liệu chứng minh điều kiện năng lực của các nhà thầu theo quy định.

10. Các hồ sơ, tài liệu khác có liên quan trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư xây dựng.

**II. HỒ SƠ KHẢO SÁT XÂY DỰNG, THIẾT KẾ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH**

1. Nhiệm vụ khảo sát, phương án kỹ thuật khảo sát, báo cáo khảo sát xây dựng công trình.

2. Văn bản thông báo chấp thuận nghiệm thu kết quả khảo sát xây dựng.

3. Kết quả thẩm tra, thẩm định thiết kế xây dựng; quyết định phê duyệt thiết kế kỹ thuật xây dựng công trình kèm theo: hồ sơ thiết kế xây dựng công trình đã được phê duyệt (có danh mục bản vẽ kèm theo); chỉ dẫn kỹ thuật.

4. Văn bản thông báo chấp thuận nghiệm thu thiết kế xây dựng công trình.

5. Các văn bản, tài liệu, hồ sơ khác có liên quan đến giai đoạn khảo sát, thiết kế xây dựng công trình.

**III. HỒ SƠ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG THI CÔNG XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH**

1. Danh mục các thay đổi thiết kế trong quá trình thi công xây dựng công trình và các văn bản thẩm định, phê duyệt của cấp có thẩm quyền.

2. Bản vẽ hoàn công (có danh mục bản vẽ kèm theo).

3. Các kế hoạch, biện pháp kiểm tra, kiểm soát chất lượng thi công xây dựng công trình.

4. Các chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa, nhãn mác hàng hóa, tài liệu công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với sản phẩm, hàng hóa; chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy, thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy của cơ quan chuyên ngành; chứng nhận hợp chuẩn (nếu có) theo quy định của Luật chất lượng sản phẩm hàng hóa.

5. Các kết quả quan trắc, đo đạc, thí nghiệm trong quá trình thi công và quan trắc trong quá trình vận hành.

6. Các biên bản nghiệm thu công việc xây dựng, nghiệm thu bộ phận hoặc giai đoạn công trình (nếu có) trong quá trình thi công xây dựng.

7. Các kết quả thí nghiệm đối chứng, kiểm định chất lượng công trình, thí nghiệm khả năng chịu lực kết cấu xây dựng (nếu có).

8. Lý lịch thiết bị lắp đặt trong công trình.

9. Quy trình vận hành, khai thác công trình; quy trình bảo trì công trình.

10. Văn bản thỏa thuận, chấp thuận, xác nhận của các tổ chức, cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có) về:

a) Di dân vùng lòng hồ, khảo sát các di tích lịch sử, văn hóa;

b) An toàn phòng cháy, chữa cháy;

c) An toàn môi trường;

d) An toàn lao động, an toàn vận hành hệ thống thiết bị công trình, thiết bị công nghệ;

đ) Thực hiện Giấy phép xây dựng (đối với trường hợp phải có giấy phép xây dựng);

e) Cho phép đấu nối với công trình hạ tầng kỹ thuật và các công trình khác có liên quan;

g) Các văn bản khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

11. Hồ sơ giải quyết sự cố công trình (nếu có).

12. Biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng đưa vào sử dụng.

13. Phụ lục các tồn tại cần sửa chữa, khắc phục (nếu có) sau khi đưa công trình vào sử dụng.

14. Các hồ sơ/ văn bản/ tài liệu khác có liên quan trong giai đoạn thi công xây dựng và nghiệm thu công trình xây dựng.

15. Thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu trong quá trình thi công xây dựng và thông báo chấp thuận kết quả nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng của cơ quan chuyên môn về xây dựng.

**III. CẤP GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG CHO NHÀ THẦU NƯỚC NGOÀI**

**8. Thủ tục cấp giấy phép hoạt động xây dựng cho tổ chức và cá nhân nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam (sau đây gọi tắt là Nhà thầu): Thực hiện hợp đồng của dự án nhóm B, C**

***1. Trình tự thực hiện:***

* Nhà thầu chuẩn bị 01 bộ hồ sơ cấp giấy phép hoạt động xây dựng cho tổ chức và cá nhân nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam (sau đây gọi tắt là Nhà thầu): Thực hiện hợp đồng của dự án nhóm B, C với đầy đủ thành phần hồ sơ và đảm bảo chất lượng hồ sơ.

- Sau khi nhận được hồ sơ, Sở Xây dựng có trách nhiệm xem xét hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không đúng, không đủ theo quy định trong 3 ngày phải thông báo và hướng dẫn một lần bằng văn bản cho nhà thầu biết để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

- Sau khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Xây dựng xem xét và cấp phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu. Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện theo quy định để được cấp giấy phép hoạt động xây dựng thì Sở Xây dựng phải thông báo bằng văn bản cho nhà thầu biết.

***2. Cách thức thực hiện:***

* Gửi hồ sơ qua mạng trực tuyến hoặc qua đường Bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng tại Trung tâm hành chính công tỉnh.

***3. Thành phần, số lượng hồ sơ:***

a) Thành phần hồ sơ:

*- Đối với nhà thầu là tổ chức:*

+ Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động xây dựng.

+ Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp màu văn bản gốc có định dạng ảnh hoặc định dạng khác (\*.pdf) văn bản về kết quả đấu thầu hoặc quyết định chọn thầu hoặc hợp đồng giao nhận thầu hợp pháp.

+ Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp màu văn bản gốc có định dạng ảnh hoặc định dạng khác (\*.pdf) giấy phép thành lập (hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của tổ chức) và chứng chỉ hành nghề (nếu có) của nước, nơi mà nhà thầu nước ngoài mang quốc tịch cấp hoặc nơi mà nhà thầu đang thực hiện dự án cấp.

+ Tệp tin chứa bản chụp màu văn bản gốc có định dạng ảnh hoặc định dạng khác (\*.pdf) biểu báo cáo kinh nghiệm hoạt động xây dựng liên quan đến công việc nhận thầu theo mẫu và báo cáo tổng hợp kết quả kiểm toán trong 3 năm gần nhất (đối với trường hợp nhà thầu nhận thực hiện gói thầu thuộc đối tượng không bắt buộc phải áp dụng theo quy định của pháp luật về đấu thầu của Việt Nam).

+ Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp màu văn bản gốc có định dạng ảnh hoặc định dạng khác (\*.pdf) hợp đồng liên danh với nhà thầu Việt Nam hoặc hợp đồng với nhà thầu phụ Việt Nam (có trong hồ sơ dự thầu hoặc hồ sơ chào thầu), trong đó xác định rõ phần việc mà nhà thầu Việt Nam thực hiện.

Trường hợp khi dự thầu hoặc chọn thầu chưa xác định được thầu phụ, khi đề nghị cấp giấy phép hoạt động xây dựng phải có hợp đồng với thầu phụ Việt Nam kèm theo văn bản chấp thuận của chủ đầu tư và bản sao Giấy đăng ký kinh doanh của nhà thầu phụ Việt Nam.

+ Giấy ủy quyền hợp pháp đối với người không phải là người đại diện theo pháp luật của nhà thầu.

+ Tệp tin chứa bản chụp màu văn bản gốc có định dạng ảnh hoặc định dạng khác (\*.pdf) quyết định đầu tư dự án hoặc giấy chứng nhận đầu tư hoặc văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư.

*- Đối với nhà thầu là cá nhân:*

+ Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động xây dựng được quy định.

+ Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp màu văn bản gốc có định dạng ảnh hoặc định dạng khác (\*.pdf) văn bản kết quả đấu thầu hoặc quyết định chọn thầu hoặc hợp đồng giao nhận thầu hợp pháp.

+ Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp màu văn bản gốc có định dạng ảnh hoặc định dạng khác (\*.pdf) giấy phép hoạt động hoặc chứng chỉ hành nghề do nước mà cá nhân mang quốc tịch hoặc nơi mà cá nhân thực hiện dự án cấp và bản sao hộ chiếu cá nhân.

+ Tệp tin chứa bản chụp màu văn bản gốc có định dạng ảnh hoặc định dạng khác (\*.pdf) quyết định đầu tư dự án hoặc giấy chứng nhận đầu tư hoặc văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

***4. Thời hạn giải quyết:*** Không quá 7 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

***5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:*** Nhà thầu

***6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:*** Sở Xây dựng;

***7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:***

- Giấy phép hoạt động xây dựng của tổ chức, cá nhân là nhà thầu nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam.

***8. Lệ phí:***

- Lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng;

- Mức phí: 2.000.000 đồng/Giấy phép (theo quy định của Bộ Tài chính).

***9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:***

Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động xây dựng theo quy định tại Phụ lục số 1 (đối với nhà thầu là tổ chức) và Phụ lục số 4 (đối với nhà thầu là cá nhân) Thông tư số 14/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về cấp giấy phép hoạt động xây dựng và quản lý nhà thầu nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam.

***10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:***

a) Yêu cầu hoặc điều kiện 1: Phải công bố thông tin trên Trang thông tin điện tử của Bộ Xây dựng và Sở Xây dựng theo phân cấp.

b) Yêu cầu hoặc điều kiện 2: Trường hợp các gói thầu thuộc đối tượng bắt buộc áp dụng theo quy định của pháp luật về đấu thầu của Việt Nam, nhà thầu nước ngoài phải đảm bảo điều kiện đã có quyết định trúng thầu hoặc được chọn thầu.

c) Yêu cầu hoặc điều kiện 3: Trường hợp đối với gói thầu thuộc đối tượng không bắt buộc áp dụng theo quy định pháp luật về đấu thầu của Việt Nam, nhà thầu nước ngoài phải đảm bảo các điều kiện sau:

- Đã có quyết định trúng thầu hoặc được chọn thầu của chủ đầu tư;

- Có đủ điều kiện năng lực phù hợp với công việc nhận thầu theo quy định của pháp luật về xây dựng.

d) Yêu cầu hoặc điều kiện 4: Nhà thầu nước ngoài phải liên danh với nhà thầu Việt Nam hoặc sử dụng nhà thầu phụ Việt Nam, trừ trường hợp nhà thầu trong nước không đủ năng lực tham gia vào bất kỳ công việc nào của gói thầu. Khi liên danh hoặc sử dụng nhà thầu Việt Nam phải phân định rõ nội dung, khối lượng và giá trị phần công việc do nhà thầu Việt Nam trong liên danh; nhà thầu phụ Việt Nam thực hiện*.*

e) Yêu cầu hoặc điều kiện 5: Nhà thầu nước ngoài phải cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật Việt Nam có liên quan đến hoạt động nhận thầu tại Việt Nam.

***11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:***

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

- Thông tư số 14/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về cấp giấy phép hoạt động xây dựng và quản lý nhà thầu nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam.

- [Thông tư 172/2016/TT-BTC quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Thong-tu-172-2016-TT-BTC-muc-thu-che-do-thu-nop-le-phi-hoat-dong-xay-dung-320227.aspx).

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG
*(Ban hành kèm theo Phụ lục số 3 Thông tư số 14/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng)*

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG**(Đối với nhà thầu là tổ chức)

Văn bản số:..............                               ......*........., ngày...... tháng...... năm........*

Kính gửi: Cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Xây dựng

(Hoặc ông Giám đốc Sở Xây dựng..............)

Tôi: (Họ tên)       …………………             Chức vụ:

Được ủy quyền của ông (bà):    theo giấy ủy quyền:       (kèm theo đơn này)

Đại diện cho:……………………………………………………………….

Địa chỉ đăng ký tại chính quốc:…………………………………………….

Số điện thoại:……………………………. Fax:   …….               E.mail:…..

Địa chỉ văn phòng đại diện tại Việt Nam (nếu có):………………………….

Số điện thoại:    ………………… Fax:………………..   E.mail:…………….

Công ty (hoặc Liên danh) chúng tôi đã được chủ đầu tư (hoặc thầu chính, trường hợp là thầu phụ làm đơn) là:..................... thông báo thắng thầu (hoặc được chọn thầu) để làm thầu chính (hoặc thầu phụ) thực hiện công việc.......... thuộc Dự án............... tại................, trong thời gian từ.................. đến..............

Chúng tôi đề nghị Cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Xây dựng Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (hoặc Sở Xây dựng....) xét cấp Giấy phép hoạt động xây dựng cho Công ty chúng tôi để thực hiện việc thầu nêu trên.

Hồ sơ gửi kèm theo gồm:

Các tài liệu được quy định tại Điều 4 của Thông tư này.

Nếu hồ sơ của chúng tôi cần phải bổ sung hoặc làm rõ thêm nội dung gì, xin báo cho ông (bà)................ có địa chỉ tại Việt Nam.................... số điện thoại..................... Fax..................... E.mail................

Khi được cấp Giấy phép hoạt động xây dựng, chúng tôi xin cam đoan thực hiện đầy đủ các quy định trong Giấy phép và các quy định của pháp luật Việt Nam có liên quan.

|  |  |
| --- | --- |
|   | **Thay mặt (hoặc thừa ủy quyền)..............(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu Công ty)** |

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG
*(Ban hành kèm theo Phụ lục số 4 Thông tư số 14/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng)*

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG**(Đối với nhà thầu là cá nhân)

Kính gửi: Cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Xây dựng

Ông Giám đốc Sở Xây dựng...............................

Tôi: (Họ tên)  ………………………………………. Nghề nghiệp:………..

Có hộ chiếu số:………………………….. (sao kèm theo đơn này) ……………

Địa chỉ tại chính quốc: …………………………………………………..

Số điện thoại:  ……………………….  Fax:   …………….     E.mail:…….

Địa chỉ tại Việt Nam (nếu có):………………………………..

Số điện thoại:   …………………………. Fax: ……………….. E.mail:……..

Tôi được chủ đầu tư (hoặc thầu chính) là................... thông báo thắng thầu (hoặc chọn thầu) làm tư vấn công việc................ thuộc Dự án.................... tại.......................... Trong thời gian từ...............

Đề nghị Cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Xây dựng/Sở Xây dựng........................ xét cấp giấy phép hoạt động xây dựng cho tôi để thực hiện các công việc nêu trên.

Hồ sơ kèm theo gồm:

Các tài liệu quy định tại Điều 5 của Thông tư này.

Nếu hồ sơ của tôi cần được bổ sung hoặc làm rõ thêm nội dung gì, xin báo cho ông (bà)............... có địa chỉ tại Việt Nam........................... số điện thoại.................. Fax.................................. E.mail..................................................

Khi được cấp giấy phép hoạt động xây dựng, tôi xin cam đoan thực hiện đầy đủ các quy định trong giấy phép và các quy định của pháp luật Việt Nam có liên quan.

|  |  |
| --- | --- |
|   | *........, ngày...... tháng...... năm........*Kính đơn(Ký tên) |

**9. Thủ tục điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng cho tổ chức và cá nhân nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam (sau đây gọi tắt là Nhà thầu): Thực hiện hợp đồng của dự án nhóm B, C**

***1. Trình tự thực hiện:***

Sau khi được cấp giấy phép hoạt động xây dựng, nếu có những thay đổi về tên, địa chỉ của nhà thầu, thay đổi các đối tác trong liên danh hoặc nhà thầu phụ hoặc các nội dung khác đã ghi trong giấy phép hoạt động xây dựng được cấp, nhà thầu nước ngoài phải Gửi hồ sơ qua mạng trực tuyến hoặc qua đường Bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng tại Trung tâm hành chính công tỉnh để được xem xét điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng đã cấp.

***2. Cách thức thực hiện:***

* Gửi hồ sơ qua mạng trực tuyến hoặc qua đường Bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng tại Trung tâm hành chính công tỉnh.

***3. Thành phần, số lượng hồ sơ:***

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng.

- Các tài liệu chứng minh cho những nội dung đề nghị điều chỉnh. Các tài liệu phải được dịch ra tiếng Việt và được chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

***4. Thời hạn giải quyết:*** Không quá 7 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

***5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:*** Nhà thầu

***6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:*** Sở Xây dựng;

***7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính*:**

Giấy phép hoạt động xây dựng của nhà thầu nước ngoài được điều chỉnh.

***8. Lệ phí:***

- Lệ phí điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng;

- Mức phí: 2.000.000 đồng/Giấy phép (theo quy định của Bộ Tài chính).

***9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:***

Đơn đề nghị điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng theo quy định tại Phụ lục số 8 Thông tư số 14/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về cấp giấy phép hoạt động xây dựng và quản lý nhà thầu nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam.

***10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:***

Nhà thầu đã được cấp Giấy phép hoạt động xây dựng tại Việt Nam có những thay đổi về tên, địa chỉ của nhà thầu, thay đổi các đối tác trong liên danh hoặc nhà thầu phụ hoặc các nội dung khác đã ghi trong giấy phép hoạt động xây dựng được cấp.

***11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:***

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

- Thông tư số 14/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về cấp giấy phép hoạt động xây dựng và quản lý nhà thầu nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam.

- [Thông tư 172/2016/TT-BTC quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Thong-tu-172-2016-TT-BTC-muc-thu-che-do-thu-nop-le-phi-hoat-dong-xay-dung-320227.aspx)

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG***(Ban hành kèm theo Phụ lục số 5 Thông tư số 14/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng)*

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG**

Văn bản số:................                       ....*........., ngày...... tháng...... năm........*

Kính gửi: Cơ quan chuyên môn về xây dựng (Bộ Xây dựng)

(Hoặc ông Giám đốc Sở Xây dựng..............)

Tôi: (Họ tên)     ………………………………     Chức vụ:………………..

Được ủy quyền của ông (bà): theo giấy ủy quyền: (kèm theo đơn này) Đại diện cho:……………………………………………………..

Địa chỉ đăng ký tại chính quốc:

Số điện thoại:  ………………………Fax: ……………….  E.mail:………….

Địa chỉ văn phòng đại diện tại Việt Nam:

Số điện thoại: …………………………Fax: ……………….  E.mail:………….

Công ty (hoặc Liên danh) chúng tôi đã được cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Xây dựng (Sở Xây dựng) cấp giấy phép hoạt động xây dựng số........................, ngày............... để thực hiện gói thầu...................thuộc dự án ........................... Đề nghị điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng đã cấp với nội dung:..................................................................................

Lý do đề nghị điều chỉnh:.................................................................

Chúng tôi đề nghị Cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Xây dựng (hoặc Sở Xây dựng....) xét điều chỉnh Giấy phép hoạt động xây dựng đã cấp cho Công ty chúng tôi với nội dung nêu trên.

Hồ sơ gửi kèm theo gồm:

1- Bản sao Giấy phép hoạt động xây dựng đã được cấp

2- Bản sao các văn bản chứng minh cho nội dung điều chỉnh

3- Văn bản chấp thuận của chủ đầu tư (thầu chính trường hợp nhà thầu đề nghị điều chỉnh là thầu phụ)

Nếu hồ sơ của chúng tôi cần phải bổ sung hoặc làm rõ thêm nội dung gì, xin báo cho ông (bà)................ có địa chỉ tại Việt Nam.................... số điện thoại..................... Fax..................... E.mail........................................

Khi được cấp Giấy phép hoạt động xây dựng điều chỉnh, chúng tôi xin cam đoan thực hiện đầy đủ các quy định trong Giấy phép và các quy định của pháp luật Việt Nam có liên quan.

|  |  |
| --- | --- |
|   | **Thay mặt (hoặc thừa ủy quyền).................***(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu Công ty)* |

**IV. CẤP GIẤY PHÉP XÂY DỰNG**

1. **Cấp giấy phép xây dựng (giấy phép xây dựng mới, giấy phép sửa chữa, cải tạo, giấy phép di dời công trình) đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án đầu tư.**

***1. Trình tự thực hiện:***

* Chủ đầu tư chuẩn bị 02 bộ hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng với đầy đủ thành phần hồ sơ và đảm bảo chất lượng hồ sơ.

- Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép xây dựng; kiểm tra hồ sơ; ghi giấy biên nhận đối với trường hợp hồ sơ đáp ứng theo quy định hoặc hướng dẫn để chủ đầu tư hoàn thiện hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ không đáp ứng theo quy định.

- Kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng phải tổ chức thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực địa. Khi thẩm định hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền phải xác định tài liệu còn thiếu, tài liệu không đúng theo quy định hoặc không đúng với thực tế để thông báo một lần bằng văn bản cho chủ đầu tư bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ. Trường hợp hồ sơ bổ sung chưa đáp ứng được yêu cầu theo văn bản thông báo thì cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm thông báo bằng văn bản hướng dẫn cho chủ đầu tư tiếp tục hoàn thiện hồ sơ. Chủ đầu tư có trách nhiệm bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo văn bản thông báo. Trường hợp việc bổ sung hồ sơ vẫn không đáp ứng được các nội dung theo thông báo thì cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm thông báo đến chủ đầu tư về lý do không cấp giấy phép.

- Căn cứ quy mô, tính chất, loại công trình và địa điểm xây dựng công trình có trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng có trách nhiệm đối chiếu các điều kiện theo quy định để gửi văn bản lấy ý kiến của các cơ quan quản lý nhà nước về những lĩnh vực liên quan đến công trình xây dựng theo quy định của pháp luật.

- Đối với công trình kể từ ngày nhận được hồ sơ, các cơ quan quản lý nhà nước được hỏi ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về những nội dung thuộc chức năng quản lý của mình. Sau thời hạn quy định, nếu các cơ quan này không có ý kiến thì được coi là đã đồng ý và phải chịu trách nhiệm về những nội dung thuộc chức năng quản lý của mình; cơ quan cấp giấy phép xây dựng căn cứ các quy định hiện hành để quyết định việc cấp giấy phép xây dựng.

***2. Cách thức thực hiện:***

* Gửi hồ sơ qua mạng trực tuyến hoặc qua đường Bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng tại Trung tâm hành chính công tỉnh.

***3. Thành phần, số lượng hồ sơ:***

a) Thành phần hồ sơ:

*(1) Trường hợp xây dựng mới:*

*(1.1) Đối với công trình không theo tuyến; Công trình tín ngưỡng; Công trình tôn giáo; Công trình của cơ quan ngoại giao và tổ chức quốc tế:*

- Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng theo mẫu tại Phụ lục số 1 Thông tư số 15/2016/TT-BXD;

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính một trong những giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai. Trường hợp đối với công trình xây dựng trạm, cột phát sóng tại khu vực không thuộc nhóm đất có mục đích sử dụng cho xây dựng, không chuyển đổi được mục đích sử dụng đất thì nộp bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính văn bản chấp thuận về địa điểm xây dựng của Ủy ban nhân dân cấp huyện;

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính hai bộ bản vẽ thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công được phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng, mỗi bộ gồm:

+ Bản vẽ mặt bằng vị trí công trình trên lô đất tỷ lệ 1/100 - 1/500, kèm theo sơ đồ vị trí công trình;

+ Bản vẽ các mặt bằng, các mặt đứng và mặt cắt chủ yếu của công trình, tỷ lệ 1/50 - 1/200;

+ Bản vẽ mặt bằng móng tỷ lệ 1/100 - 1/200 và mặt cắt móng tỷ lệ 1/50, kèm theo sơ đồ đấu nối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật về giao thông; cấp nước; thoát nước mưa, nước bẩn; xử lý nước thải; cấp điện; thông tin liên lạc; các hệ thống hạ tầng kỹ thuật khác liên quan đến công trình tỷ lệ 1/50 - 1/200.

Riêng đối với công trình của các cơ quan ngoại giao, tổ chức quốc tế và cơ quan nước ngoài đầu tư tại Việt Nam còn tuân thủ các điều khoản quy định của Hiệp định hoặc thỏa thuận đã được đã được ký kết với Chính phủ Việt Nam; Đối với công trình tôn giáo bổ sung bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính văn bản chấp thuận về sự cần thiết xây dựng và quy mô công trình của cơ quan tôn giáo theo phân cấp.

*(1.2) Đối với công trình theo tuyến trong đô thị:*

- Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng theo mẫu tại Phụ lục số 1 Thông tư số 15/2016/TT-BXD;

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính một trong những giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai hoặc văn bản chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về vị trí và phương án tuyến.

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính Quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về đất đai;

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính hai bộ bản vẽ thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công được phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng, mỗi bộ gồm:

+ Sơ đồ vị trí tuyến công trình tỷ lệ 1/100 - 1/500;

+ Bản vẽ mặt bằng tổng thể hoặc bản vẽ bình đồ công trình tỷ lệ 1/500 - 1/5000;

+ Bản vẽ các mặt cắt ngang chủ yếu của tuyến công trình tỷ lệ 1/50 - 1/200;

+ Riêng đối với công trình ngầm phải bổ sung thêm: Bản vẽ các mặt cắt ngang, các mặt cắt dọc thể hiện chiều sâu công trình tỷ lệ 1/50 - 1/200; Sơ đồ đấu nối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật ngoài công trình tỷ lệ 1/100 - 1/500.

*(1.3) Đối với công trình tượng đài, tranh hoành tráng:*

- Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng theo mẫu tại Phụ lục số 1 Thông tư số 15/2016/TT-BXD;

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính một trong những giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai;

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính giấy phép hoặc văn bản chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa, di tích lịch sử theo phân cấp;

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính hai bộ bản vẽ thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công được phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng, mỗi bộ gồm:

+ Sơ đồ vị trí công trình tỷ lệ 1/100 - 1/500;

+ Bản vẽ mặt bằng công trình tỷ lệ 1/100 - 1/500;

+ Bản vẽ các mặt đứng, các mặt cắt chủ yếu công trình tỷ lệ 1/50 - 1/200.

*(1.4) Đối với công trình quảng cáo:*

- Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng theo quy định tại Phụ lục số 1 Thông tư số 15/2016/TT-BXD;

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính một trong những giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai. Trường hợp đối với công trình xây dựng tại khu vực không thuộc nhóm đất có mục đích sử dụng cho xây dựng, không chuyển đổi được mục đích sử dụng đất thì nộp bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính văn bản chấp thuận về địa điểm xây dựng của Ủy ban nhân dân cấp huyện;

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính hợp đồng thuê đất hoặc hợp đồng thuê công trình đối với trường hợp thuê đất hoặc thuê công trình để xây dựng công trình quảng cáo;

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính hai bộ bản vẽ thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công được phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng, mỗi bộ gồm:

- Đối với trường hợp công trình xây dựng mới:

+ Sơ đồ vị trí công trình tỷ lệ 1/50 - 1/500;

+ Bản vẽ mặt bằng công trình tỷ lệ 1/50 - 1/500;

+ Bản vẽ mặt cắt móng và mặt cắt công trình tỷ lệ 1/50;

+ Bản vẽ các mặt đứng chính công trình tỷ lệ 1/50 - 1/200;

- Đối với trường hợp biển quảng cáo được gắn vào công trình đã được xây dựng hợp pháp:

+ Bản vẽ kết cấu của bộ phận công trình tại vị trí gắn biển quảng cáo tỷ lệ 1/50;

+ Bản vẽ các mặt đứng công trình có gắn biển quảng cáo tỷ lệ 1/50 - 1/100.

*(2) Trường hợp theo giai đoạn:*

*(2.1) Đối với công trình không theo tuyến:*

Đối với công trình cấp I, nếu chủ đầu tư có nhu cầu thì có thể đề nghị cấp giấy phép xây dựng theo hai giai đoạn. Hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng theo mẫu tại Phụ lục số 1 Thông tư số 15/2016/TT-BXD;

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính một trong những giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai. Trường hợp đối với công trình xây dựng trạm, cột phát sóng tại khu vực không thuộc nhóm đất có mục đích sử dụng cho xây dựng, không chuyển đổi được mục đích sử dụng đất thì nộp bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính văn bản chấp thuận về địa điểm xây dựng của Ủy ban nhân dân cấp huyện;

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính hai bộ bản vẽ thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công được phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng, mỗi bộ gồm:

- Giai đoạn 1:

+ Bản vẽ mặt bằng công trình trên lô đất tỷ lệ 1/100 - 1/500, kèm theo sơ đồ vị trí công trình;

+ Bản vẽ mặt bằng móng tỷ lệ 1/100 - 1/200 và mặt cắt móng tỷ lệ 1/50, bản vẽ mặt bằng, mặt cắt chính của phần công trình đã được phê duyệt trong giai đoạn 1 tỷ lệ 1/50 - 1/200 kèm theo sơ đồ đấu nối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật, gồm: Giao thông, thoát nước mưa, xử lý nước thải, cấp nước, cấp điện, thông tin liên lạc tỷ lệ 1/100 - 1/200.

- Giai đoạn 2:

+ Bản vẽ các mặt bằng, các mặt đứng và mặt cắt chính giai đoạn 2 của công trình tỷ lệ 1/50 - 1/200;

*(2.2) Đối với công trình theo tuyến trong đô thị:*

Việc phân chia công trình theo giai đoạn thực hiện do chủ đầu tư xác định theo quyết định đầu tư. Hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng theo mẫu tại Phụ lục 1 Thông tư số 15/2016/TT-BXD;

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính một trong những giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai hoặc văn bản chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về vị trí và phương án tuyến;

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính Quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền phần đất thực hiện theo giai đoạn hoặc cả dự án theo quy định của pháp luật về đất đai;

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính hai bộ bản vẽ thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công được phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng, mỗi bộ gồm:

+ Sơ đồ vị trí tuyến công trình tỷ lệ 1/100 - 1/500;

+ Bản vẽ mặt bằng tổng thể hoặc bản vẽ bình đồ công trình tỷ lệ 1/500 - 1/5000;

+ Các bản vẽ theo từng giai đoạn: Bản vẽ các mặt cắt ngang chủ yếu của tuyến công trình theo giai đoạn tỷ lệ 1/50 - 1/200; Đối với công trình ngầm yêu cầu phải có bản vẽ các mặt cắt ngang, các mặt cắt dọc thể hiện chiều sâu công trình theo từng giai đoạn tỷ lệ 1/50 - 1/200; Sơ đồ đấu nối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật theo từng giai đoạn tỷ lệ 1/100 - 1/500.

*(3) Đối với công trình theo dự án:*

- Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng theo mẫu tại Phụ lục số 1 Thông tư số 15/2016/TT-BXD.

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính một trong những giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính hai bộ bản vẽ thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công các công trình xây dựng đã được phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng, mỗi bộ gồm:

+ Bản vẽ tổng mặt bằng của dự án hoặc tổng mặt bằng từng giai đoạn của dự án tỷ lệ 1/100 - 1/500;

+ Bản vẽ mặt bằng từng công trình trên lô đất tỷ lệ 1/100 - 1/500, kèm theo sơ đồ vị trí công trình;

+) Bản vẽ các mặt đứng và các mặt cắt chính của từng công trình tỷ lệ 1/50 - 1/200;

- Bản vẽ mặt bằng móng tỷ lệ 1/100 - 1/200 và mặt cắt móng tỷ lệ 1/50 của từng công trình kèm theo sơ đồ đấu nối với hệ thống thoát nước mưa, xử lý nước thải, cấp nước, cấp điện, thông tin liên lạc tỷ lệ 1/50 - 1/200.

Trường hợp thiết kế xây dựng của công trình đã được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định, các bản vẽ thiết kế quy định tại nội dung này là bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp các bản vẽ thiết kế xây dựng đã được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định.

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình.

*(4) Đối với công trình sửa chữa, cải tạo:*

- Đơn đề nghị cấp giấy phép sửa chữa, cải tạo công trình theo mẫu tại Phụ lục số 1 Thông tư số 15/2016/TT-BXD.

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính một trong những giấy tờ chứng minh về quyền sở hữu, quản lý, sử dụng công trình theo quy định của pháp luật hoặc bản sao giấy phép xây dựng đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp.

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính bản vẽ hiện trạng của bộ phận, hạng mục công trình sửa chữa, cải tạo đã được phê duyệt theo quy định có tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ các bản vẽ của hồ sơ đề nghị cấp phép sửa chữa, cải tạo và ảnh chụp (10 x 15 cm) hiện trạng công trình và công trình lân cận trước khi sửa chữa, cải tạo.

- Đối với các công trình di tích lịch sử, văn hóa và danh lam, thắng cảnh đã được xếp hạng, thì phải có bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính văn bản chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo phân cấp.

*(5) Di dời công trình:*

- Đơn đề nghị cấp giấy phép di dời công trình theo mẫu tại Phụ lục số 1 Thông tư số 15/2016/TT-BXD.

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính một trong những giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai nơi công trình sẽ di dời đến và giấy tờ hợp pháp về quyền sở hữu công trình theo quy định của pháp luật.

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính bản vẽ tổng mặt bằng, nơi công trình sẽ được di dời tới tỷ lệ 1/50 - 1/500.

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính bản vẽ mặt bằng móng tỷ lệ 1/100 - 1/200, mặt cắt móng tỷ lệ 1/50 tại địa điểm công trình sẽ di dời tới.

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính báo cáo kết quả khảo sát đánh giá chất lượng hiện trạng của công trình do tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện năng lực thực hiện.

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính phương án di dời gồm:

+ Phần thuyết minh về hiện trạng công trình và khu vực công trình sẽ được di dời đến; giải pháp di dời, phương án bố trí sử dụng phương tiện, thiết bị, nhân lực; giải pháp bảo đảm an toàn cho công trình, người, máy móc, thiết bị và công trình lân cận; bảo đảm vệ sinh môi trường; tiến độ di dời; tổ chức, cá nhân thực hiện di dời công trình;

+ Phần bản vẽ biện pháp thi công di dời công trình.

- Trường hợp thiết kế xây dựng của công trình đã được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định, các bản vẽ thiết kế quy định tại gạch đầu dòng 3, 4 Điểm này là bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp các bản vẽ thiết kế xây dựng đã được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định.

Ngoài các tài liệu quy định đối với mỗi loại công trình nêu trên, hồ sơ đề nghị cấp hồ sơ đề nghị cấp phép xây dựng còn phải bổ sung thêm các tài liệu khác đối với các trường hợp sau:

+ Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính báo cáo kết quả thẩm định thiết kế của cơ quan chuyên môn về xây dựng đối với công trình theo quy định phải được thẩm định thiết kế.

+ Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính văn bản bản cam kết của chủ đầu tư bảo đảm an toàn cho công trình và công trình lân cận đối với công trình xây chen, có tầng hầm.

+ Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính bản kê khai năng lực, kinh nghiệm của tổ chức, cá nhân thiết kế theo mẫu tại Phụ lục số 3 Thông tư số 15/2016/TT-BXD, kèm theo bản sao chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng, đối với công trình chưa được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định thiết kế.

+ Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính quyết định đầu tư đối với công trình yêu cầu phải lập dự án đầu tư xây dựng.

*(6) Đối với công trình xây dựng có thời hạn:* Hồ sơ như điểm (1.1); (4); (5) mục này.

b) Số lượng hồ sơ: 02 (bộ)

***4. Thời hạn giải quyết:***

- Không quá 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

***5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:*** Chủ đầu tư

***6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:*** Sở Xây dựng

***7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:***

- Giấy phép xây dựng kèm theo hồ sơ thiết kế trình xin cấp giấy phép xây dựng có đóng dấu của cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng tại nơi tiếp nhận hồ sơ.

***8. Lệ phí:***100.000đ/giấy phép.

***9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:***

Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng theo quy định tại Phụ lục số 1 Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về cấp giấy phép xây dựng.

***10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:*** Không

***11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:***

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

- Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về cấp giấy phép xây dựng.

- Nghị quyết số 39/2016/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP XÂY DỰNG
*(Ban hành kèm theo Phụ lục số 1 Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
-------------**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP XÂY DỰNG**

*(*Sử dụng cho công trình: *Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tượng đài, tranh hoành tráng/Quảng cáo/Nhà ở riêng lẻ/sửa chữa, cải tạo/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án/Di dời công trình)*

Kính gửi:..............................................................

**1. Thông tin về chủ đầu tư:**

- Tên chủ đầu tư (tên chủ hộ):...............................................................

- Người đại diện:..............................Chức vụ (nếu có):.................................

- Địa chỉ liên hệ:.........................- Số nhà:.................

- Đường/phố....................Phường/xã......................................

- Quận/huyện.....................................Tỉnh/thànhphố:.............................

- Số điện thoại:.................................................................................................

**2. Thông tin công trình:**

- Địa điểm xây dựng:.......................................................................................

- Lô đất số:..........................................Diện tích............m2.

- Tại số nhà:................. Đường/phố....................

- Phường/xã..........................................Quận/huyện.....................................

- Tỉnh, thành phố:..........................................................................................

**3. Nội dung đề nghị cấp phép:**

***3.1. Đối với công trình không theo tuyến:***

- Loại công trình:.............................................Cấp công trình:.......................

- Diện tích xây dựng:.........m2.

- Cốt xây dựng: …….m

- Tổng diện tích sàn:……….. m2 *(ghi rõ diện tích sàn các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum).*

- Chiều cao công trình:.....m *(trong đó ghi rõ chiều cao các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng lửng, tum).*

- Số tầng: *(ghi rõ số tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum)*

***3.2. Đối với công trình theo tuyến trong đô thị:***

- Loại công trình:..............................................Cấp công trình:.......................

- Tổng chiều dài công trình:………..m *(ghi rõ chiều dài qua từng khu vực đặc thù, qua từng địa giới hành chính x, phường, quận, huyện, tỉnh, thành phố).*

- Cốt của công trình:........m *(ghi rõ cốt qua từng khu vực)*

- Chiều cao tĩnh không của tuyến:.....m *(ghi rõ chiều cao qua các khu vực).*

- Độ sâu công trình:.............m *(ghi rõ độ sâu qua từng khu vực)*

***3.3. Đối với công trình tượng đài, tranh hoành tráng:***

- Loại công trình:.........................................Cấp công trình:.......................

- Diện tích xây dựng:.........m2.

- Cốt xây dựng:...........m

- Chiều cao công trình:.....m

***3.4. Đối với công trình quảng cáo:***

- Loại công trình:..............................................Cấp công trình:.......................

- Diện tích xây dựng:.........m2.

- Cốt xây dựng:...........m

- Chiều cao công trình:.....m

- Nội dung quảng cáo:..........................

***3.5. Đối với công trình nhà ở riêng lẻ:***

- Cấp công trình:.......................

- Diện tích xây dựng tầng 1 (tầng trệt):.........m2.

- Tổng diện tích sàn:……….. m2 *(trong đó ghi rõ diện tích sàn các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum).*

- Chiều cao công trình:.....m *(trong đó ghi rõ chiều cao các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng lửng, tum).*

- Số tầng: *(trong đó ghi rõ số tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum)*

***3.6. Đối với trường hợp cải tạo, sửa chữa:***

- Loại công trình:.............................................Cấp công trình:.......................

- Diện tích xây dựng tầng 1 (tầng trệt)::.........m2.

- Tổng diện tích sàn:……….. *m2 (ghi rõ diện tích sàn các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum).*

- Chiều cao công trình:.....m *(trong đó ghi rõ chiều cao các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng lửng, tum).*

- Số tầng: *(ghi rõ số tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum)*

***3.7. Đối với trường hợp cấp theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến:***

- Giai đoạn 1:

+ Loại công trình:................................Cấp công trình:......................

+ Diện tích xây dựng:.........m2.

+ Cốt xây dựng:...........m

+ Chiều sâu công trình:........m *(tính từ cốt xây dựng)*

- Giai đoạn 2:

+ Tổng diện tích sàn:……….. m2 *(ghi rõ diện tích sàn các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum).*

+ Chiều cao công trình:.....m *(trong đó ghi rõ chiều cao các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng lửng, tum).*

+ Số tầng:......*(ghi rõ số tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum)*

***3.8. Đối với trường hợp cấp theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị:***

- Loại công trình:............................Cấp công trình:.......................

- Tổng chiều dài công trình theo giai đoạn:……….. m *(ghi rõ chiều dài qua từng khu vực đặc thù, qua từng địa giới hành chính x, phường, quận, huyện, tỉnh, thành phố).*

- Cốt của công trình:........m *(qua các khu vực theo từng giai đoạn)*

- Chiều cao tĩnh không của tuyến:.....m *(ghi rõ chiều cao qua các khu vực theo từng giai đoạn).*

- Độ sâu công trình:...........m *(ghi rõ độ sâu qua các khu vực theo từng giai đoạn)*

***3.9. Đối với trường hợp cấp cho Dự án:***

- Tên dự án:........................................................

+ Đã được:..............phê duyệt, theo Quyết định số:............... ngày............

- Gồm: (*n)* công trình

Trong đó:

+ Công trình số *(1-n)*: *(tên công trình)*

\* Loại công trình:....................................Cấp công trình:.......................

\* Các thông tin chủ yếu của công trình:......................................

***3.10. Đối với trường hợp di dời công trình:***

- Công trình cần di dời:

- Loại công trình:.................................................Cấp công trình:...........

- Diện tích xây dựng tầng 1 (tầng trệt):....................................m2.

- Tổng diện tích sàn:...............................................................m2.

- Chiều cao công trình:.....................................................................m.

- Địa điểm công trình di dời đến: ………………………….

- Lô đất số:...............................................Diện tích................... m2.

- Tại:....................................... Đường:................................................

- Phường (xã)..........................................Quận (huyện)..........................

- Tỉnh, thành phố:................................................................

- Số tầng:..................................................................

**4. Đơn vị hoặc người chủ nhiệm thiết kế**:....................................................

- Tên đơn vị thiết kế:...................................................

- Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng (nếu có): Số …………. Cấp ngày

- Tên chủ nhiệm thiết kế:...................................................

- Chứng chỉ hành nghề cá nhân số:...............do ……. Cấp ngày:.....................

- Địa chỉ:.................................................................................................

- Điện thoại: …………………..........................

- Giấy phép hành nghề số (nếu có):.............................cấp ngày.....................

**5. Dự kiến thời gian hoàn thành công trình**:...................... tháng.

**6. Cam kết:** Tôi xin cam đoan làm theo đúng giấy phép được cấp, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

*Gửi kèm theo Đơn này các tài liệu:*

1 -

2 -

|  |  |
| --- | --- |
|   | ......... *ngày.*........ *tháng.*........ *năm.*........**Người làm đơn/Đại diện chủ đầu tư***Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có)* |

1. **Điều chỉnh, gia hạn, cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án đầu tư .**

***1. Trình tự thực hiện:***

(1) Trường hợp điều chỉnh giấy phép xây dựng trình tự thực hiện như cấp giấy phép xây dựng.

(2) Trường hợp gia hạn, cấp lại giấy phép xây dựng:

* Chủ đầu tư chuẩn bị 02 bộ hồ sơ đề nghị gia hạn, cấp lại giấy phép xây dựng với đầy đủ thành phần hồ sơ và đảm bảo chất lượng hồ sơ.

- Sau khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng có trách nhiệm xem xét gia hạn giấy phép xây dựng hoặc cấp lại giấy phép xây dựng.

***2. Cách thức thực hiện:***

* Gửi hồ sơ qua mạng trực tuyến hoặc qua đường Bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng tại Trung tâm hành chính công tỉnh.

***3. Thành phần, số lượng hồ sơ:***

a) Thành phần hồ sơ:

*(1) Đối với trường hợp điều chỉnh giấy phép xây dựng,* thành phần hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị điều chỉnh giấy phép xây dựng theo mẫu tại Phụ lục số 2 Thông tư số 15/2016/TT-BXD;

- Bản chính giấy phép xây dựng đã được cấp;

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính bản vẽ thiết kế mặt bằng, mặt đứng, mặt cắt bộ phận, hạng mục công trình đề nghị điều chỉnh tỷ lệ 1/50 - 1/200;

- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính văn bản phê duyệt điều chỉnh thiết kế của người có thẩm quyền theo quy định kèm theo Bản kê khai điều kiện năng lực của tổ chức, cá nhân thiết kế đối với trường hợp thiết kế không do cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định hoặc Báo cáo kết quả thẩm định thiết kế điều chỉnh của cơ quan chuyên môn về xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng.

*(2) Đối với trường hợp gia hạn giấy phép xây dựng,* thành phần hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng theo mẫu tại Phụ lục số 2 Thông tư số 15/2016/TT-BXD;

- Bản chính giấy phép xây dựng đã được cấp;

*(3) Đối với trường hợp cấp lại giấy phép xây dựng,* thành phần hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị cấp lại giấy phép xây dựng, trong đó giải trình rõ lý do đề nghị cấp lại theo mẫu tại Phụ lục số 2 Thông tư số 15/2016/TT-BXD;

- Bản chính giấy phép xây dựng đã được cấp (đối với trường hợp bị rách, nát).

b) Số lượng hồ sơ: 02 (bộ)

***4. Thời hạn giải quyết:***

- Điều chỉnh giấy phép xây dựng: Không quá 07 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Gia hạn, cấp lại giấy phép xây dựng: Không quá 05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

***5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:*** Chủ đầu tư

***6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:*** Sở Xây dựng (hoặc Ban quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế, khu chế xuất, khu công nghệ cao) theo phân cấp của địa phương.

***7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:***

- Giấy phép xây dựng được điều chỉnh, gia hạn hoặc cấp lại.

***8. Lệ phí:*** 100.000đ (theo Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Nam)

***9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:***

Đơn đề nghị điều chỉnh, gia hạn, cấp lại giấy phép xây dựng theo quy định tại Phụ lục số 2 Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về cấp giấy phép xây dựng.

***10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:*** Không

***11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:***

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

- Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về cấp giấy phép xây dựng.

- Nghị quyết số 39/2016/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH/GIA HẠN/CẤP LẠI GIẤY PHÉP XÂY DỰNG
*(Ban hành kèm theo Phụ lục số 2 Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
-------------**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH/GIA HẠN/CẤP**

 **LẠI GIẤY PHÉP XÂY DỰNG***(Sử dụng cho: Công trình)*

Kính gửi:.........................

1. Tên chủ đầu tư:...........................................................................

- Người đại diện:..............................................Chức vụ:....................

- Địa chỉ liên hệ:..................................................................

- Số nhà:................. Đường (phố)....................Phường (xã).....................

- Quận (huyện) …………………… Tỉnh, thành phố:..............................

- Số điện thoại:.........................................................................

2. Địa điểm xây dựng:.......................................................

- Lô đất số:.............................Diện tích............................. m2.

- Tại:......................................................... Đường:............................

- Phường (xã)..........................................Quận (huyện)...........................

- Tỉnh, thành phố:....................................................

3. Giấy phép xây dựng đã được cấp: *(số, ngày, cơ quan cấp)*

- Nội dung Giấy phép:…………………………..

4. Nội dung đề nghị điều chỉnh so với Giấy phép đã được cấp *(hoặc lý do đề nghị gia hạn/cấp lại)*:

5. Đơn vị hoặc người chủ nhiệm thiết kế:....................................................

- Tên đơn vị thiết kế:...................................................

- Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng (nếu có): Số … Cấp ngày ………

- Tên chủ nhiệm thiết kế:...................................................

- Chứng chỉ hành nghề cá nhân số:...............do …….. Cấp ngày:....................

- Địa chỉ:.................................................................................................

- Điện thoại: …………………..........................

- Giấy phép hành nghề số (nếu có):.............................cấp ngày.....................

6. Dự kiến thời gian hoàn thành công trình theo thiết kế điều chỉnh/gia hạn:....... tháng.

7. Cam kết: Tôi xin cam đoan làm theo đúng giấy phép điều chỉnh được cấp, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

*Gửi kèm theo Đơn này các tài liệu:*

1 -

2 -

|  |  |
| --- | --- |
|  | ........ *ngày.*........ *tháng.*........ *năm.*........**Người làm đơn/Đại diện chủ đầu tư***Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có)* |

1. **CẤP CHỨNG CHỈ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG VÀ CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ**

**12.Cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III**

1. ***Trình tự thực hiện:***
* Tổ chức đề nghị cấp lần đầu chứng chỉ năng lực hạng II, hạng III chuẩn bị 01 bộ hồ sơ với đầy đủ thành phần hồ sơ và đảm bảo chất lượng hồ sơ..
* Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Xây dựng thông báo một lần bằng văn bản tới tổ chức đề nghị cấp chứng chỉ năng lực trường họp hồ sơ không đầy đủ hoặc không hợp lệ.
* Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Xây dựng có trách nhiệm cấp chứng chỉ năng lực.
1. ***Cách thức thực hiện:***
* Gửi hồ sơ qua mạng trực tuyến hoặc qua đường Bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng tại Trung tâm hành chính công tỉnh.
1. ***Thành phần, số lượng hồ sơ:***
2. Thành phần hồ sơ:
* Đơn đề nghị cấp chứng chỉ năng lực theo mẫu tại Phụ lục V Nghị định sổ 100/2018/NĐ-CP.
* Quyết định thành lập tổ chức trong trường hợp có quyết định thành lập.
* Quyết định công nhận phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng của tổ chức hoặc hợp đồng nguyên tắc về việc liên kết thực hiện công việc thí nghiệm phục vụ khảo sát xây dựng với phòng thí nghiệm, chuyên ngành xây dựng được công nhận (đối với tổ chức đề nghị cấp chứng chỉ năng lực khảo sát xây dựng).
* Chứng chỉ hành nghề hoặc kê khai mã số chứng chỉ hành nghề trong trường hợp đã được cấp chứng chỉ hành nghề được cấp theo quy định của Luật Xây dựng năm 2014 của các chức danh yêu cầu phải có chứng chỉ hành nghề; các văn bằng được đào tạo của cá nhân tham gia thực hiện công việc.
* Văn bằng hoặc chứng chỉ bồi dưỡng, đào tạo chuyên môn nghiệp vụ phù hợp của công nhân kỹ thuật (đối với tổ chức đề nghị cấp chứng chỉ năng lực thi công xây dựng).
* Hợp đồng và biên bản nghiệm thu hoàn thành các công việc tiêu biểu đã thực hiện theo nội dung kê khai.

(Các tài liệu trên trừ "Đơn đề nghị" phải là bản sao có chứng thực hoặc tệp tin chứa ảnh chụp màu từ bản chính hoặc bản sao, xuất trình bản chính để đối chiếu)

1. Số lượng hồ sơ: 01 bộ
2. ***Thời hạn giải quyết:***10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
3. **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức hoạt động trong lĩnh vực: khảo sát xây dựng; lập quy hoạch xây dựng; thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình; quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; thi công xây dựng công trình; giám sát thi công xây dựng công trình trong nước.
4. ***Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:*** Sở Xây dựng.
5. **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III.
6. ***Phí, Lệ phí:***

1.000.000 đồng/chứng chỉ.

1. ***Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:***
* Đơn đề nghị cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng theo mẫu tại

Phụ lục V Nghị định số 100/2018/NĐ-CP.

1. ***Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:***
2. Điều kiện chung đối với tổ chức xin cấp chứng chỉ năng lực:

Tổ chức tham gia hoạt động xây dựng phải là doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc tổ chức có chức năng hoạt động xây dựng được thành lập theo quy định của pháp luật và đáp ứng các yêu cầu cụ thể đối với từng lĩnh vực hoạt động xây dựng.

1. Điều kiện riêng đối với từng loại tổ chức xin cấp chứng chỉ năng lực:
2. Tổ chức khảo sát xây dựng:
* Hạng II:

+ Cá nhân đảm nhận chức danh chủ nhiệm khảo sát có chứng chỉ hành nghề khảo sát xây dựng từ hạng II trở lên phù hợp với lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ năng lực.

+ Cá nhân tham gia thực hiện khảo sát có chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với loại hình khảo sát xây dựng đăng ký cấp chứng chỉ năng lực.

+ Đã thực hiện khảo sát xây dựng ít nhất 01 dự án từ nhóm B hoặc 02 dự án từ nhóm C hoặc 03 dự án có yêu cầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật trở lên hoặc 01 công trình từ cấp II hoặc 02 công trình từ cấp III trở lên cùng loại hình khảo sát.

* Hạng III:

+ Cá nhân đảm nhận chức danh chủ nhiệm khảo sát có chứng chỉ hành nghề khảo sát xây dựng từ hạng III trở lên phù hợp với lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ năng lực.

+ Cá nhân tham gia thực hiện khảo sát có chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với loại hình khảo sát xây dựng đăng ký cấp chứng chỉ năng lực.

1. Tổ chức lập quy hoạch xây dựng:
* Hạng II:

+ Cá nhân đảm nhận chức danh chủ nhiệm đồ án quy hoạch, chủ trì các bộ môn kiến trúc - quy hoạch, kinh tế đô thị và các chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật khác của đồ án quy hoạch có chứng chỉ hành nghề từ hạng II trở lên phù hợp với lĩnh vực chuyên môn đảm nhận.

+ Đã thực hiện lập ít nhất 01 đồ án quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền và đã được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt hoặc 02 đồ án quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền và đã được Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt.

* Hạng III:

Cá nhân đảm nhận chức danh chủ nhiệm, chủ trì các bộ môn kiến trúc - quy hoạch, kinh tế đô thị và các chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật khác của đồ án quy hoạch có chứng chỉ hành nghề từ hạng III trở lên phù hợp với lĩnh vực chuyên môn đảm nhận.

1. Tổ chức thiết kế xây dựng công trình:
* Hạng II:

+ Cá nhân đảm nhận chức danh chủ nhiệm thiết kế xây dựng, chủ trì các bộ môn thiết kế có chứng chỉ hành nghề từ hạng II trở lên phù hợp với lĩnh vực chuyên môn đảm nhận.

+ Cá nhân tham gia thực hiện thiết kế có chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với lĩnh vực, loại công trình đăng ký cấp chứng chỉ năng lực.

+ Đã thực hiện thiết kế, thẩm tra thiết kế ít nhất 01 công trình từ cấp II trở lên hoặc 02 công trình từ cấp III trở lên cùng loại.

* Hạng III:

+ Cá nhân đảm nhận chức danh chủ nhiệm thiết kế xây dựng, chủ trì các bộ môn thiết kế có chứng chỉ hành nghề từ hạng III trở lên phù hợp với lĩnh vực chuyên môn đảm nhận.

+ Cá nhân tham gia thực hiện thiết kế có chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với lĩnh vực, loại công trình đăng ký cấp chứng chỉ năng lực.

1. Tổ chức tư vấn quản lý dự án:
* Hạng II:

 + Cá nhân đảm nhận chức danh giám đốc quản lý dự án có chứng chỉ hành nghề quản lý dự án từ hạng II trở lên phù hợp với loại dự án đăng ký cấp chứng chỉ năng lực.

+ Cá nhân phụ trách các lĩnh vực chuyên môn phải có chứng chỉ hành nghề từ hạng II trở lên phù hợp với công việc đảm nhận.

+ Cá nhân tham gia thực hiện quản lý dự án có chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với công việc đảm nhận và loại dự án đăng ký cấp chứng chỉ năng lực.

+ Đã thực hiện quản lý dự án ít nhất 01 dự án từ nhóm B trở lên hoặc 02 dự án từ nhóm C cùng loại trở lên.

* Hạng III:

+ Cá nhân đảm nhận chức danh giám đốc quản lý dự án có chứng chỉ hành nghề quản lý dự án từ hạng III trở lên phù hợp với loại dự án đăng ký cấp chứng chỉ năng lực.

+ Cá nhân phụ trách các lĩnh vực chuyên môn phải có chứng chỉ hành nghề từ hạng III trở lên phù hợp với công việc đảm nhận.

+ Cá nhân tham gia thực hiện quản lý dự án có chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với công việc đảm nhận và loại dự án đăng ký cấp chứng chỉ năng lực.

1. Tổ chức thi công xây dựng công trình:
* Hạng II:

+ Cá nhân đảm nhận chức danh chỉ huy trưởng công trường phải đủ điều kiện là chỉ huy trưởng công trường từ hạng II trở lên phù hợp với lĩnh vực chuyên môn đảm nhận.

+ Cá nhân phụ trách thi công lĩnh vực chuyên môn có trình độ đại học hoặc cao đẳng nghề phù hợp với công việc đảm nhận và thời gian công tác ít nhất 01 năm đối với trình độ đại học, 03 năm đối với trình độ cao đẳng nghề.

+ Công nhân kỹ thuật thực hiện các công việc thi công có văn bằng hoặc chứng chỉ bồi dưỡng, đào tạo chuyên môn nghiệp vụ phù hợp với nội dung đăng ký cấp chứng chỉ năng lực.

+ Có khả năng huy động đủ số lượng máy móc, thiết bị chủ yếu đáp ứng yêu cầu thi công xây dựng các công trình phù hợp với công việc tham gia đảm nhận.

+ Đã trực tiếp thi công công việc thuộc hạng mục công trình chính liên quan đến nội dung đề nghị cấp chứng chỉ của ít nhất 01 công trình từ cấp II trở lên hoặc 02 công trình từ cấp III trở lên cùng loại.

* Hạng III:

+ Cá nhân đảm nhận chức danh chỉ huy trưởng công trường phải đủ điều kiện là chỉ huy trưởng công trường từ hạng III trở lên phù hợp với lĩnh vực chuyên môn đảm nhận.

+ Cá nhân phụ trách thi công lĩnh vực chuyên môn có trình độ đại học hoặc cao đẳng nghề phù hợp với công việc đảm nhận.

+ Công nhân kỹ thuật phụ trách các công việc thi công có văn bằng hoặc chứng chỉ bồi dưỡng, đào tạo chuyên môn nghiệp vụ phù hợp với nội dung đăng ký cấp chứng chỉ năng lực.

+ Có khả năng huy động đủ số lượng máy móc, thiết bị chủ yếu đáp ứng yêu cầu thi công xây dựng công trình phù hợp với công việc tham gia đảm nhận.

1. Tố chức giám sát thi công xây dựng:
* Hạng II:

+ Cá nhân đảm nhận chức danh giám sát trưởng có chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng từ hạng II trở lên, giám sát viên có chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng phù hợp với loại công trình đăng ký cấp chứng chỉ năng lực.

+ Đã giám sát thi công xây dựng của ít nhất 01 công trình từ cấp II hoặc 2 công trình từ cấp III trở lên cùng loại công trình đăng ký cấp chứng chỉ năng lực.

* Hạng III:

Cá nhân đảm nhận chức danh giám sát trưởng có chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng từ hạng III trở lên, giám sát viên có chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng phù hợp với loại công trình đăng ký cấp chứng chỉ năng lực.

1. ***Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:***
* Luật Xây dựng năm 2014.
* Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng.
* Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng.
* Nghị định số 100/2018/NĐ-CP ngày 16/7/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điểu kiện đầu tư kinh doanh thuộc các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng*.*
* Thông tư số 172/2016/TT-BTC ngàỵ 27/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng.

**PHỤ LỤC**

BỔ SUNG VÀO NGHỊ ĐỊNH SỐ 59/2015/NĐ-CP NGÀY 18/6/2015 CỦA

CHÍNH PHỦ

*(Kèm theo Nghị định số 100/2018/NĐ-CP ngày 16 /7/2018 của Chính phủ)*

**TÊN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**CẤP CHỨNG CHỈ NĂNG LỰC Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

 , *ngày tháng năm ..*

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP CHỨNG CHỈ NĂNG**

 **LỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG**

Kính gửi: *(Tên cơ quan có thấm quyển)*

1. Tên tổ chức:………………………………… …………………
2. Địa chỉ trụ sở chính:

3. Số điện thoại: ……………………………………số fax:……………………

4. Email………….Website:…………

5. Người đại diện theo pháp luật:…………………………..

Họ và tên: Chức vụ:……………..

1. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Quyết định thành lập số: ………

Nơi cấp: Ngày cấp:

1. Ngành nghề kinh doanh chính:
2. Mã số chứng chỉ năng lực (nếu có):

Số Chứng chỉ: ngày cấp nơi cấp:..

Lĩnh vực hoạt động xây dựng:……………………

1. Danh sách cá nhân chủ nhiệm, chủ trì, cá nhân có yêu cầu về chứng chỉ hành nghề và cá nhân tham gia, công nhân kỹ thuật (nếu có) có liên quan của tố chức.
2. Danh sách cá nhân chủ nhiệm, chủ trì, cá nhân có yêu cầu về chứng chỉ hành nghề:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Họ và tên** | **Vị trí/Chức danh** | **Số chứng chỉ hành nghề1** | **Điện thoại** |
| 1 |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |
| 4 |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |

1. Danh sách cá nhân tham gia, công nhân kỹ thuật liên quan đến lĩnh vực cấp chứng chỉ.

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Họ và tên** | **Vị trí/Chức danh** | **Số chứng chỉ hành nghề** | **Điện thoại** |
| 1 |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |
| 4 |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |

1. Kinh nghiệp hoạt động xây dựng liên quan đến lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Nội dung hoạt** **động xây dựng** *(Ghi rõ lĩnh vực hoạt động và vai trò, nhà thầu chính, nhà thầu phụ, tổng thầu…)* | **Thông tin công trình** | **Chủ đầu tư** *(Tên chủ đầu tư, số điện thoại liên hệ)* | **Ghi chú** |
| 1 | Nội dung công việc thực hiện……. | *(Tên dự án /công trình, nhóm dự án, loại, cấp công trình, vị trí xây dựng)* |  |  |
| 2 |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |

1. **Kê khai máy móc, thiết bị** *(đối với tổ chức thi công xây dựng, tổ chức khảo sát xây dựng)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Loại máy móc, thiết bị phục vụ thi công** | **Số lượng** | **Công suất** | **Tính năng** | **Nước sản xuất** | **Năm sản xuất** | **Sở hữu của tổ chức hay đi thuê** | **Chất lượng sử dụng hiện nay** |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**Đề nghị cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng với nội dung như sau:**

Lĩnh vực hoạt động: Hạng:

* Cấp lần đầu, điều chỉnh hạng
* Cấp lại

Lý do đề nghị cấp lại chứng chỉ:

* Điều chỉnh, bổ sung

(Tên tố chức) chịu trách nhiệm về tính chính xác của các nội dung kê khai nêu trên và cam kết hoạt động xây dựng theo đúng nội dung ghi trong chứng chỉ được cấp và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan./.

 **ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔ CHỨC**

 *(Ký, họ và tên, đóng dấu)*

*1 Đối với chứng chỉ hành nghề được cấp theo quy định của Luật Xây dựng năm 2014, số chứng chỉ hành nghề cần kê khai đầy đủ theo khoản 6 Điêu 44 Nghị định này.*

**13. Cấp lại chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, III**

1. ***Trình tự thực hiện:***
* Tổ chức chuẩn bị 01 bộ hồ sơ cấp lại nội dung chứng chỉ năng lực hạng II, hạng III với đầy đủ thành phần hồ sơ và đảm bảo chất lượng hồ sơ.
* Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Xây dựng thông báo một lần bằng văn bản tới tổ chức đề nghị cấp chứng chỉ năng lực trường hợp hồ sơ không đầy đủ hoặc không hợp lệ.
* Trong thời hạn 5 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Xây dụng có trách nhiệm cấp chứng chỉ năng lực.
1. ***Cách thức thực hiện:***
* Gửi hồ sơ qua mạng trực tuyến hoặc qua đường Bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng tại Trung tâm hành chính công tỉnh.
1. ***Thành phần, số lượng hồ sơ:***
2. Thành phần hồ sơ:
* Đơn đề nghị cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng theo mẫu tại Phụ lục Nghị định số 100/2018/NĐ-CP.
* Bản sao có chứng thực hoặc tệp tin chứa ảnh màu chụp từ bản chính hoặc bản sao, xuất trình bản chính để đối chiếu chứng chỉ năng lực đã được cấp, trường hợp bị mất chứng chỉ năng lực thì phải có cam kết của tổ chức đề nghị cấp lại.
1. Số lượng hồ sơ: 01 bộ
2. ***Thời hạn giải quyết:***5 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
3. **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức hoạt động trong lĩnh vực: khảo sát xây dựng; lập quy hoạch xây dựng; thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình; quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; thi công xây dựng công trình; giám sát thi công xây dựng công trình trong nước.
4. ***Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính****:* Sở Xây dựng.
5. **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính**: Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III.
6. ***Phí, Lệ phí:***

500.000đồng/chứng chỉ.

1. ***Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:***
* Đơn đề nghị cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng theo mẫu tại Phụ lục V Nghị định số 100/2018/NĐ-CP.
1. ***Yêu cầu, điều kiên thưc hiên thủ tuc hành chính:***

Bản sao có chứng thực hoặc tệp tin chứa ảnh màu chụp từ bản chính hoặc bản sao, xuất trình bản chính để đối chiếu chứng chỉ năng lực đã được cấp, trường hợp bị mất chứng chỉ năng lực thì phải có cam kết của tổ chức đề nghị cấp lại.

1. ***Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:***
* Luật Xây dựng năm 2014.
* Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng.
* Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng.
* Nghị định số 100/2018/NĐ-CP ngàỵ 16/7/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng*.*
* Thông tư số 172/2016/TT-BTC ngày 27/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng.

PHỤ LỤC

(Kèm theo Nghị định số 100/2018/NĐ-CP ngày 16 /7/2018 của Chính phủ)

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ CẤP**  CHỨNG CHỈ NĂNG LỰC | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *…..ngày …… tháng ………. Năm 20* |

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP CHỨNG CHỈ NĂNG**

**LỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG**

Kính gửi: *(Tên cơ quan cổ thẩm quyền)*

1. Tên tổ chức:……………………………………………….
2. Địa chỉ trụ sở chính:

3. Số điện thoại: số fax:……………….

4. Email Website:

5. Người đại diện theo pháp luật:

Họ và tên:………………..Chức vụ:…………………………

1. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Quyết định thành lập số:
2. Nơi cấp: Ngày cấp:
3. Ngành nghề kinh doanh chính:
4. Mã số chứng chỉ năng lực (nếu có):

Số Chứng chỉ:……..ngày cấp nơi cấp:……

Lĩnh vực hoạt động xây dựng:………………………………

1. Danh sách cá nhân chủ nhiệm, chủ trì, cá nhân có yêu cầu về chứng chỉ hành nghề và cá nhân tham gia, công nhân kỹ thuật (nếu có) có liên quan của tổ chức.
2. Danh sách cá nhân chủ nhiệm, chủ trì, cá nhân có yêu cầu về chứng chỉ hành nghề

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Họ và tên | Vị trí/Chức danh | Sô chứng chỉ hành nghề1 | Điện thoại liên hê • |
| 1 |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |

b) Danh sách cá nhân tham gia, công nhân kỹ thuật liên quan đên lĩnh vực câp chứng chỉ:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Họ và tên | Vị trí/chức danh | Trình độ chuyền môn | Điện thoại liên hệ |
| 1 |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |
| — |  |  |  |  |

1. Kinh nghiệm hoạt động xây dựng liên quan đến lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Nội dung hoạt động xây dựng(Ghi rõ lĩnh vực hoạt động và vai trò: nhà thầu chỉnh, nhà thầu phụ, tổng thầu,...) | Thông tin công trình | Chủ đàu tư(Tên chủ đẩu tư, số điện thoại liên hệ) | Ghi chú |
| 1 | Nội dung công việc thực hiện: | (Tên dự án/công trình; nhóm dự án; loại, cấp công trình; vị trí xây dựng) |  |  |
| 2 |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |

1. Kê khai máy móc, thiêt bị *(đôi với tổ chức thi công xây dựng, tổ chức khảo sát xây dựng)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Loại máy móc, thiết bị phục vụ thi công | Sốlượng | Côngsuất | Tínhnăng | Nướcsảnxuất | Nămsảnxuất | Sở hữu của tổ chức hay đi thuê | Chất lượng sử dụng hiện nay |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**Đề nghị cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng với nội dung như sau:**

Lĩnh vực hoạt động: Hạng:

* Cấp lần đầu, điều chỉnh hạng
* Cấp lại

Lý do đề nghị cấp lại chứng chỉ:

* Điều chỉnh, bổ sung

(Tên tổ chức) chịu trách nhiệm về tính chính xác của các nội dung kê khai nêu trên và cam kết hoạt động xây dựng theo đúng nội dung ghi trong chứng chỉ được cấp và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan./.

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔ CHỨC**

 *(Ký, họ và tên, đóng dấu)*

1. *Đối với chứng chỉ hành nghề được cấp theo quy định của Luật Xây dựng năm 2014, số chứng chỉ hành nghề cần kê khai đầy đủ theo khoản 6 Điều 44 Nghị định này.*

**14. Điều chỉnh, bổ sung chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, III (về lĩnh vực hoạt động và hạng)**

1. ***Trình tự thực hiện:***
* Tổ chức chuẩn bị 01 bộ hồ sơ đề nghị điều chỉnh, bổ sung nội dung chứng chỉ năng lực hạng II hạng III với đầy đủ thành phần hồ sơ và đảm bảo chất lượng hồ sơ.
* Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Xây dựng thông báo một lần bằng văn bản tới tổ chức đề nghị cấp chứng chỉ năng lực trường hợp hồ sơ không đầy đủ hoặc không hợp lệ.
* Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Xây dựng có trách nhiệm cấp chứng chỉ năng lực.
1. ***Cách thức thực hiện:***
* Gửi hồ sơ qua mạng trực tuyến hoặc qua đường Bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng tại Trung tâm hành chính công tỉnh.
1. ***Thành phần, số lượng hồ sơ:***
2. Thành phần hồ sơ:
* Đơn đề nghị cấp chứng chỉ năng lực theo mẫu tại Phụ lục V Nghị định số 100/2018/NĐ-CP.
* Quyết định thành lập tổ chức trong trường hợp có quyết định thành lập.
* Quyết định công nhận phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng của tổ chức hoặc hợp đồng nguyên tắc về việc liên kết thực hiện công việc thí nghiệm phục vụ khảo sát xây dựng với phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng xây dựng được công nhận (đối với tổ chức đề nghị cấp chứng chỉ năng lực khảo sát xây dựng).
* Chứng chỉ hành nghề hoặc kê khai mã số chứng chỉ hành nghề trong trường hợp đã được cấp chứng chỉ hành nghề được cấp theo quy định của Luật Xây dựng năm 2014 của các chức danh yêu cầu phải có chứng chỉ hành nghề; các văn bằng được đào tạo của cá nhân tham gia thực hiện công việc.
* Chứng chỉ năng lực đã được cơ quan có thẩm quyền cấp.
* Văn bằng hoặc chứng chỉ bồi dưỡng, đào tạo chuyên môn nghiệp vụ phù hợp của công nhân kỹ thuật (đối với tổ chức đề nghị cấp chứng chỉ năng lực thi công xây dựng).
* Hợp đồng và biên bản nghiệm thu hoàn thành các công việc tiêu biểu đã thực hiện theo nội dung kê khai.

*(Các tài liệu trên "trừ Đơn đề nghị" phải là bản sao có chứng thực hoặc tệp tin chứa ảnh chụp màu từ bản chính hoặc bản sao, xuất trình bản chính để đối chiếu)*

1. Số lượng hồ sơ: 01 bộ
2. **Thời hạn giải quyết:** 5 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
3. **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức hoạt động trong lĩnh vực: khảo sát xây dựng; lập quy hoạch xây dựng; thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình; quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; thi công xây dựng công trình; giám sát thi công xây dựng công trình trong nước.
4. **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính**: Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III.
5. ***Phí, Lệ phí:***

500.000đồng/chứng chỉ.

1. ***Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:***
* Đơn đề nghị cấp điều chỉnh, bổ sung chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng theo mẫu tại Phụ lục V Nghị định số 100/2018/NĐ-CP.
1. ***Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:***
2. Điều kiện chung đối với tổ chức xin cấp chứng chỉ năng lực:

Tổ chức tham gia hoạt động xây dựng phải là doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc tổ chức có chức năng hoạt động xây dựng được thành lập theo quy định của pháp luật và đáp ứng các yêu cầu cụ thể đối với từng lĩnh vực hoạt động xây dựng.

1. Điều kiện riêng đối với từng loại tổ chức xin cấp chứng chỉ năng lực:

(1) Tổ chức khảo sát xây dựng:

* Hạng II:

+ Cá nhân đảm nhận chức danh chủ nhiệm khảo sát có chứng chỉ hành nghề khảo sát xây dựng từ hạng II trở lên phù hợp với lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ năng lực.

+ Cá nhân tham gia thực hiện khảo sát có chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với loại hình khảo sát xây dựng đăng ký cấp chứng chỉ năng lực.

+ Đã thực hiện khảo sát xây dựng ít nhất 01 dự án từ nhóm B hoặc 02 dự án từ nhóm C hoặc 03 dự án có yêu cầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật trở lên hoặc 01 công trình từ cấp II hoặc 02 công trình từ cấp III trở lên cùng loại hình khảo sát.

* Hạng III:

+ Cá nhân đảm nhận chức danh chủ nhiệm khảo sát có chứng chỉ hành nghề khảo sát xây dựng từ hạng III trở lên phù hợp với lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ năng lực.

+ Cá nhân tham gia thực hiện khảo sát có chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với loại hình khảo sát xây dựng đăng ký cấp chứng chỉ năng lực.

1. Tổ chức lập quy hoạch xây dựng:
* Hạng II:

+ Cá nhân đảm nhận chức danh chủ nhiệm đồ án quy hoạch, chủ trì các bộ môn kiến trúc - quy hoạch, kinh tế đô thị và các chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật khác của đồ án quy hoạch có chứng chỉ hành nghề từ hạng II trở lên phù hợp với lĩnh vực chuyên môn đảm nhận.

+ Đã thực hiện lập ít nhất 01 đồ án quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền và đã được ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt hoặc 02 đồ án quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền và đã được Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt.

* Hạng III:

Cá nhân đảm nhận chức danh chủ nhiệm, chủ trì các bộ môn kiến trúc - quy hoạch, kinh tế đô thị và các chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật khác của đồ án quy hoạch có chứng chỉ hành nghề từ hạng III trở lên phù họp với lĩnh vực chuyên môn đảm nhận.

1. Tổ chức thiết kế xây dựng công trình:
* Hạng II:

+ Cá nhân đảm nhận chức danh chủ nhiệm thiết kế xây dựng, chủ trì các bộ môn thiết kế có chứng chỉ hành nghề từ hạng II trở lên phù hợp với lĩnh vực chuyên môn đảm nhận.

+ Cá nhân tham gia thực hiện thiết kế có chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với lĩnh vực, loại công trình đăng ký cấp chứng chỉ năng lực.

+ Đã thực hiện thiết kế, thẩm tra thiết kế ít nhất 01 công trình từ cấp II trở lên hoặc 02 công trình từ cấp III trở lên cùng loại.

* Hạng III:

+ Cá nhân đảm nhận chức danh chủ nhiệm thiết kế xây dựng, chủ trì các bộ môn thiết kế có chứng chỉ hành nghề từ hạng III trở lên phù hợp với lĩnh vực chuyên môn đảm nhận.

+ Cá nhân tham gia thực hiện thiết kế có chuyên môn, nghiệp vụ phù họp với lĩnh vực, loại công trình đăng ký cấp chứng chỉ năng lực.

1. Tổ chức tư vấn quản lý dự án:
* Hạng II:

+ Cá nhân đảm nhận chức danh giám đốc quản lý dự án có chứng chỉ hành nghề quản lý dự án từ hạng II trở lên phù hợp với loại dự án đăng ký cấp chứng chỉ năng lực.

+ Cá nhân phụ trách các lĩnh vực chuyên môn phải có chứng chỉ hành nghề từ hạng II trở lên phù hợp với công việc đảm nhận.

+ Cá nhân tham gia thực hiện quản lý dự án có chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với công việc đảm nhận và loại dự án đăng ký cấp chứng chỉ năng lực.

+ Đã thực hiện quản lý dự án ít nhất 01 dự án từ nhóm B trở lên hoặc 02 dự án từ nhóm C cùng loại trở lên.

* Hạng III:

+ Cá nhân đảm nhận chức danh giám đốc quản lý dự án có chứng chỉ hành nghề quản lý dự án từ hạng III trở lên phù hợp với loại dự án đăng ký cấp chứng chỉ năng lực.

+ Cá nhân phụ trách các lĩnh vực chuyên môn phải có chứng chỉ hành nghề từ hạng III trở lên phù hợp với công việc đảm nhận.

+ Cá nhân tham gia thực hiện quản lý dự án có chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với công việc đảm nhận và loại dự án đăng ký cấp chứng chỉ năng lực.

1. Tổ chức thi công xây dựng công trình:
* Hạng II:

+ Cá nhân đảm nhận chức danh chỉ huy trưởng công trường phải đủ điều kiện là chỉ huy trưởng công trường từ hạng II trở lên phù hợp với lĩnh vực chuyên môn đảm nhận.

+ Cá nhân phụ trách thi công lĩnh vực chuyên môn có trình độ đại học hoặc cao đẳng nghề phù hợp với công việc đảm nhận và thời gian công tác ít nhất 01 năm đối với trình độ đại học, 03 năm đối với trình độ cao đẳng nghề.

+ Công nhân kỹ thuật thực hiện các công việc thi công có văn bằng hoặc chứng chỉ bồi dưỡng, đào tạo chuyên môn nghiệp vụ phù hợp với nội dung đăng ký cấp chứng chỉ năng lực.

+ Có khả năng huy động đủ số lượng máy móc, thiết bị chủ yếu đáp ứng yêu cầu thi công xây dựng các công trình phù hợp với công việc tham gia đảm nhận.

+ Đã trực tiếp thi công công việc thuộc hạng mục công trình chính liên quan đến nội dung đề nghị cấp chứng chỉ của ít nhất 01 công trình từ cấp II trở lên hoặc 02 công trình từ cấp III trở lên cùng loại.

* Hạng III:

+ Cá nhân đảm nhận chức danh chỉ huy trưởng công trường phải đủ điều kiện là chỉ huy trưởng công trường từ hạng III trở lên phù hợp với lĩnh vực chuyên môn đảm nhận.

+ Cá nhân phụ trách thi công lĩnh vực chuyên môn có trình độ đại học hoặc cao đẳng nghề phù hợp với công việc đảm nhận.

+ Công nhân kỹ thuật phụ trách các công việc thi công có văn bằng hoặc chứng chỉ bồi dưỡng, đào tạo chuyên môn nghiệp vụ phù hợp với nội dung đăng ký cấp chứng chỉ năng lực.

+ Có khả năng huy động đủ số lượng máy móc, thiết bị chủ yếu đáp ứng yêu cầu thi công xây dựng công trình phù hợp với công việc tham gia đảm nhận.

1. Tổ chức giám sát thi công xây dựng:
* Hạng II:

+ Cá nhân đảm nhận chức danh giám sát trưởng có chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng từ hạng II trở lên, giám sát viên có chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng phù hợp với loại công trình đăng ký cấp chứng chỉ năng lực.

+ Đã giám sát thi công xây dựng của ít nhất 01 công trình từ cấp II hoặc 2 công trình từ cấp III trở lên cùng loại công trình đăng ký cấp chứng chỉ năng lực.

* Hạng III:

+ Cá nhân đảm nhận chức danh giám sát trưởng có chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng từ hạng III trở lên, giám sát viên có chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng phù hợp với loại công trình đăng ký cấp chứng chỉ năng lực.

1. ***Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:***
* Luật Xây dựng năm 2014.
* Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng.
* Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng.
* Nghị định số 100/2018/NĐ-CP ngày 16/7/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bố sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.
* Thông tư số 172/2016/TT-BTC ngày 27/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng.

BỔ SUNG VÀO NGHỊ ĐỊNH SỐ 59/2015/NĐ-CP NGÀY 18/6/2015 CỦA

CHÍNH PHỦ

*(Kèm theo Nghị định sổ 100/2018/NĐ-CP ngày 16 /7/2018 của Chính phủ)*

TÊN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ CẤP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

 CHỨNG CHỈ NĂNG LỰC Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ngày…….tháng… năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ **CẤP CHỨNG CHỈ NĂNG LỰC HOAT ĐỘNG XÂY DỰNG**

 \*

Kính gửi: *(Tên cơ quan cổ thẩm quyền)*

1. Tên tổ chức:………………………………..
2. Địa chỉ trụ sở chính:………………………………..

3. Số điện thoại: số fax:

4. Email Website:

5. Người đại diện theo pháp luật:………………………………….

Họ và tên: Chức vụ:……………..

6. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Quyết định thành lập số:

 Nơi cấp: Ngày cấp:…………….

7. Ngành nghề kinh doanh chính:…………………..

8. Mã số chứng chỉ năng lực (nếu có):…………………….

Số Chứng chỉ: ngày cấp nơi cấp:….

Lĩnh vực hoạt động xây dựng:…………………………………..

9. Danh sách cá nhân chủ nhiệm, chủ trì, cá nhân có yêu cầu về chứng chỉ hành nghề và cá nhân tham gia, công nhân kỹ thuật (nếu có) có liên quan của tố chức.

1. Danh sách cá nhân chủ nhiệm, chủ trì, cá nhân có yêu cầu về chứng chỉ hành nghề:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Họ và tên | Vi trí/Chức danh• | Số chứng chỉ hành nghề1 | Điện thoại liên hệ |
| 1 |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |

1. Danh sách cá nhân tham gia, công nhân kỹ thuật liên quan đến lĩnh vực cấp chứng chỉ:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Họ và tên** | **Vị trí/chức danh** | **Trình độ chuyên môn** | **Điện thoại liên hệ** |
| 1 |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |

1. Kinh nghiệm hoạt động xây dựng liên quan đến lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Nội dung hoạt động xây dựng** *(Ghi rõ lĩnh vực hoạt động và vai trò, nhà thầu chính, nhà thầu phụ, tổng thầu…)* | **Thông tin công trình** | **Chủ đầu tư***(Tên chủ đầu tư, số điện thoại liên hệ)* | **Ghi chú** |
| 1 | Nội dung công việc thực hiện… | *(Tên dự án/công trình; nhóm dự án, loại, cấp công trình, vị trí, xây dựng*) |  |  |
| 2 |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |

1. Kê khai máy móc, thiết bị *(đối với tổng chức thi công xây dựng, tổ chức khảo sát xây dựng)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Loại máy móc, thiết bị phục vụ thi công** | **Số lượng** | **Công suất** | **Tính năng** | **Nước sản xuất** | **Năm sản xuất** | **Sở hữu của tổ chức hay đi thuê** | **Chức lượng sử dụng hiện nay** |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |  |  |  |

**Đề nghị cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng vói nội dung như sau:**

Lĩnh vực hoạt động: Hạng:

* Cấp lần đầu, điều chỉnh hạng
* Cấp lại

Lý do đề nghị cấp lại chứng chỉ:

* Điều chỉnh, bổ sung

(Tên tổ chức) chịu trách nhiệm về tính chính xác của các nội dung kê khai nêu trên và cam kết hoạt động xây dựng theo đúng nội dung ghi trong chứng chỉ được cấp và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan./.

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔ CHỨC**

 *(Ký, họ và tên, đóng dâu)*

*1 Đối với chức chỉ hành nghề được cấp theo quy định của Luật Xây dựng năm 2014, số chứng chỉ hành nghề cần kê khai đầy đủ theo khoản 6 Điều 44 Nghị định này.*

**15. Chuyển đổi chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III của cá nhân nước ngoài**

1. ***Trình tự thực hiện:***
* Cá nhân chuẩn bị 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp chuyển đổi chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng với đầy đủ thành phần hồ sơ và đảm bảo chất lượng hồ sơ.
* Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Xây dựng thông báo một lần bằng văn bản tới cá nhân đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng trường hợp hồ sơ không đầy đủ hoặc không hợp lệ.
* Trong thời hạn 12 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Xây dựng có trách nhiệm cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng.
1. ***Cách thức thực hiện:***

- Gửi hồ sơ qua mạng trực tuyến hoặc qua đường Bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng tại Trung tâm hành chính công tỉnh.

1. ***Thành phần, số lượng hồ sơ:***

*a) Thành phần hồ sơ:*

* Đơn đề nghị chuyển đổi chứng chỉ hành nghề theo mẫu tại Phụ lục III Nghị định số 100/2018/NĐ-CP.
* 02 ảnh màu cỡ 4x6cm có nền màu trắng chân dung của người đề nghị được chụp trong thời gian không quá 06 tháng.
* Bản sao văn bằng được đào tạo, chứng chỉ hành nghề do cơ quan, tổ chức nước ngoài cấp đã được hợp pháp hóa lãnh sự, dịch ra Tiếng Việt và được công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam.
* Bản sao có chứng thực hoặc tệp tin chứa ảnh màu chụp từ bản chính hoặc bản sao, xuất trình bản chính để đối chiếu giấy tờ hợp pháp về cư trú hoặc giấy phép lao động do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp theo quy định.

*b) Số lượng hồ sơ:* 01 bộ

1. **Thời hạn giải quyết:** 12 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
2. **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cá nhân nước ngoài hoặc người Việt Nam định cư ở nước ngoài đã có chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng do cơ quan, tổ chức nước ngoài cấp mà hành nghề hoạt động xây dựng ở Việt Nam từ 6 tháng trở lên.
3. ***Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:*** Sở Xây dựng.
4. **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Chứng chỉ hành nghề của cá nhân nước ngoài được chuyển đổi theo mẫu quy định của Việt Nam.
5. ***Phí, lệ phí:***

150.000 đồng/chứng chỉ.

1. ***Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:***

Đơn đề nghị chuyển đổi chứng chỉ hành nghề theo mẫu tại Phụ lục III Nghị định số 100/2018/NĐ-CP.

1. ***Yêu cầu, điều kiên thưc hiên thủ tục hành chính:***
* Có đủ năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật; có giấy phép cư trú hoặc giấy phép lao động tại Việt Nam đối với người nước ngoài và người Việt Nam định cư ở nước ngoài.
* Đã có chứng chỉ hành nghề hạng II, hạng III hoặc tương đương phù hợp với nội dung đề nghị chuyển đổi chứng chỉ hành nghề.
1. ***Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:***
* Luật Xây dựng năm 2014.
* Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng.
* Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng.
* Nghị định số 100/2018/NĐ-CP ngày 16/7/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.
* Thông tư số 172/2016/TT-BTC ngày 27/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng.

**PHỤ LỤC**

BỒ SUNG VÀO NGHỊ ĐỊNH SỐ 59/2015/NĐ-CP NGÀY 18/6/2015 CỦA

CHÍNH PHỦ

*(Kèm theo Nghị định số 100/2018/NĐ-CP ngày 16/7/2018 của Chính phủ)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

 , *ngày* *tháng* *năm*

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**CHUYỂN ĐỎI CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG**

Kính gửi: *(Tên cơ quan có thấm quyển)*

1. Họ và tên:

2. Ngày, tháng, năm sinh:

1. Quốc tịch:
2. Hộ chiếu số: ngày cấp: nơi cấp:
3. Số điện thoại: 6. Địa chỉ Email:
4. Đơn vị công tác:
5. Trình độ chuyên môn *(ghi rõ chuyên ngành, hệ đào tạo):*
6. Thời gian kinh nghiệm liên quan đến lĩnh vực đề nghị chuyển đổi chứng chỉ

hành nghề (năm, tháng):

1. Chứng chỉ hành nghề số: ngày cấp: nơi cấp:

Lĩnh vực hoạt động xây dựng

1. Quá trình hoạt động chuyên môn trong xây dựng:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Thời gian công tác(Từ tháng, năm đến tháng, năm) | Đơn vị công tác/ Hoat đông đôc lập(Ghi rõ tên đơn vị, số điện thoại liên hệ) | Kê khai kinh nghiệm thực hiện công việc tiêu biểu | Ghi chú |
| 1 |  |  | 1. Tên Dư án/công trình: Nhóm dự án/cấp công trình:...Loai công trình : Chức danh/Nội dung công việc thưc hiên: 2  |  |
| 2 |  |  |  |  |

**Đề nghị chuyển đổi chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng vói các nội dung sau:**

Lĩnh vực hoạt động: Hạng:

Tôi xin chịu trách nhiệm về tính chính xác của các nội dung kê khai nêu trên và cam kết hành nghề hoạt động xây dựng theo đúng nội dung ghi trong chứng chỉ được cấp và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan./.

**NGƯỜI LÀM ĐƠN**

*(Ký và ghi rõ họ, tên)*

**16. Cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III.**

1. ***Trình tự thực hiện:***
* Cá nhân chuẩn bị 01 bộ hồ sơ cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III với đầy đủ thành phần hồ sơ và đảm bảo chất lượng hồ sơ.
* Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Xây dựng thông báo một lần bằng văn bản tới cá nhân đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng trường hợp hồ sơ không đầy đủ hoặc không hợp lệ.
* Cơ quan có thẩm quyền cấp chứng chỉ hành nghề có trách nhiệm tổ chức sát hạch cho cá nhân đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề. Trường hợp cá nhân có nhu cầu đăng ký sát hạch trước khi nộp hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề thì gửi tờ khai đăng ký sát hạch theo mẫu tại Phụ lục II Nghị định này đến cơ quan có thẩm quyền cấp chứng chỉ hành nghề. Việc sát hạch được tiến hành định kỳ hàng tháng hoặc đột xuất do thủ trưởng cơ quan cấp chứng chỉ hành nghề quyết định.
* Nội dung sát hạch bao gồm phần câu hỏi về kinh nghiệm nghề nghiệp và phần câu hỏi về kiến thức pháp luật. Trường hợp cá nhân có chứng chỉ hành nghề cấp theo quy định của Luật Xây dựng năm 2003 còn thời hạn sử dụng thì khi tham dự sát hạch được miễn nội dung về kiến thức chuyên môn đối với lĩnh vực hành nghề ghi trên chứng chỉ. Kết quả sát hạch được bảo lưu trong thời gian 06 tháng kể từ ngày sát hạch để làm căn cứ cấp chứng chỉ hành nghề.
* Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Xây dựng có trách nhiệm cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng.
1. ***Cách thức thực hiện:***

- Gửi hồ sơ qua mạng trực tuyến hoặc qua đường Bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng tại Trung tâm hành chính công tỉnh.

1. ***Thành phần, số lượng hồ sơ:***
2. Thành phần hồ sơ:
* Đơn đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề theo mẫu tại Phụ lục I Nghị định số 100/2018/NĐ-CP.
* 02 ảnh màu cỡ 4 X 6 cm có nền màu trắng chân dung của người đề nghị được chụp trong thời gian không quá 06 tháng.
* Văn bằng do cơ sở đào tạo hợp pháp cấp phù hợp với loại, hạng chứng chỉ đề nghị cấp. Đối với văn bằng do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp, phải là bản được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định và phải có bản dịch sang Tiếng Việt được công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam.
* Các quyết định phân công công việc (giao nhiệm vụ) của tổ chức cho cá nhân hoặc văn bản xác nhận của đại diện theo pháp luật của chủ đầu tư về các công việc tiêu biểu mà cá nhân đã hoàn thành theo nội dung kê khai. Người ký xác nhận phải chịu trách nhiệm về sự trung thực của nội dung xác nhận. Trường hợp cá nhân hành nghề độc lập thì phải có hợp đồng và biên bản nghiệm thu các công việc thực hiện tiêu biểu đã kê khai.
* Tờ khai đăng ký sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng theo mẫu tại Phụ lục II Nghị định số 100/2018/NĐ-CP.
* Kết quả sát hạch đạt yêu cầu trong trường hợp đã sát hạch trước ngày nộp hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

1. **Thời hạn giải quyết:** 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
2. **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cá nhân hoạt động trong các lĩnh vực: Khảo sát xây dựng; thiết kế quy hoạch xây dựng; thiết kế xây dựng công trình; giám sát thi công xây dựng; định giá xây dựng; quản lý dự án.
3. **Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:** Sở Xây dựng.
4. **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính**: Chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III.
5. ***Phí, Lệ phí:***
* 300.000 đồng/chứng chỉ.
* Chi phí sát hạch do Sở Xây dựng địa phương tổ chức: 450.000đ/lượt sát hạch, theo quy định tại Quyết định số 970/QĐ-BXD ngày 21/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.
1. ***Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:***
* Đơn đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III theo mẫu tại Phụ lục I Nghị định số 100/2018/NĐ-CP.
* Tờ khai đăng ký sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng theo mẫu tại Phụ lục I Nghị định số 100/2018/NĐ-CP.
1. ***Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:***
2. Điều kiện chung đối với cá nhân xin cấp chứng chỉ hành nghề:
* Có đủ năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật; có giấy phép cư trú hoặc giấy phép lao động tại Việt Nam đối với người nước ngoài và người Việt Nam định cư ở nước ngoài.
* Có trình độ đại học thuộc chuyên ngành phù hợp, có thời gian kinh nghiệm tham gia công việc phù hợp với nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề từ 04 năm trở lên đối với chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II;
* Có trình độ chuyên môn phù hợp, có thời gian kinh nghiệm tham gia công việc phù hợp với nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề từ 02 năm trở lên đối với cá nhân có trình độ đại học; từ 03 năm trở lên đối với cá nhân có trình độ cao đẳng hoặc trung cấp đối với chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng III.
1. Điều kiện riêng đối với từng lĩnh vực đề nghị xin cấp chứng chỉ hành nghề:
2. Cá nhân hành nghề khảo sát xây dựng:
* Hạng II: Đã làm chủ nhiệm khảo sát xây dựng thuộc lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ ít nhất 01 dự án từ nhóm B trở lên hoặc 02 dự án từ nhóm C trở lên hoặc ít nhất 02 công trình từ cấp II trở lên hoặc 03 công trình từ cấp III trở lên.
* Hạng III: Đã tham gia khảo sát xây dựng thuộc lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ ít nhất 02 dự án từ nhóm C hoặc 02 dự án có yêu cầu lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật trở lên hoặc ít nhất 02 công trình từ cấp III trở lên hoặc 03 công trình từ cấp IV trở lên.
1. Cá nhân hành nghề thiết kế quy hoạch xây dựng:
* Hạng II: Đã làm chủ nhiệm hoặc chủ trì thiết kế bộ môn chuyên ngành ít nhất 01 đồ án quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền và đã được ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt hoặc 02 đồ án quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền và đã được ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt.
* Hạng III: Đã tham gia thiết kế bộ môn chuyên ngành ít nhất trong 01 đồ án quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền và đã được ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt hoặc 02 đồ án quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền và đã được ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt.
1. Cá nhân hành nghề thiết kế xây dựng công trình:
* Hạng II: Đã làm chủ nhiệm hoặc chủ trì thiết kế, thẩm tra thiết kế phần việc thuộc lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề của ít nhất 01 công trình từ cấp II trở lên hoặc ít nhất 02 công trình từ cấp III trở lên hoặc đã tham gia thiết kế, thẩm tra thiết kế phần việc liên quan đến nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề của ít nhất 03 công trình từ cấp II trở lên cùng loại với công trình đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề.
* Hạng III: Đã tham gia thiết kế, thẩm tra thiết kế phần việc thuộc lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề của ít nhất 03 công trình từ cấp III trở lên hoặc 5 công trình từ cấp IV trở lên cùng loại với công trình đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề.
1. Cá nhân hành nghề giám sát thi công xây dựng:
* Hạng II: Đã làm giám sát trưởng hoặc chỉ huy trưởng công trường hoặc chủ trì thiết kế xây dựng phần việc thuộc lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề của ít nhất 01 công trình từ cấp II trở lên hoặc 02 công trình từ cấp III trở lên cùng loại với công trình đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề.
* Hạng III: Đã tham gia giám sát thi công xây dựng hoặc tham gia thiết kế xây dựng hoặc thi công xây dựng phần việc thuộc lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề của ít nhất 01 công trình từ cấp III trở lên hoặc 02 công trình từ cấp IV trở lên cùng loại với công trình đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề.
1. Cá nhân hành nghề định giá xây dựng:
* Hạng II: Đã chủ trì thực hiện một trong các công việc quản lý chi phí đầu tư xây dựng của ít nhất 01 dự án từ nhóm B hoặc 02 dự án từ nhóm C trở lên hoặc 01 công trình từ cấp II hoặc 02 công trình từ cấp III trở lên.
* Hạng III: Đã tham gia thực hiện một trong các công việc quản lý chi phí đầu tư xây dựng của ít nhất 01 dự án từ nhóm C hoặc 02 dự án có yêu cầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng trở lên hoặc 01 công trình từ cấp III trở lên hoặc 02 công trình từ cấp IV trở lên.
1. Cá nhân hành nghề quản lý dự án:
* Hạng II: Đã làm giám đốc quản lý dự án của 01 dự án từ nhóm B hoặc 2 dự án từ nhóm C cùng loại trở lên hoặc có một trong ba loại chứng chỉ hành nghề (thiết kế xây dựng hạng II; giám sát thi công xây dựng hạng II; định giá xây dựng hạng II) và đã tham gia quản lý dự án của ít nhất 01 dự án từ nhóm B hoặc 02 dự án từ nhóm C hoặc 03 dự án có yêu cầu lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật cùng loại trở lên.
* Hạng III: Đã tham gia quản lý dự án của ít nhất 01 dự án từ nhóm C cùng loại trở lên.
1. ***Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:***
* Luật Xây dựng năm 2014.
* Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng.
* Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng.
* Nghị định số 100/2018/NĐ-CP ngày 16/7/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.
* Thông tư số 172/2016/TT-BTC ngàỵ 27/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng.

**PHỤ LỤC I**

BỔ SUNG VÀO NGHỊ ĐỊNH SỐ 59/2015/NĐ-CP NGÀY 18/6/2015 CỦA

CHÍNH PHỦ

*(Kèm theo Nghị định sổ 100/2018/NĐ-CP ngày 16/7/2018 của Chính phủ)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

 **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

 *, ngày* *tháng* *năm*

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG**

Kính gửi: *(Tên cơ quan có thẩm quyền)*

1. Họ và tên:
2. Ngày, tháng, năm sinh:…………………
3. Quốc tịch:………………………
4. Số Chứng minh thư nhân dân/Hộ chiếu/CCCD:….ngày cấp:..nơi cấp...
5. Địa chỉ thường trú:…….
6. Số điện thoại:……Địa chỉ Email:
7. Đơn vị công tác:………………………
8. Trình độ chuyên môn *(ghi rõ chuyên ngành, hệ đào tạo):……….*
9. Thời gian kinh nghiệm liên quan đến lĩnh vực đề nghị chuyển đổi chứng chỉ

hành nghề: năm.

1. Số chứng chỉ hành nghề đã được cấp (nếu có):

Số Chứng chỉ: ngày cấp nơi cấp:………

Lĩnh vực hoạt động xây dựng:

1. Quá trình hoạt động chuyên môn trong xây dựng 1:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Thời gian công tác(Từ tháng, năm đến tháng, năm) | Đơn vị công tác/ Hoạt động đôc lập(Ghi rõ tên đơn vị, so điện thoại liên hệ) | Kê khai kinh nghiệm thực hiện công việc tiêu biểu | Ghi chú |
| 1 |  |  | 1**.** Tên Dư án/công trình: Nhóm dư án/cấp công trình'Loai công trình : Chức danh/Nội dung công việc thưc hiên:  |  |
| 2 |  |  |  |  |

**Đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng với nội dung như sau:**

Lĩnh vực hành nghề: Hạng……………….

* Cấp lần đầu, nâng hạng
* Cấp lại

Lý do đề nghị cấp lại chứng chỉ:…………………………………

* Điều chỉnh, bổ sung

Tôi xin chịu trách nhiệm về toàn bộ nội dung đơn này và cam kết hành nghề hoạt động xây dựng theo đúng nội dung ghi trong chứng chỉ được cấp và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan./.

**NGƯỜI LÀM ĐƠN**

*(Kỷ và ghi rõ họ, tên)*

1. Ghi chú: Không yêu cầu kê khai trong trường hợp đề nghị cấp lại chứng chỉ do chứng chỉ cũ hết hạn sử dụng/hư hỏng, bị mất.

**PHỤ LỤC II**

BỒ SUNG VÀO NGHỊ ĐỊNH SỐ 59/2015/NĐ-CP NGÀY 18 THÁNG 6

NĂM 2015 CỦA CHÍNH PHỦ

*(Kèm theo Nghị định sổ 100/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng* 7 *năm 2018 của Chính phủ)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

 *ngày* *tháng* *năm*

**TỜ KHAI**

**ĐĂNG KÝ SÁT HẠCH CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG**

Kính gửi: *(Tên cơ quan có thẩm quyền)*

1. Họ và tên:
2. Ngày, tháng, năm sinh:
3. Quốc tịch:
4. Số Chứng minh thư nhân dân/Hộ chiếu/CCCD: ngày cấp: nơi

cấp……..

1. Địa chỉ thường trú:……………………………….
2. Số điện thoại:…Địa chỉ Email:
3. Đơn vị công tác *(Tên tổ chức, địa chỉ trụ sở):*
4. Trình độ chuyên môn *(ghi rõ chuyên ngành, hệ đào tạo):*
5. Chứng chỉ hành nghề đã được cấp (nếu có):
6. Số Chứng chỉ: ngày cấp nơi cấp:

Lĩnh vực hoạt động xây dựng:…………………………………….

**Đăng ký sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng với nội dung như sau:**

Lĩnh vực hành nghề: Hạng:

Địa điểm đăng ký sát hạch:……………………………………………

Tôi xin chịu trách nhiệm về tính chính xác của các nội dung kê khai nêu trên.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **NGƯỜI LÀM ĐƠN***(Ký và ghi rõ họ tên)* |

1. **Cấp nâng hạng chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng của cá nhân hạng II, III.**
2. ***Trình tự thực hiện:***
* Cá nhân chuẩn bị 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp nâng hạng chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III với đầy đủ thành phần hồ sơ và đảm bảo chất lượng hồ sơ.
* Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Xây dựng thông báo một lần bằng văn bản tới cá nhân đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng trường hợp hồ sơ không đây đủ hoặc không hợp lệ.
* Cơ quan có thẩm quyền cấp chứng chỉ hành nghề có trách nhiệm tổ chức sát hạch cho cá nhân đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề. Trường hợp cá nhân có nhu cầu đăng ký sát hạch trước khi nộp hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề thì gửi tờ khai đăng ký sát hạch theo mẫu tại Phụ lục II Nghị định này đến cơ quan có thẩm quyền cấp chứng chỉ hành nghề. Việc sát hạch được tiến hành định kỳ hàng tháng hoặc đột xuất do thủ trưởng cơ quan nâng hạng chứng chỉ hành nghề quyết định.
* Nội dung sát hạch bao gồm phần câu hỏi về kinh nghiệm nghề nghiệp và phần câu hỏi về kiến thức pháp luật. Trường hợp cá nhân có chứng chỉ hành nghề cấp theo quy định của Luật Xây dựng năm 2003 còn thời hạn sử dụng thì khi tham dự sát hạch được miễn nội dung về kiến thức chuyên môn đối với lĩnh vực hành nghề ghi trên chứng chỉ. Kết quả sát hạch được bảo lưu trong thời gian 06 tháng kể từ ngày sát hạch để làm căn cứ xét nâng hạng chứng chỉ năng lực hành nghề.
* Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Xây dựng có trách nhiệm cấp nâng hạng chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng.
1. ***Cách thức thực hiện:***

- Gửi hồ sơ qua mạng trực tuyến hoặc qua đường Bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng tại Trung tâm hành chính công tỉnh.

1. ***Thành phần, số lượng hồ sơ:***
2. *Thành phần hồ sơ:*
* Đơn đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề theo mẫu tại Phụ lục I Nghị định số 100/2018/NĐ-CP.
* 02 ảnh màu cỡ 4 X 6 cm có nền màu trắng chân dung của người đề nghị được chụp trong thời gian không quá 06 tháng.
* Văn bằng do cơ sở đào tạo hợp pháp cấp phù hợp với loại, hạng chứng chỉ đề nghị cấp. Đối với văn bằng do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp, phải là bản được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định và phải có bản dịch sang Tiếng Việt được công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam.
* Chứng chỉ hành nghề đã được cơ quan có thẩm quyền cấp.
* Các quyết định phân công công việc (giao nhiệm vụ) của tổ chức cho cá nhân hoặc văn bản xác nhận của đại diện theo pháp luật của chủ đầu tư về các công việc tiêu biểu mà cá nhân đã hoàn thành theo nội dung kê khai. Người ký xác nhận phải chịu trách nhiệm về sự trung thực của nội dung xác nhận. Trường hợp cá nhân hành nghề độc lập thì phải có hợp đồng và biên bản nghiệm thu các công việc thực hiện tiêu biểu đã kê khai.
* Tờ khai đăng ký sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng theo mẫu tại Phụ lục II Nghị định số 100/2018/NĐ-CP.
* Kết quả sát hạch đạt yêu cầu trong trường hợp đã sát hạch trước ngày nộp hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề.
1. Số lượng hồ sơ: 01 bộ
2. **Thời hạn giải quyết:** 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
3. **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính**: Cá nhân hoạt động trong các lĩnh vực: Khảo sát xây dựng; thiết kế quy hoạch xây dựng; thiết kế xây dựng công trình; giám sát thi công xây dựng; định giá xây dựng; quản lý dự án.
4. **Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:** Sở Xây dựng.
5. **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng được nâng hạng II, hạng III.
6. ***Phí, Lệ phí:***
* 300.000 đồng/chứng chỉ.
* Chi phí sát hạch do Sở Xây dựng địa phương tổ chức: 450.000đ/lượt sát hạch, theo quy định tại Quyết định số 970/QĐ-BXD ngày 21/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.
1. ***Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:***
* Đơn đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III theo mẫu tại Phụ lục I Nghị định số 100/2018/NĐ-CP.
* Tờ khai đăng ký sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng theo mẫu tại Phụ lục II Nghị định số 100/2018/NĐ-CP.
1. ***Yêu cầu, điều kiên thưc hiên thủ tuc hành chính:***

'

1. Điều kiện chung đối với cá nhân xin cấp chứng chỉ hành nghề:
* Có đủ năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật; có giấy phép cư trú hoặc giấy phép lao động tại Việt Nam đối với người nước ngoài và người Việt Nam định cư ở nước ngoài.
* Có trình độ đại học thuộc chuyên ngành phù hợp, có thời gian kinh nghiệm tham gia công việc phù hợp với nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề từ 04 năm trở lên đối với chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II;
* Có trình độ chuyên môn phù hợp, có thời gian kinh nghiệm tham gia công việc phù hợp với nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề từ 02 năm trở lên đối với cá nhân có trình độ đại học; từ 03 năm trở lên đối với cá nhân có trình độ cao đẳng hoặc trung cấp đối với chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng III.
1. Điều kiện riêng đối với từng lĩnh vực đề nghị xin cấp chứng chỉ hành nghề:
2. Cá nhân hành nghề khảo sát xây dựng:
* Hạng II: Đã làm chủ nhiệm khảo sát xây dựng thuộc lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ ít nhất 01 dự án từ nhóm B trở lên hoặc 02 dự án từ nhóm C trở lên hoặc ít nhất 02 công trình từ cấp II trở lên hoặc 03 công trình từ cấp III trở lên.
* Hạng III: Đã tham gia khảo sát xây dựng thuộc lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ ít nhất 02 dự án từ nhóm C hoặc 02 dự án có yêu cầu lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật trở lên hoặc ít nhất 02 công trình từ cấp III trở lên hoặc 03 công trình từ cấp IV trở lên.
1. Cá nhân hành nghề thiết kế quy hoạch xây dựng:
* Hạng II: Đã làm chủ nhiệm hoặc chủ trì thiết kế bộ môn chuyên ngành ít nhất 01 đồ án quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền và đã được ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt hoặc 02 đồ án quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền và đã được ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt.
* Hạng III: Đã tham gia thiết kế bộ môn chuyên ngành ít nhất trong 01 đồ án quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền và đã được ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt hoặc 02 đồ án quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền và đã được ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt.
1. Cá nhân hành nghề thiết kế xây dựng công trình:
* Hạng II: Đã làm chủ nhiệm hoặc chủ trì thiết kế, thẩm tra thiết kế phần việc thuộc lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề của ít nhất 01 công trình từ cấp II trở lên hoặc ít nhất 02 công trình từ cấp III trở lên hoặc đã tham gia thiết kế, thẩm tra thiết kế phần việc liên quan đến nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề của ít nhất 03 công trình từ cấp II trở lên cùng loại với công trình đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề.
* Hạng III: Đã tham gia thiết kế, thẩm tra thiết kế phần việc thuộc lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề của ít nhất 03 công trình từ cấp III trở lên hoặc 5 công trình từ cấp IV trở lên cùng loại với công trình đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề.
1. Cá nhân hành nghề giám sát thi công xây dựng:
* Hạng II: Đã làm giám sát trưởng hoặc chỉ huy trưởng công trường hoặc chủ trì thiết kế xây dựng phần việc thuộc lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề của ít nhất 01 công trình từ cấp II trở lên hoặc 02 công trình từ cấp III trở lên cùng loại với công trình đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề.
* Hạng III: Đã tham gia giám sát thi công xây dựng hoặc tham gia thiết kế xây dựng hoặc thi công xây dựng phần việc thuộc lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề của ít nhất 01 công trình từ cấp III trở lên hoặc 02 công trình từ cấp IV trở lên cùng loại với công trình đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề.
1. Cá nhân hành nghề định giá xây dựng:
* Hạng II: Đã chủ trì thực hiện một trong các công việc quản lý chi phí đầu tư xây dựng của ít nhất 01 dự án từ nhóm B hoặc 02 dự án từ nhóm C trở lên hoặc 01 công trình từ cấp II hoặc 02 công trình từ cấp III trở lên.
* Hạng III: Đã tham gia thực hiện một trong các công việc quản lý chi phí đầu tư xây dựng của ít nhất 01 dự án từ nhóm C hoặc 02 dự án có yêu cầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng trở lên hoặc 01 công trình từ cấp III trở lên hoặc 02 công trình từ cấp IV trở lên.
1. Cá nhân hành nghề quản lý dự án:
* Hạng II: Đã làm giám đốc quản lý dự án của 01 dự án từ nhóm B hoặc 2 dự án từ nhóm C cùng loại trở lên hoặc có một trong ba loại chứng chỉ hành nghề (thiết kế xây dựng hạng II; giám sát thi công xây dựng hạng II; định giá xây dựng hạng II) và đã tham gia quản lý dự án của ít nhất 01 dự án từ nhóm B hoặc 02 dự án từ nhóm C hoặc 03 dự án có yêu cầu lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật cùng loại trở lên.
* Hạng III: Đã tham gia quản lý dự án của ít nhất 01 dự án từ nhóm C cùng loại trở lên.
1. ***Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:***
* Luật Xây dựng năm 2014.
* Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đâu tư xây dựng.
* Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng.
* Nghị định số 100/2018/NĐ-CP ngày 16/7/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.
* Thông tư số 172/2016/TT-BTC ngàỵ 27/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng.

**PHỤ LỤC I**

BỔ SUNG VÀO NGHỊ ĐỊNH SỐ 59/2015/NĐ-CP NGÀY 18/6/2015 CỦA

CHÍNH PHỦ

*(Kèm theo Nghị định sổ 100/2018/NĐ-CP ngày 16/7/2018 của Chỉnh phủ)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

 *ngày* *tháng* *năm*

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH**

**NGHỀ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG**

Kính gửi: *(Tên cơ quan có thấm quyền)*

1. Họ và tên:
2. Ngày, tháng, năm sinh:
3. Quốc tịch:
4. Số Chứng minh thư nhân dân/Hộ chiếu/CCCD: ngày cấp: nơi cấp...
5. Địa chỉ thường trú:
6. Số điện thoại: Địa chỉ Email:
7. Đơn vị công tác:
8. Trình độ chuyên môn *(ghi rõ chuyên ngành, hệ đào tạo):*
9. Thời gian kinh nghiệm liên quan đến lĩnh vực đề nghị chuyển đổi chứng chỉ

hành nghề: năm.

1. Số chứng chỉ hành nghề đã được cấp (nếu có):

Số Chứng chỉ: ngày cấp nơi cấp:

Lĩnh vực hoạt động xây dựng:

1. Quá trình hoạt động chuyên môn trong xây dựng1:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Thời gian công tác(Từ tháng, năm đến tháng, năm) | Đơn vị công tác/ Hoạt động độc lập(Ghi rõ tên đơn vị, so điện thoại liên hệ) | Kê khai kinh nghiệm thực hiện công việc tiêu biểu | Ghi chú |
| 1 |  |  | 1. Tên Dư án/công trình: Nhóm dư án/cấp công trình: Loai công trình : Chức danh/Nội dung công việc thưc hiên:  |  |

**Đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng với nội dung như sau:**

Lĩnh vực hành nghề: Hạng:

* Cấp lần đầu, nâng hạng
* Cấp lại

Lý do đề nghị cấp lại chứng chỉ:

* Điều chỉnh, bố sung

Tôi xin chịu trách nhiệm về toàn bộ nội dung đơn này và cam kết hành nghề hoạt động xây dựng theo đúng nội dung ghi trong chứng chỉ được cấp và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan./.

**NGƯỜI LÀM ĐƠN**

*(Ký và ghi rõ họ, tên)*

1 Không yêu cầu kê khai trong trường hợp đề nghị cấp lại chứng chỉ do chức chỉ cũ hết hạn sử dựng/hư hỏng/bị mất.

**PIIỤ LỤC II**

BỔ SUNG VÀO NGHỊ ĐỊNH SỐ 59/2015/NĐ-CP NGÀY 18 THÁNG 6 NĂM 2015 CỦA CHÍNH PHỦ

*(Kèm theo Nghị định số 100/2018/NĐ-CP*

*ngày 16 thảng* 7 *năm 2018 của Chính phủ)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

 , *ngày* *tháng* *năm*

**TỜ KHAI**

**ĐĂNG KÝ SÁT HẠCH CẨP CHỨNG CHỈ**

**HÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG XÂY DƯNG**

**Kính gửi: *(Tên cơ quan có thẩm quyền)***

1. Họ và tên:
2. Ngày, tháng, năm sinh:
3. Quốc tịch:
4. Số Chứng minh thư nhân dân/Hộ chiếu/CCCD: ngày cấp: nơi

cấp

1. Địa chỉ thường trú:
2. Số điện thoại: Địa chỉ Email:
3. Đơn vị công tác *(Tên tổ chức, địa chỉ trụ sở):*
4. Trình độ chuyên môn *(ghi rỗ chuyên ngành, hệ đào tạo):*
5. Chứng chỉ hành nghề đã được cấp (nếu có):

Số Chứng chỉ: ngày cấp nơi cấp:

Lĩnh vực hoạt động xây dựng:

**Đăng ký sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng vói nội dung như sau:**

Lĩnh vực hành nghề: Hạng:

Địa điểm đăng ký sát hạch:

Tôi xin chịu trách nhiệm về tính chính xác của các nội dung kê khai nêu trên.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **NGƯỜI LÀM ĐƠN***(Ký và ghi rõ họ, tên)* |

**18. Điều chỉnh, bổ sung chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng của cá nhân hạng II, III.**

1. ***Trình tự thực hiện:***
* Cá nhân chuẩn bị 01 bộ hồ sơ điều chỉnh, bổ sung nội dung chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III với đầy đủ thành phần hồ sơ và đảm bảo chất lượng hồ sơ.
* Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Xây dựng thông báo một lần bằng văn bản tới cá nhân đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng trường hợp hồ sơ không đầy đủ hoặc không hợp lệ.
* Cơ quan có thẩm quyền cấp chứng chỉ hành nghề có trách nhiệm tổ chức sát hạch cho cá nhân đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề. Trường hợp cá nhân có nhu cầu đăng ký sát hạch trước khi nộp hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề thì gửi tờ khai đăng ký sát hạch theo mẫu tại Phụ lục II Nghị định này đến cơ quan có thẩm quyền cấp chứng chỉ hành nghề. Việc sát hạch được tiến hành định kỳ hàng tháng hoặc đột xuất do thủ trưởng cơ quan điều chỉnh, bổ sung chứng chỉ hành nghề quyết định.

 - Nội dung sát hạch bao gồm phần câu hỏi về kinh nghiệm nghề nghiệp và phần câu hỏi về kiến thức pháp luật. Trường hợp cá nhân có chứng chỉ hành nghề cấp theo quy định của Luật Xây dựng năm 2003 còn thời hạn sử dụng thì khi tham dự sát hạch được miễn nội dung về kiến thức chuyên môn đối với lĩnh vực hành nghề ghi trên chứng chỉ. Kết quả sát hạch được bảo lưu trong thời gian 6 tháng kể từ ngày sát hạch để làm căn cứ xét điều chỉnh, bổ sung chứng chỉ năng lực hành nghề.

* Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Xây dựng có trách nhiệm điều chỉnh, bổ sung chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng.
1. ***Cách thức thực hiện:***
* Gửi hồ sơ qua mạng trực tuyến hoặc qua đường Bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng tại Trung tâm hành chính công tỉnh.
1. ***Thành phần, số lượng hồ sơ:***
2. Thành phần hồ sơ:
* Đơn đề nghị cấp hành nghề năng lực theo mẫu tại Phụ lục I Nghị định số 100/2018/NĐ-CP.
* 02 ảnh màu cỡ 4 X 6 cm có nền màu trắng chân dung của người đề nghị được chụp trong thời gian không quá 06 tháng.
* Văn bằng do cơ sở đào tạo hợp pháp cấp phù hợp với loại, hạng chứng chỉ đề nghị cấp. Đối với văn bằng do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp, phải là bản được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định và phải có bản dịch sang Tiếng Việt được công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam.
* Các quyết định phân công công việc (giao nhiệm vụ) của tổ chức cho cá nhân hoặc văn bản xác nhận của đại diện theo pháp luật của chủ đầu tư về các công việc tiêu biểu mà cá nhân đã hoàn thành theo nội dung kê khai. Người ký xác nhận phải chịu trách nhiệm về sự trung thực của nội dung xác nhận. Trường hợp cá nhân hành nghề độc lập thì phải có họp đồng và biên bản nghiệm thu các công việc thực hiện tiêu biểu đã kê khai.
* Tờ khai đăng ký sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng theo mẫu tại Phụ lục II Nghị định số 100/2018/NĐ-CP.
* Kết quả sát hạch đạt yêu cầu trong trường hợp đã sát hạch trước ngày nộp hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề.
1. Số lượng hồ sơ: 01 bộ
2. **Thời hạn giải quyết:** 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
3. **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính**: Cá nhân hoạt động trong các lĩnh vực: Khảo sát xây dựng; thiết kế quy hoạch xây dựng; thiết kế xây dựng công trình; giám sát thi công xây dựng; định giá xây dựng; quản lý dự án.
4. **Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính**: Sở Xây dựng
5. **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính**: Chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III được sửa đổi, bổ sung.
6. ***Phí, Lệ phí:***
* 150.000 đồng/chứng chỉ.
* Chi phí sát hạch do Sở Xây dựng địa phương tổ chức: 450.000đ/lượt sát hạch, theo quy định tại Quyết định số 970/QĐ-BXD ngày 21/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.
1. ***Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:***
* Đơn đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III theo mẫu tại Phụ lục I Nghị định số 100/2018/NĐ-CP.
* Tờ khai đăng ký sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng theo mẫu tại Phụ lục I Nghị định số 100/2018/NĐ-CP.
1. *Yêu cầu, điều kiên thưc hiên thủ tục hành chính:*
2. Điều kiện chung đối với cá nhân xin cấp chứng chỉ hành nghề:
* Có đủ năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật; có giấy phép cư trú hoặc giấy phép lao động tại Việt Nam đối với người nước ngoài và người Việt Nam định cư ở nước ngoài.
* Có trình độ đại học thuộc chuyên ngành phù hợp, có thời gian kinh nghiệm tham gia công việc phù hợp với nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề từ 04 năm trở lên đối với chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II.
* Có trình độ chuyên môn phù hợp, có thời gian kinh nghiệm tham gia công việc phù hợp với nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề từ 02 năm trở lên đối với cá nhân có trình độ đại học; từ 03 năm trở lên đối với cá nhân có trình độ cao đẳng hoặc trung cấp đối với chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng III.
1. Điều kiện riêng đối với từng lĩnh vực đề nghị xin cấp chứng chỉ hành nghề:
2. Cá nhân hành nghề khảo sát xây dựng:
* Hạng II: Đã làm chủ nhiệm khảo sát xây dựng thuộc lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ ít nhất 01 dự án từ nhóm B trở lên hoặc 02 dự án từ nhóm C trở lên hoặc ít nhất 02 công trình từ cấp II trở lên hoặc 03 công trình từ cấp III trở lên.
* Hạng III: Đã tham gia khảo sát xây dựng thuộc lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ ít nhất 02 dự án từ nhóm C hoặc 02 dự án có yêu cầu lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật trở lên hoặc ít nhất 02 công trình từ cấp III trở lên hoặc 03 công trình từ cấp IV trở lên.
1. Cá nhân hành nghề thiết kế quy hoạch xây dựng:
* Hạng II: Đã làm chủ nhiệm hoặc chủ trì thiết kế bộ môn chuyên ngành ít nhất 01 đồ án quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền và đã được ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt hoặc 02 đồ án quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền và đã được ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt.
* Hạng III: Đã tham gia thiết kế bộ môn chuyên ngành ít nhất trong 01 đồ án quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền và đã được ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt hoặc 02 đồ án quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền và đã được ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt.
1. Cá nhân hành nghề thiết kế xây dựng công trình:
* Hạng II: Đã làm chủ nhiệm hoặc chủ trì thiết kế, thẩm tra thiết kế phần việc thuộc lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề của ít nhất 01 công trình từ cấp II trở lên hoặc ít nhất 02 công trình từ cấp III trở lên hoặc đã tham gia thiết kế, thẩm tra thiết kế phần việc liên quan đến nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề của ít nhất 03 công trình từ cấp II trở lên cùng loại với công trình đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề.
* Hạng III: Đã tham gia thiết kế, thẩm tra thiết kế phần việc thuộc lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề của ít nhất 03 công trình từ cấp III trở lên hoặc 5 công trình từ cấp IV trở lên cùng loại với công trình đề nghị cấp chứng chỉ hành nghê.
1. Cá nhân hành nghề giám sát thi công xây dựng:
* Hạng II: Đã làm giám sát trưởng hoặc chỉ huy trưởng công trường hoặc chủ trì thiết kế xây dựng phần việc thuộc lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề của ít nhất 01 công trình từ cấp II trở lên hoặc 02 công trình từ cấp III trở lên cùng loại với công trình đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề.
* Hạng III: Đã tham gia giám sát thi công xây dựng hoặc tham gia thiết kế xây dựng hoặc thi công xây dựng phần việc thuộc lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề của ít nhất 01 công trình từ cấp III trở lên hoặc 02 công trình từ cấp IV trở lên cùng loại với công trình đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề.
1. Cá nhân hành nghề định giá xây dựng:
* Hạng II: Đã chủ trì thực hiện một trong các công việc quản lý chi phí đầu tư xây dựng của ít nhất 01 dự án từ nhóm B hoặc 02 dự án từ nhóm C trở lên hoặc 01 công trình từ cấp II hoặc 02 công trình từ cấp III trở lên.
* Hạng III: Đã tham gia thực hiện một trong các công việc quản lý chi phí đầu tư xây dựng của ít nhất 01 dự án từ nhóm C hoặc 02 dự án có yêu cầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng trở lên hoặc 01 công trình từ cấp III trở lên hoặc 02 công trình từ cấp IV trở lên.
1. Cá nhân hành nghề quản lý dự án:
* Hạng II: Đã làm giám đốc quản lý dự án của 01 dự án từ nhóm B hoặc dự án từ nhóm C cùng loại trở lên hoặc có một trong ba loại chứng chỉ hành 2 nghề (thiết kế xây dựng hạng II; giám sát thi công xây dựng hạng II; định giá xây dựng hạng II) và đã tham gia quản lý dự án của ít nhất 01 dự án từ nhóm B hoặc 02 dự án từ nhóm C hoặc 03 dự án có yêu cầu lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật cùng loại trở lên.
* Hạng III: Đã tham gia quản lý dự án của ít nhất 01 dự án từ nhóm C cùng loại trở lên.
1. *Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:*
* Luật Xây dựng năm 2014.
* Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng.
* Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng.
* Nghị định số 100/2018/NĐ-CP ngày 16/7/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.
* Thông tư số 172/2016/TT-BTC ngàỵ 27/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng.

**PHỤ LỤC I**

BÔ SUNG VÀO NGHỊ ĐỊNH SỐ 59/2015/NĐ-CP NGÀY

 18/6/2015 CỦA CHÍNH PHỦ

*(Kèm theo Nghị định sổ 100/2018/NĐ-CP ngày 16/7/2018 của Chính phủ)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

 , *ngày* *tháng* *năm*

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH**

**NGHỀ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG**

Kính gửi: *(Tên cơ quan có thẩm quyền)*

1. Họ và tên:
2. Ngày, tháng, năm sinh:
3. Quốc tịch:
4. Số Chứng minh thư nhân dân/Hộ chiếu/CCCD: ngày cấp: nơi cấp...
5. Địa chỉ thường trú:
6. Số điện thoại: Địa chỉ Email:
7. Đơn vị công tác:
8. Trình độ chuyên môn *(ghi rõ chuyên ngành, hệ đào tạo):*
9. Thời gian kinh nghiệm liên quan đến lĩnh vực đề nghị chuyển đổi chứng chỉ

hành nghề: năm.

1. Số chứng chỉ hành nghề đã được cấp (nếu có):

Số Chứng chỉ: ngày cấp nơi cấp:

Lĩnh vực hoạt động xây dựng:

1. Quá trình hoạt động chuyên môn trong xây dựng1:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Thời gian công tác(Từ tháng, năm đến tháng, năm) | Đơn vị công tác/ Hoạt động độc lập(Ghi rõ tên đơn vị, số điện thoại liên hệ) | Kê khai kinh nghiêm thưc hiêncông việc tiêu biếu | Ghi chú |
| 1 |  |  | 1. Tên Dư án/công trình: Nhóm dư án/cấp công trình: Loai công trình : Chức danh/Nội dung công việc thực hiện |  |

**Đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng với nội dung như sau:**

Lĩnh vực hành nghề: Hạng:

* Cấp lần đầu, nâng hạng
* Cấp lại

Lý do đề nghị cấp lại chứng chỉ:

* Điều chỉnh, bổ sung

Tôi xin chịu trách nhiệm về toàn bộ nội dung đơn này và cam kết hành nghề hoạt động xây dựng theo đúng nội dung ghi trong chứng chỉ được cấp và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan./.

**NGƯỜI LÀM ĐƠN**

*(Ký và ghi rõ họ, tên)*

1 Không yêu cầu kê khai trong trường hợp đề nghị cấp lại chứng chỉ do chứng chỉ cũ hết hạn sử dụng/hư hỏng/bị mất

**PHỤ LỤC II**

**BỒ SUNG VÀO NGHỊ ĐỊNH SỐ 59/2015/NĐ-CP NGÀY**

 **18 THÁNG 6 NĂM 2015 CỦA CHÍNH PHỦ**

*(Kèm theo Nghị định sổ 100/2018/NĐ-CP*

*ngày 16 tháng* 7 *năm 2018 của Chính phủ)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

 , *ngày* *tháng* *năm*

**TỜ KHAI**

**ĐĂNG KÝ SÁT HẠCH CẤP CHỨNG CHỈ**

 **HÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG**

Kính gửi: *(Tên cơ quan có thẩm quyền)*

1. Họ và tên:
2. Ngày, tháng, năm sinh:

3.Quốc tịch:

4. Số Chứng minh thư nhân dân/Hộ chiếu/CCCD: ngày cấp:………..nơi cấp…

5.Địa chỉ thường trú:

6.Số điện thoại: Địa chỉ Email:

7.Đơn vị công tác *(Tên tổ chức, địa chỉ trụ sở):*

8.Trình độ chuyên môn *(ghi rõ chuyên ngành, hệ đào tạo):*

9.Chứng chỉ hành nghề đã được cấp (nếu có):

Số Chứng chỉ: ngày cấp nơi cấp:

Lĩnh vực hoạt động xây dựng:

**Đăng ký sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng vói nội dung như sau:**

Lĩnh vực hành nghề: Hạng:

Địa điểm đăng ký sát hạch:

Tôi xin chịu trách nhiệm về tính chính xác của các nội dung kê khai nêu trên.

**NGƯỜI LÀM ĐƠN**

*(Ký và ghi rõ họ, tên)*

**19. Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng của cá nhân hạng II, III (đối với trường hợp bị thu hồi quy định tại điểm b, c, d Khoản 2 Điều 44a Nghị định số 100/2018/NĐ-CP: do giả mạo giấy tờ trong hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề; cho thuê, cho mưọn, thuê, mượn hoặc cho người khác sử dụng chứng chỉ hành nghề; sửa chữa, tẩy xóa làm sai lệch nội dung chứng chỉ hành nghề)**

***1. Trình tự thực hiện:***

* Sau 12 tháng, kể từ ngày có quyết định thu hồi chứng chỉ hành nghề do giả mạo giấy tờ trong hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề; cho thuê, cho mượn, thuê, mượn hoặc cho người khác sử dụng chứng chỉ hành nghề; sửa chữa, tẩy xóa làm sai lệch nội dung chứng chỉ hành nghề, cá nhân đề nghị cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III cá nhân chuẩn bị 01 bộ hồ sơ với đầy đủ thành phần hồ sơ và đảm bảo chất lượng hồ sơ.
* Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Xây dựng thông báo một lần bằng văn bản tới cá nhân đề nghị cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng trường hợp hồ sơ không đầy đủ hoặc không hợp lệ.
* Cơ quan có thẩm quyền cấp chứng chỉ hành nghề có trách nhiệm tổ chức sát hạch cho cá nhân đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề. Trường hợp cá nhân có nhu cầu đăng ký sát hạch trước khi nộp hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề thì gửi tờ khai đăng ký sát hạch theo mẫu tại Phụ lục II Nghị định này đến cơ quan có thẩm quyền cấp chứng chỉ hành nghề. Việc sát hạch được tiến hành định kỳ hàng tháng hoặc đột xuất do thủ trưởng cơ quan điều chỉnh, bổ sung chứng chỉ hành nghề quyết định.
* Nội dung sát hạch bao gồm phần câu hỏi về kinh nghiệm nghề nghiệp và phần câu hỏi về kiến thức pháp luật. Trường hợp cá nhân có chứng chỉ hành nghề cấp theo quy định của Luật Xây dựng năm 2003 còn thời hạn sử dụng thì khi tham dự sát hạch được miễn nội dung về kiến thức chuyên môn đối với lĩnh vực hành nghề ghi trên chứng chỉ. Kết quả sát hạch được bảo lưu trong thời gian 5 tháng kể từ ngày sát hạch để làm căn cứ xét điều chỉnh, bổ sung chứng chỉ năng lực hành nghề.
* Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Xây dựng có trách nhiệm cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng.
1. ***Cách thức thực hiện:***
* Gửi hồ sơ qua mạng trực tuyến hoặc qua đường Bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng tại Trung tâm hành chính công tỉnh.
1. ***Thành phần*, *số lượng hồ sơ:***
2. Thành phần hồ sơ:
* Đơn đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng theo mẫu tại Phụ lục I Nghị định số 100/2018/NĐ-CP.
* 02 ảnh màu cỡ 4 X 6 cm có nền màu trắng chân dung của người đề nghị được chụp trong thời gian không quá 06 tháng.
* Văn bằng do cơ sở đào tạo hợp pháp cấp phù hợp với loại, hạng chứng chỉ đề nghị cấp. Đối với văn bằng do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp, phải là bản được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định và phải có bản dịch sang Tiếng Việt được công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam.
* Các quyết định phân công công việc (giao nhiệm vụ) của tổ chức cho cá nhân hoặc văn bản xác nhận của đại diện theo pháp luật của chủ đầu tư về các công việc tiêu biểu mà cá nhân đã hoàn thành theo nội dung kê khai. Người ký xác nhận phải chịu trách nhiệm về sự trung thực của nội dung xác nhận. Trường hợp cá nhân hành nghề độc lập thì phải có hợp đồng và biên bản nghiệm thu các công việc thực hiện tiêu biểu đã kê khai.
* Tờ khai đăng ký sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng theo mẫu tại Phụ lục II Nghị định số 100/2018/NĐ-CP.
* Kết quả sát hạch đạt yêu cầu trong trường hợp đã sát hạch trước ngày nộp hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề.

Lưu ý: Các văn bằng đào tạo, chứng chỉ hành nghề, quyết định phân công công việc nêu trên phải là bản sao có chứng thực hoặc tệp tin chứa ảnh màu chụp từ bản chính hoặc bản sao (xuất trình bản chính để đối chiếu).

1. Số lượng hồ sơ: 01 bộ
2. **Thời hạn giải quyết:** 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
3. **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cá nhân hoạt động trong các lĩnh vực: Khảo sát xây dựng; thiết kế quy hoạch xây dựng; thiết kế xây dựng công trình; giám sát thi công xây dựng; định giá xây dựng; quản lý dự án.
4. ***Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:*** Sở Xây dựng.
5. **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III.
6. ***Phí, Lệ phí:***
* 300.000 đồng/chứng chỉ.
* Chi phí sát hạch do Sở Xây dựng địa phương tổ chức: 450.000đ/lượt sát hạch, theo quy định tại Quyết định số 970/QĐ-BXD ngày 21/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.
1. ***Tên mẫu đơn***, ***mẫu tờ khai:***
* Đơn đề nghị cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng theo mẫu tại Phụ lục I Nghị định số 100/2018/NĐ-CP.
* Tờ khai đăng ký sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng theo mẫu tại Phụ lục I Nghị định số 100/2018/NĐ-CP.
1. ***Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:***
2. Điều kiện chung đối với cá nhân xin nâng cấp cấp chứng chỉ hành nghề:
* Có đủ năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật; có giấy phép cư trú hoặc giấy phép lao động tại Việt Nam đối với người nước ngoài và người Việt Nam định cư ở nước ngoài.
* Có trình độ đại học thuộc chuyên ngành phù hợp, có thời gian kinh nghiệm tham gia công việc phù hợp với nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề từ 07 năm trở lên.
1. Điều kiện riêng đối với từng lĩnh vực đề nghị xin nâng cấp chứng chỉ hành nghề:
2. Cá nhân hành nghề khảo sát xây dựng:
* Đã làm chủ nhiệm khảo sát xây dựng thuộc lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ ít nhất 01 dự án từ nhóm A hoặc 02 dự án từ nhóm B trở lên hoặc ít nhất 02 công trình từ cấp I trở lên hoặc 03 công trình từ cấp II trở lên.
1. Cá nhân hành nghề thiết kế quy hoạch xây dựng:
* Đã làm chủ nhiệm hoặc chủ trì thiết kế bộ môn chuyên ngành ít nhất 01 đồ án quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền và đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt hoặc 02 đồ án quy hoạch xây dựng (trong đó ít nhất 01 đồ án là quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện hoặc quy hoạch chung) thuộc thẩm quyền và đã được ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt.
1. Cá nhân hành nghề thiết kế xây dựng công trình:
* Đã làm chủ nhiệm hoặc chủ trì thiết kế, thẩm tra thiết kế phần việc thuộc lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề của ít nhất 01 công trình từ cấp I trở lên hoặc ít nhất 02 công trình từ cấp II trở lên.
1. Cá nhân hành nghề giám sát thi công xây dựng:
* Đã làm giám sát trưởng hoặc chỉ huy trưởng công trường hoặc chủ trì thiết kế xây dựng phần việc thuộc lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề của ít nhất 01 công trình từ cấp I trở lên hoặc 02 công trình từ cấp II trở lên cùng loại với công trình đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề.
1. Cá nhân hành nghề định giá xây dựng:
* Đã chủ trì thực hiện một trong các công việc quản lý chi phí đầu tư xây dựng của ít nhất 01 dự án từ nhóm A hoặc 02 dự án từ nhóm B trở lên hoặc 01 công trình từ cấp I hoặc 02 công trình từ cấp II trở lên.
1. Cá nhân hành nghề quản lý dự án:

 Đã làm giám đốc quản lý dự án của ít nhất 01 dự án từ nhóm A hoặc 02 dự án từ nhóm B cùng loại trở lên; hoặc có một trong ba loại chứng chỉ hành nghề (thiết kế xây dựng hạng I; giám sát thi công xây dựng hạng I; định giá xây dựng hạng I) và đã tham gia quản lý dự án của ít nhất 01 dự án từ nhóm A hoặc 2 dự án từ nhóm B cùng loại trở lên.

1. ***Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:***
* Luật Xây dựng năm 2014.
* Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng.
* Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng.
* Nghị định số 100/2018/NĐ-CP ngày 16/7/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.
* Thông tư số 172/2016/TT-BTC ngàỵ 27/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng.

**PHỤ LỤC I**

 *(Kèm theo Nghị định số 100/2018/NĐ-CP ngày 16/7/2018 của Chính phủ)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

 , *ngày* *tháng* *năm*

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP CHỨNG CHỈ**

**HÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG**

* • •

Kính gửi: *(Tên cơ quan cỏ thẩm quyền)*

1. Họ và tên:
2. Ngày, tháng, năm sinh:
3. Quốc tịch:
4. Sổ Chứng minh thư nhân dân/Hộ chiếu/CCCD: ngày cấp: nơi cấp...
5. Địa chỉ thường trú:
6. Số điện thoại: Địa chỉ Email:
7. Đơn vị công tác:
8. Trình độ chuyên môn *(ghi rõ chuyên ngành, hệ đào tạo):*
9. Thời gian kinh nghiệm liên quan đến lĩnh vực đề nghị chuyển đổi chứng chỉ

hành nghề: năm.

1. Số chứng chỉ hành nghề đã được cấp (nếu có):

Số Chứng chỉ: ngày cấp nơi cấp:

Lĩnh vực hoạt động xây dựng:

11.Quá trình hoạt động chuyên môn trong xây dựng1:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Thời gian công tác(Từ tháng, năm đến tháng, năm) | Đơn vị công tác/ Hoạt động độc lập(Ghi rõ tên đơn vị, số điện thoại liên hệ) | Kê khai kinh nghiệm thực hiện công việc tiêu biểu | Ghi chú |
| 1 |  |  | 1. Tên dư án/công trình: Nhóm dư án/cấp công trình: Loai công trình : Chức danh/Nội dung công việc thưc hiên: 2  |  |
| 2 |  |  |  |  |

**Đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng với nội dung như sau:**

Lĩnh vực hành nghề: Hạng:

* Cấp lần đầu, nâng hạng
* Cấp lại

Lý do đề nghị cấp lại chứng chỉ:

* Điều chỉnh, bổ sung

Tôi xin chịu trách nhiệm về toàn bộ nội dung đơn này và cam kết hành nghề hoạt động xây dựng theo đúng nội dung ghi trong chứng chỉ được cấp và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan./.

**NGƯỜI LÀM ĐƠN**

*(Ký và ghi rõ họ, tên)*

*1 Không yêu cầu kê khai trong trường hợp đề nghị cấp lại chứng chỉ do chứng chỉ cũ hêt hạn sử dụng/hư hỏng/bị mât.*

**PHỤ LỤC II**

BỔ SUNG VÀO NGHỊ ĐỊNH SỐ 59/2015/NĐ-CP NGÀY 18 THÁNG 6 NĂM 2015

CỦA CHÍNH PHỦ

*(Kèm theo Nghị định số 100/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng* 7 *năm 2018 của Chính phủ)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

 **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

 , *ngày* *tháng* *năm*

**TỜ KHAI**

**ĐĂNG KÝ SÁT HẠCH CẤP CHỨNG CHỈ**

 **HÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG**

Kính gửi: *(Tên cơ quan có thẩm quyền)*

1. Họ và tên:
2. Ngày, tháng, năm sinh:
3. Quốc tịch:
4. Số Chứng minh thư nhân dân/Hộ chiếu/CCCD: ngày cấp: nơi cấp…
5. Địa chỉ thường trú:
6. Số điện thoại: Địa chỉ Email:
7. Đơn vị công tác *(Tên tổ chức, địa chỉ trụ sở):*
8. Trình độ chuyên môn *(ghi rõ chuyên ngành, hệ đào tạo):*
9. Chứng chỉ hành nghề đã được cấp (nếu có):

Số Chứng chỉ: ngày cấp nơi cấp:

Lĩnh vực hoạt động xây dựng:

**Đăng ký sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng với nội dung như sau:**

Lĩnh vực hành nghề: Hạng:

Địa điểm đăng ký sát hạch:

Tôi xin chịu trách nhiệm về tính chính xác của các nội dung kê khai nêu trên.

**NGƯỜI LÀM ĐƠN**

*(Ký và ghi rõ họ, tên)*

**20.Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III (trường hợp chứng chỉ mất, hư hỏng, hết hạn)**

1. ***Trình tự thực hiện:***
* Cá nhân chuẩn bị 01 bộ hồ sơ cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II hạng III với đầy đủ thành phần hồ sơ và đảm bảo chất lượng hồ sơ.
* Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Xây dựng thông báo một lần bằng văn bản tới cá nhân đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng trường hợp hồ sơ không đầy đủ hoặc không hợp lệ.
* Đối với trường hợp cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III do hết hạn, cơ quan có thấm quyền cấp chứng chỉ hành nghề có trách nhiệm tổ chức sát hạch cho cá nhân đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề. Trường hợp cá nhân có nhu cầu đăng ký sát hạch trước khi nộp hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề thì gửi tờ khai đăng ký sát hạch theo mẫu tại Phụ lục II Nghị định này đến cơ quan có thẩm quyền cấp chứng chỉ hành nghề. Việc sát hạch được tiến hành định kỳ hàng tháng hoặc đột xuất do thủ trưởng cơ quan điều chỉnh, bổ sung chứng chỉ hành nghề quyết định.

 - Nội dung sát hạch bao gồm phần câu hỏi về kinh nghiệm nghề nghiệp và phần câu hỏi về kiến thức pháp luật. Trường hợp cá nhân có chứng chỉ hành nghề cấp theo quy định của Luật Xây dựng năm 2003 còn thời hạn sử dụng thì khi tham dự sát hạch được miễn nội dung về kiến thức chuyên môn đối với lĩnh vực hành nghề ghi trên chứng chỉ. Kết quả sát hạch được bảo lưu trong thời gian 5 tháng kể từ ngày sát hạch để làm căn cứ xét điều chỉnh, bổ sung chứng chỉ năng lực hành nghề.

* Trong thời hạn 5 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Xây dựng có trách nhiệm cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng.
1. ***Cách thức thực hiện:***
* Gửi hồ sơ qua mạng trực tuyến hoặc qua đường Bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng tại Trung tâm hành chính công tỉnh.
1. ***Thành phần, số lượng hồ sơ:***
2. Thành phần hồ sơ:
* Đơn đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng theo mẫu tại Phụ lục I Nghị định số 100/2018/NĐ-CP.
* 02 ảnh màu cỡ 4 X 6 cm có nền màu trắng chân dung của người đề nghị được chụp trong thời gian không quá 06 tháng.
* Bản sao có chứng thực hoặc tệp tin chứa ảnh màu chụp từ bản chính hoặc bản sao, xuất trình bản chính để đối chiếu chứng chỉ hành nghề đã được cấp, trường hợp bị mất chứng chỉ hành nghề thì phải có cam kết của người đề nghị cấp lại.
* Tờ khai đăng ký sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng theo mẫu tại Phụ lục II Nghị định số 100/2018/NĐ-CP đối với việc cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III do hết hạn.
1. Số lượng hồ sơ: 01 bộ
2. **Thời hạn giải quyết**: 5 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
3. **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính**: Cá nhân hoạt động trong các lĩnh vực: Khảo sát xây dựng; thiết kế quy hoạch xây dựng; thiết kế xây dựng công trình; giám sát thi công xây dựng; định giá xây dựng; quản lý dự án.
4. **Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính**: Sở Xây dựng.
5. **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính**: Chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III.
6. ***Phí, Lệ phí:***
* 150.000 đồng/chứng chỉ.
* Chi phí sát hạch do Sở Xây dựng địa phương tổ chức: 450.000đ/lượt sát hạch, theo quy định tại Quyết định số 970/QĐ-BXD ngày 21/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.
1. ***Tên mẫu đơn*, *mẫu tờ khai:***
* Đơn đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng theo mẫu tại Phụ lục I Nghị định số 100/2018/NĐ-CP.
* Tờ khai đăng ký sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng theo mẫu tại Phụ lục I Nghị định số 100/2018/NĐ-CP đối với việc cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III do hết hạn.
1. ***Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:***

Bản sao có chứng thực hoặc tệp tin chứa ảnh màu chụp từ bản chính hoặc bản sao, xuất trình bản chính để đối chiếu chứng chỉ hành nghề đã được cấp, trường hợp bị mất chứng chỉ hành nghề thì phải có cam kết của người đề nghị cấp lại.

1. ***Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:***
* Luật Xây dựng năm 2014.
* Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;
* Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng.
* Nghị định số 100/2018/NĐ-CP ngày 16/7/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đàu tư kinh doanh thuộc các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.
* Thông tư số 172/2016/TT-BTC ngày 27/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng.

**PHỤ LỤC I**

*(Kèm theo Nghị định sổ 100/2018/NĐ-CP ngày 16/7/2018 của Chính phủ)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

, *ngày tháng năm*…………

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHÊ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG**

Kính gửi: *(Tên cơ quan cỏ thấm quyền)*

1. Họ và tên:
2. Ngày, tháng, năm sinh:
3. Quốc tịch:
4. Số Chứng minh thư nhân dân/Hộ chiếu/CCCD: ngày cấp: nơi cấp...

5. Địa chỉ thường trú:

6. Số điện thoại: Địa chỉ Email:

7. Đơn vị công tác:

8. Trình độ chuyên môn *(ghi rõ chuyên ngành, hệ đào tạo):*

9. Thời gian kinh nghiệm liên quan đến lĩnh vực đề nghị chuyển đổi chứng chỉ

hành nghề: năm.

1. Số chứng chỉ hành nghề đã được cấp (nếu có):

Số Chứng chỉ: ngày cấp nơi cấp:

Lĩnh vực hoạt động xây dựng:

11.Quá trình hoạt động chuyên môn trong xây dựng1:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Thời gian công tác(Từ tháng, năm đến tháng, năm) | Đơn vị công tác/ Hoạt đông đôclập(Ghi rõ tên đơn vị, số điện thoại liên hệ) | Kê khai kinh nghiệm thực hiện công việc tiêu biểu | Ghi chú |
| 1 |  |  | 1. Tên Dư án/công trình: Nhóm dư án/cấp công trình: Loai công trình : Chức danh/Nội dung công việc thưc hiên: 2  |  |
| 2 |  |  |  |  |

**Đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng với nội dung như sau:**

Lĩnh vực hành nghề: Hạng:

* Cấp lần đầu, nâng hạng
* Cấp lại

Lý do đề nghị cấp lại chứng chỉ:

* Điều chỉnh, bổ sung

Tôi xin chịu trách nhiệm về toàn bộ nội dung đơn này và cam kết hành nghề hoạt động xây dựng theo đúng nội dung ghi trong chứng chỉ được cấp và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan./.

 **NGƯỜI LÀM ĐƠN**

 *(Ký và ghi rõ họ, tên)*

 *1 Không yêu cầu kê khai trong trường hợp đề nghị cấp lại chứng chỉ do chứng chỉ cũ hết hạn sử dụng/hư hỏng/bị mất*

**PHỤ LỤC II**

BỔ SUNG VÀO NGHỊ ĐỊNH SỐ 59/2015/NĐ-CP NGÀY 18

 THÁNG 6 NĂM 2015 CỦA CHÍNH PHỦ

*(Kèm theo Nghị định số 100/2018/NĐ-CP ngày*

 *16 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

 *ngày* *tháng* *năm*

**TỜ KHAI**

**ĐĂNG KÝ SÁT HẠCH CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG**

Kính gửi: *(Tên cơ quan cỏ thẩm quyền)*

1. Họ và tên:
2. Ngày, tháng, năm sinh:
3. Quốc tịch:
4. Số Chứng minh thư nhân dân/Hộ chiếu/CCCD: ngày cấp:… nơi cấp…..
5. Địa chỉ thường trú:
6. Số điện thoại: Địa chỉ Email:
7. Đơn vị công tác *(Tên tổ chức, địa chỉ trụ sở):*
8. Trình độ chuyên môn *(ghi rõ chuyên ngành, hệ đào tạo):*
9. Chứng chỉ hành nghề đã được cấp (nếu có):

Số Chứng chỉ: ngày cấp nơi cấp:

Lĩnh vực hoạt động xây dựng:

**Đăng ký sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng với nội dung như sau:**

Lĩnh vực hành nghề: Hạng:

Địa điểm đăng ký sát hạch:

Tôi xin chịu trách nhiệm về tính chính xác của các nội dung kê khai nêu trên.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **NGƯỜI LÀM ĐƠN***Kỷ và ghi rõ họ, tên)* |

1. **Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng của cá nhân hạng II, III do lỗi của cơ quan cấp**
2. ***Trình tự thực hiện:***
* Cá nhân đề nghị cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III bị thu hồi chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng do lỗi của cơ quan cấp có nhu cầu cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng, đơn đề nghị cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng của cá nhân hạng II, III và bản gốc chứng chỉ hành nghề cho cơ quan ra quyết định thu hồi chứng chỉ trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định thu hồi theo quy định gửi hồ sơ qua mạng trực tuyến hoặc qua đường Bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng tại Trung tâm hành chính công tỉnh
* Cơ quan có thẩm quyền thu hồi chứng chỉ hành nghề có trách nhiệm cấp lại chứng chỉ hành nghề trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận được chứng chỉ hành nghề bị thu hồi.
1. ***Cách thức thực hiện:***
* Gửi hồ sơ qua mạng trực tuyến hoặc qua đường Bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng tại Trung tâm hành chính công tỉnh.
1. ***Thành phần, số lượng hồ sơ:***
2. Thành phần hồ sơ:
* Đơn đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng theo mẫu tại Phụ lục I Nghị định số 100/2018/NĐ-CP;
* Bản gốc chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng của cá nhân hạng II, III.
1. Số lượng hồ sơ: 01 bộ
2. **Thời hạn giải quyết:** 05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
3. **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính**: Cá nhân hoạt động trong các lĩnh vực: Khảo sát xây dựng; thiết kế quy hoạch xây dựng; thiết kế xây dựng công trình; giám sát thi công xây dựng; định giá xây dựng; quản lý dự án.
4. **Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:** Sở Xây dựng.
5. **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III.
6. ***Phí, Lệ phí****:* Không có
7. ***Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:***
* Đơn đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng theo mẫu tại Phụ lục I Nghị định số 100/2018/NĐ-CP.
1. **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

- Có bản gốc chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng của cá nhân hạng II, III.

**12. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

* Luật Xây dựng năm 2014.
* Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;
* Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng.
* Nghị định số 100/2018/NĐ-CP ngày 16/7/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

**PHỤ LỤC**

*(Kèm theo Nghị định sổ 100/2018/NĐ-CP ngày 16/7/2018 của Chính phủ)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

 , *ngày* *tháng* *năm*

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP CHỨNG CHỈ**

**HÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG**

Kính gửi: *(Tên cơ quan cổ thấm quyền)*

1. Họ và tên:
2. Ngày, tháng, năm sinh:
3. Quốc tịch:
4. Số Chứng minh thư nhân dân/Hộ chiếu/CCCD: ngày cấp: nơi cấp...
5. Địa chỉ thường trú:
6. Số điện thoại: Địa chỉ Email:
7. Đơn vị công tác:
8. Trình độ chuyên môn *(ghi rõ chuyên ngành, hệ đào tạo):*
9. Thời gian kinh nghiệm liên quan đến lĩnh vực đề nghị chuyển đổi chứng chỉ hành nghề: năm.
10. Số chứng chỉ hành nghề đã được cấp (nếu có):

Số Chứng chỉ:………………….ngày cấp……………… nơi cấp……………

Lĩnh vực hoạt động xây dựng………………………………………………….

1. Quá trình hoạt động chuyên môn trong xây dựng1

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Thời gian công tác** *(Từ tháng, năm đến tháng, năm)* | **Đơn vị công tác/hoạt động độc lập** *(Ghi rõ tên đơn vị, số điện thoại liên hệ)* | **Kê khai kinh nghiệp thực hiện công việc tiêu biểu** | **Ghi chú** |
|  |  |  | Tên dự án/công trình……..Nhóm dự án/cấp công trình…….Loại công trình……Chức danh/nội dung công việc thực hiện…… |  |

**Đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng với nội dung như sau:**

Lĩnh vực hành nghề: Hạng:

* Cấp lần đầu, nâng hạng
* Cấp lại

Lý do đề nghị cấp lại chứng chỉ:

* Điều chỉnh, bổ sung

Tôi xin chịu trách nhiệm về toàn bộ nội dung đơn này và cam kết hành nghề hoạt động xây dựng theo đúng nội dung ghi trong chứng chỉ được cấp và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan./.

**NGƯỜI LÀM ĐƠN**

*(Ký và ghi rõ họ, tên)*

*1 Không yêu cầu kê khai trong trường hợp đề nghị cấp lại chứng chỉ do chứng chỉ cũ hết hạn sử dụng/hư hỏng/bị mất.*

**VI. LĨNH VỰC NHÀ Ở**

**22. Thủ tục thông báo nhà ở hình thành trong tương lai đủ điều kiện**
**được bán, thuê mua**

 ***1. Trình tự thực hiện:***

Chủ đầu tư phải có văn bản gửi Sở Xây dựng nơi có nhà ở kèm theo giấy
tờ chứng minh nhà ở có đủ điều kiện được bán, cho thuê mua theo quy định
tại Khoản 1 Điều 55 của Luật Kinh doanh bất động sản; trường hợp có thế chấp dự án đầu tư xây dựng hoặc thế chấp nhà ở sẽ bán, cho thuê mua thì chủ đầu tư phải gửi kèm theo giấy tờ chứng minh đã giải chấp hoặc biên bản thống nhất của bên mua, bên thuê mua nhà ở và bên nhận thế chấp về việc không phải giải chấp và được mua bán, thuê mua nhà ở đó; trường hợp không có thế chấp dự án hoặc thế chấp nhà ở sẽ bán, cho thuê mua thì chủ đầu tư phải ghi rõ cam kết chịu trách nhiệm trong văn bản gửi Sở Xây dựng.

Trong thời hạn 7 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị của chủ đầu
tư, Sở Xây dựng phải kiểm tra hồ sơ; nếu hồ sơ có đủ giấy tờ theo quy định thì Sở Xây dựng phải có văn bản thông báo nhà ở đủ điều kiện được bán, cho thuê mua gửi chủ đầu tư; nếu hồ sơ chưa có đủ giấy tờ theo quy định thì phải có văn bản nêu rõ lý do. Trường hợp chủ đầu tư đã gửi hồ sơ nhưng quá thời hạn quy định mà Sở Xây dựng không có văn bản thông báo và nhà ở đó đã đủ điều kiện được bán, cho thuê mua thì chủ đầu tư được quyền ký hợp đồng mua bán, cho thuê mua nhà ở hình thành trong tương lai nhưng phải chịu trách nhiệm về việc bán, cho thuê mua nhà ở này; Sở Xây dựng phải chịu trách nhiệm về việc thông báo hoặc không có văn bản thông báo nhà ở đủ điều kiện được bán, cho thuê mua sau khi nhận được hồ sơ đề nghị của chủ đầu tư.

***2.Cách thức thực hiện:***

* Gửi hồ sơ qua mạng trực tuyến hoặc qua đường Bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng tại Trung tâm hành chính công tỉnh.

***3. Thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ:***

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản gửi Sở Xây dựng đề nghị thông báo nhà ở đủ điều kiện bán, cho
thuê mua;

- Các giấy tờ chứng minh bao gồm:

+ Giấy tờ về quyền sử dụng đất, hồ sơ dự án, thiết kế bản vẽ thi công đã
được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Giấy phép xây dựng đối với trường hợp phải có Giấy phép xây dựng, giấy tờ về nghiệm thu việc hoàn thành xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật tương ứng theo tiến độ; trường hợp là nhà chung cư, tòa nhà hỗn hợp có mục đích để ở hình thành trong tương lai thì phải có biên bản nghiệm thu hoàn thàn xong phần móng của tòa nhà đó;

+ Trường hợp có thế chấp dự án đầu tư xây dựng hoặc thế chấp nhà ở sẽ
bán, cho thuê mua thì chủ đầu tư phải gửi kèm theo giấy tờ chứng minh đã giải chấp hoặc biên bản thống nhất của bên mua, bên thuê mua nhà ở và bên nhận thế chấp về việc không phải giải chấp và được mua bán, thuê mua nhà ở đó;

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

***4. Thời hạn giải quyết:*** 7 ngày, kể từ ngày Sở Xây dựng nhận đủ hồ sơ

của chủ đầu tư.

***5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:*** Chủ đầu tư

***6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:*** Sở Xây dựng

***7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:*** Văn bản thông báo nhà ở đủ
điều kiện bán, cho thuê mua

***8. Lệ phí:*** Không

***9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:*** không quy định

***10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:*** Không

***11.*** Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

***-***  Luật nhà ở năm 2014;

- Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật nhà ở.

**23. Thủ tục đề nghị UBND cấp tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư dự án xây dựng nhà ở theo quy định tại Khoản 5 Điều 9 của Nghị định**
**99/2015/NĐ-CP**
 ***1. Trình tự thực hiện:***

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị
chấp thuận chủ trương đầu tư, Sở Xây dựng có trách nhiệm gửi hồ sơ lấy ý
kiến của các cơ quan nhà nước có liên quan về dự án. Trong thời hạn 15 ngày,
kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan được lấy ý kiến phải có văn bản trả lời về những nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của mình liên quan đến dự án gửi Sở Xây dựng;

- Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị chấp thuận
chủ trương đầu tư, Sở Xây dựng có tờ trình gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để xin ý kiến Hội đồng nhân dân cùng cấp;

* Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được ý kiến đồng ý của Hội đồng nhân dân cùng cấp, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư dự án; trường hợp không chấp thuận chủ trương đầu tư thì phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do cho Sở Xây dựng và nhà đầu tư biết.

***2. Cách thức thực hiện:***

* Gửi hồ sơ qua mạng trực tuyến hoặc qua đường Bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng tại Trung tâm hành chính công tỉnh.

***3. Thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ:***

a) Thành phần hồ sơ:

- Hồ sơ pháp lý của đơn vị được giao làm chủ đầu tư, bao gồm giấy tờ
chứng minh chức năng kinh doanh bất động sản, tư cách pháp lý, giấy tờ chứng minh năng lực tài chính, kinh nghiệm của chủ đầu tư theo quy định của pháp luật; trường hợp chưa lựa chọn chủ đầu tư thì có báo cáo về hình thức lựa chọn chủ đầu tư và dự kiến điều kiện lựa chọn chủ đầu tư;

- Văn bản đề nghị chấp thuận chủ trương dự án xây dựng nhà ở, trong đó
nêu rõ cơ sở pháp lý đề nghị chấp thuận; các nội dung đề xuất chấp thuận quy
định tại Khoản 2 Điều 11 Nghị định 99/2015/NĐ-CP; lý do đề nghị chấp thuận và chứng minh sự phù hợp của nội dung dự án với chương trình kế hoạch phát triển nhà ở của địa phương đã được phê duyệt;

- Quyết định phê duyệt quy hoạch kèm theo bản vẽ quy hoạch chi tiết khu
vực có dự án đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

- Nội dung chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở của địa phương đã
được phê duyệt có liên quan đến việc triển khai thực hiện dự án cần chấp thuận chủ trương đầu tư.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

***4. Thời hạn giải quyết:*** 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư.

***5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:*** Nhà đầu tư dự án xây
dựng nhà ở

***6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:***

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp tỉnh

- Cơ quan thực hiện: Sở Xây dựng

***7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:*** Văn bản của Uỷ ban nhân
dân cấp tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư dự án xây dựng nhà ở.

***8. Lệ phí:*** Không

***9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:***

- Mẫu Tờ trình của Sở Xây dựng gửi Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh đề nghị
chấp thuận chủ trương đầu tư dự án xây dựng nhà ở theo phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng*;*

*-* Mẫu văn bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận chủ trương đầu
tư đối với dự án xây dựng nhà ở theo phụ lục số 05 ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng.

***10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:*** Không

***11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:***

- Luật Nhà ở năm 2014;

- Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định
chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở.

- Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây
dựng hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Luật Nhà ở và Nghị định số
99/2015/NĐ-CP.

**Mẫu Tờ trình của Sở Xây dựng gửi Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư dự án xây dựng nhà ở**

*Ban hành kèm theo Phụ lục số 02 thông tư số 19/2016/ -BXD*
*ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng)*

|  |  |
| --- | --- |
| **SỞ XÂY DỰNG**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_Số:........ | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***........, ngày ....... tháng ...... năm……* |

**TỜ TRÌNH**
***Đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư dự án xây dựng nhà ở***

Kính gửi: UBND tỉnh, thành phố ………..

Sở Xây dựng đã chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan lập hồ sơ dự án
nhà ở/đã thẩm định hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư dự án *tên dự*
*án)*…….…..số .......ngày....... tháng....... năm……của nhà đầu tư…. *phần này áp dụng đối với trường hợp đã có nhà đầu tư)……*...............

- Căn cứ Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở;

- Căn cứ Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Luật Nhà ở và Nghị định số 99/2015/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật Nhà ở;

- Căn cứ pháp lý khác có liên quan………

Trên cơ sở ý kiến góp ý của các cơ quan liên quan gồm... *tên các cơ quan*
*có ý kiến và số văn bản góp ý)*……....., Sở Xây dựng đã tổ chức thẩm định và
báo cáo kết quả như sau:

1. Tên dự án:

2. Tên nhà đầu tư *nếu có):*

3. Hình thức đầu tư:

4. Mục tiêu đầu tư:

5. Địa điểm xây dựng:

6. Quy mô dự án, diện tích sử dụng đất của dự án:

7. Ranh giới sử dụng đất:

8. Tính pháp lý của hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư:

9. Tóm tắt những nội dung chính như: mật độ xây dựng, hệ số sử dụng đất,
quy mô dân số

10. Tóm tắt ý kiến các cơ quan, đơn vị có liên quan (nếu có):

11. Nhận xét, đánh giá:

a) Sự cần thiết và mục tiêu đầu tư:

b) Sự phù hợp với quy hoạch phân khu (hoặc quy hoạch chi tiết nếu đã có
quy hoạch chi tiết) đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt:

c) Sự phù hợp với chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở của địa phương
và phù hợp với danh mục dự án đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt (nếu
có):

d) Tổng số nhà ở, tỷ lệ và số lượng của từng loại nhà ở:

đ) Phương án tiêu thụ sản phẩm (bán, cho thuê, cho thuê mua):

e) Khu vực để xe công cộng và để xe cho hộ gia đình, cá nhân:

g) Các công trình hạ tầng kỹ thuật của khu vực có dự án:

h) Các công trình hạ tầng xã hội, trong đó nêu rõ các công trình do Nhà
nước đầu tư và dự kiến thời hạn đầu tư các công trình này:

i) Diện tích đất dành để xây dựng nhà ở xã hội hoặc diện tích sàn xây dựng
nhà ở phải dành để làm nhà ở xã hội (nếu có):

k) Dự kiến tổng mức đầu tư của dự án:

l) Thời gian, tiến độ thực hiện (phân theo giai đoạn nếu có):

12. Những đề xuất ưu đãi của chủ đầu tư:

13. Trách nhiệm của nhà đầu tư đối với dự án:

14. Trách nhiệm của chính quyền địa phương đối với dự án:

15. Những kiến nghị cụ thể:

Đề nghị UBND tỉnh, thành phố………..xem xét, chấp thuận chủ trương
đầu tư dự án xây dựng nhà ở *tên dự án)…….../.*

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Nhà đầu tư (nếu có) ; | **SỞ XÂY DỰNG** |

**Mẫu văn bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án xây dựng nhà ở***(Ban hành kèm theo Phụ lục số 05 Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng)*

|  |  |
| --- | --- |
| **UBND tỉnh, thành phố****......................****-------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------------** |
| Số:........*Vv: chấp thuận chủ trương đầu tư dự án xây dựng nhà ở.* | *........, ngày....... tháng...... năm……* |

Kính gửi:..................

- Căn cứ Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở;

- Căn cứ Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Luật Nhà ở và Nghị định số 99/2015/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Nhà ở;

- Căn cứ ý kiến của Hội đồng nhân dân *trường hợp phải lấy ý kiến HĐND cùng cấp)*...................;

- Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số....ngày....tháng...năm.... đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư dự án *tên dự án)*..................................

UBND tỉnh, thành phố ……... chấp thuận chủ trương đầu tư xây dựng dự án *tên dự án)*....................với các nội dung sau đây:

1. Tên dự án:…………..

2. Hình thức đầu tư:

3. Mục tiêu đầu tư xây dựng:

4. Địa điểm xây dựng:

5. Quy mô dự án:

6. Diện tích sử dụng đất:

7. Ranh giới sử dụng đất:

8. Quy mô dân số:

9. Mật độ xây dựng:

10. Hệ số sử dụng đất:

11. Tỷ lệ và số lượng các loại nhà ở:

Tổng số lượng là:.......căn, tổng diện tích sàn xây dựng là:........ m2 và tỷ lệ các loại nhà ở trong dự án (bao gồm nhà ở riêng lẻ, nhà biệt thự, căn hộ chung cư), cụ thể như sau:..............................

12. Phương án tiêu thụ sản phẩm:

13. Khu vực để xe công cộng và để xe cho các hộ gia đình, cá nhân:

14. Các công trình hạ tầng kỹ thuật:

15. Các công trình hạ tầng xã hội, gồm:

a) Công trình hạ tầng xã hội do chủ đầu tư xây dựng:

b) Công trình hạ tầng xã hội do chính quyền chịu trách nhiệm xây dựng và dự kiến thời gian phải hoàn thành việc xây dựng:

16. Diện tích đất dành để xây dựng nhà ở xã hội hoặc diện tích sàn xây dựng nhà ở dành để làm nhà ở xã hội.........m2 (nếu có):

17. Thời gian và tiến độ thực hiện:

18. Ưu đãi của Nhà nước (nếu có):

19. Trách nhiệm của chủ đầu tư đối với dự án:

20. Trách nhiệm của chính quyền địa phương:

21. Những vấn đề liên quan khác:

Văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư này có hiệu lực trong............., kể từ ngày ký văn bản.

Đề nghị …………….. căn cứ vào nội dung của văn bản này để tổ chức triển khai thực hiện dự án theo đúng quy định của pháp luật./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Như trên;-........ | **TM. UBND..............****CHỦ TỊCH***(Ký tên, đóng dấu)* |

**24. Thủ tục đề nghị UBND cấp tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư dự án xây dựng nhà ở theo quy định tại Khoản 6 Điều 9 của Nghị định**
**99/2015/NĐ-CP.**

***1. Trình tự thực hiện:***

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị chấp
thuận chủ trương đầu tư, Sở Xây dựng có trách nhiệm gửi hồ sơ lấy ý kiến của các cơ quan nhà nước có liên quan về dự án. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ lấy ý kiến, cơ quan được lấy ý kiến phải có văn bản trả lời về những nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của mình liên quan đến dự án gửi Sở Xây dựng;

- Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị chấp thuận
chủ trương đầu tư, Sở Xây dựng có tờ trình kèm theo hồ sơ gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, chấp thuận chủ trương đầu tư dự án;

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được tờ trình kèm
theo hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư dự án của Sở Xây dựng, Ủy
ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư dự án; trường
hợp không chấp thuận chủ trương đầu tư thì phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do cho Sở Xây dựng và nhà đầu tư biết.

***2. Cách thức thực hiện:***

* Gửi hồ sơ qua mạng trực tuyến hoặc qua đường Bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng tại Trung tâm hành chính công tỉnh.

***3. Thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ:***

a) Thành phần hồ sơ:

- Hồ sơ pháp lý của đơn vị được giao làm chủ đầu tư, bao gồm giấy tờ
chứng minh chức năng kinh doanh bất động sản, tư cách pháp lý, giấy tờ chứng minh năng lực tài chính, kinh nghiệm của chủ đầu tư theo quy định của pháp luật; trường hợp chưa lựa chọn chủ đầu tư thì có báo cáo về hình thức lựa chọn chủ đầu tư và dự kiến điều kiện lựa chọn chủ đầu tư;

- Văn bản đề nghị chấp thuận chủ trương dự án xây dựng nhà ở, trong đó
nêu rõ cơ sở pháp lý đề nghị chấp thuận; các nội dung đề xuất chấp thuận quy
định tại Khoản 2 Điều 11 Nghị định 99; lý do đề nghị chấp thuận và chứng minh sự phù hợp của nội dung dự án với chương trình kế hoạch phát triển nhà ở của địa phương đã được phê duyệt;

- Quyết định phê duyệt quy hoạch kèm theo bản vẽ quy hoạch chi tiết khu
vực có dự án đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

- Nội dung chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở của địa phương đã
được phê duyệt có liên quan đến việc triển khai thực hiện dự án cần chấp thuận
chủ trương đầu tư.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

***4. Thời hạn giải quyết:*** 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị chấp
thuận chủ trương đầu tư.

***5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:*** Nhà đầu tư dự án xây
dựng nhà ở

***6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:***

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp tỉnh

- Cơ quan thực hiện: Sở Xây dựng

***7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:*** Văn bản của UBND cấp tỉnh
chấp thuận chủ trương đầu tư dự án xây dựng nhà ở.

***8. Lệ phí:*** Không

***9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:***

- Mẫu Tờ trình của Sở Xây dựng gửi Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh đề nghị
chấp thuận chủ trương đầu tư dự án xây dựng nhà ở theo phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng;

*-* Mẫu văn bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận chủ trương đầu
tư đối với dự án xây dựng nhà ở theo phụ lục số 05 ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng.

***10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:*** Không

***11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:***

- Luật Nhà ở năm 2014;

- Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định
chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở.

- Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây
dựng hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Luật Nhà ở và Nghị định số
99/2015/NĐ-CP.

**Mẫu Tờ trình của Sở Xây dựng gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư dự án xây dựng nhà ở***Ban hành kèm theo Phụ lục số 02 Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng)*

|  |  |
| --- | --- |
| **SỞ XÂY DỰNG-------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------------** |
| Số:........ | *........, ngày....... tháng...... năm……* |

**TỜ TRÌNH**

***Đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư dự án xây dựng nhà ở***

Kính gửi: UBND tỉnh, thành phố ………..

Sở Xây dựng đã chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan lập hồ sơ dự án nhà ở/đã thẩm định hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư dự án *(tên dự án)*…….…..số.......ngày....... tháng....... năm…… của nhà đầu tư…. (*phần này áp dụng đối với trường hợp đã có nhà đầu tư)……*...............

- Căn cứ Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở;

- Căn cứ Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Luật Nhà ở và Nghị định số 99/2015/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở;

- Căn cứ pháp lý khác có liên quan………………….

Trên cơ sở ý kiến góp ý của các cơ quan liên quan gồm... *(tên các cơ quan có ý kiến và số văn bản góp ý)*……....., Sở Xây dựng đã tổ chức thẩm định và báo cáo kết quả như sau:

1. Tên dự án:

2. Tên nhà đầu tư *(nếu có):*

3. Hình thức đầu tư:

4. Mục tiêu đầu tư:

5. Địa điểm xây dựng:

6. Quy mô dự án, diện tích sử dụng đất của dự án:

7. Ranh giới sử dụng đất:

8. Tính pháp lý của hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư:

9. Tóm tắt những nội dung chính như: mật độ xây dựng, hệ số sử dụng đất, quy mô dân số….

10. Tóm tắt ý kiến các cơ quan, đơn vị có liên quan (nếu có):

11. Nhận xét, đánh giá:

a) Sự cần thiết và mục tiêu đầu tư:

b) Sự phù hợp với quy hoạch phân khu (hoặc quy hoạch chi tiết nếu đã có quy hoạch chi tiết) đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt:

c) Sự phù hợp với chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở của địa phương và phù hợp với danh mục dự án đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt (nếu có):

d) Tổng số nhà ở, tỷ lệ và số lượng của từng loại nhà ở:

đ) Phương án tiêu thụ sản phẩm (bán, cho thuê, cho thuê mua):

e) Khu vực để xe công cộng và để xe cho hộ gia đình, cá nhân:

g) Các công trình hạ tầng kỹ thuật của khu vực có dự án:

h) Các công trình hạ tầng xã hội, trong đó nêu rõ các công trình do Nhà nước đầu tư và dự kiến thời hạn đầu tư các công trình này:

i) Diện tích đất dành để xây dựng nhà ở xã hội hoặc diện tích sàn xây dựng nhà ở phải dành để làm nhà ở xã hội (nếu có):

k) Dự kiến tổng mức đầu tư của dự án:

l) Thời gian, tiến độ thực hiện (phân theo giai đoạn nếu có):

12. Những đề xuất ưu đãi của chủ đầu tư:

13. Trách nhiệm của nhà đầu tư đối với dự án:

14. Trách nhiệm của chính quyền địa phương đối với dự án:

15. Những kiến nghị cụ thể:

Đề nghị UBND tỉnh, thành phố………..xem xét, chấp thuận chủ trương đầu tư dự án xây dựng nhà ở *tên dự án)…….../.*

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Nhà đầu tư (nếu có);-…...... | **GIÁM ĐỐC SỞ XÂY DỰNG***(Ký tên, đóng dấu)* |

**Mẫu văn bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án xây dựng nhà ở**

*Ban hành kèm theo Phụ lục số 05 thông tư số 19/2016/ -BXD*
*ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng)*

|  |  |
| --- | --- |
| **UBND tỉnh, thành phố****......................** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *ngày ....... tháng ...... năm……* |
| Số:........ |
| *Vv: chấp thuận chủ trương**đầu tư dự án xây dựng nhà ở* |

Kính gửi: ..................

- Căn cứ Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của
Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở;

- Căn cứ Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ
Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Luật Nhà ở và Nghị định số 99/2015/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Nhà ở;

- Căn cứ ý kiến của Hội đồng nhân dân *trường hợp phải lấy ý kiến HĐND*
*cùng cấp)*................... ;

- Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số....ngày....tháng...năm.... đề
nghị chấp thuận chủ trương đầu tư dự án *tên dự án)*..................................
UBND tỉnh, thành phố ……... chấp thuận chủ trương đầu tư xây dựng dự
án *tên dự án)*....................với các nội dung sau đây:

1. Tên dự án:…………..

2. Hình thức đầu tư:

3. Mục tiêu đầu tư xây dựng:

4. Địa điểm xây dựng:

5. Quy mô dự án:

6. Diện tích sử dụng đất:

7. Ranh giới sử dụng đất:

8. Quy mô dân số:

9. Mật độ xây dựng:

10. Hệ số sử dụng đất:

11. Tỷ lệ và số lượng các loại nhà ở:

Tổng số lượng là:.......căn, tổng diện tích sàn xây dựng là:........ m2 và tỷ lệ các loại nhà ở trong dự án (bao gồm nhà ở riêng lẻ, nhà biệt thự, căn hộ chung cư), cụ thể như sau:..............................

12. Phương án tiêu thụ sản phẩm:

13. Khu vực để xe công cộng và để xe cho các hộ gia đình, cá nhân:

14. Các công trình hạ tầng kỹ thuật:

15. Các công trình hạ tầng xã hội, gồm:

a) Công trình hạ tầng xã hội do chủ đầu tư xây dựng:

b) Công trình hạ tầng xã hội do chính quyền chịu trách nhiệm xây dựng và
dự kiến thời gian phải hoàn thành việc xây dựng:

16. Diện tích đất dành để xây dựng nhà ở xã hội hoặc diện tích sàn xây
dựng nhà ở dành để làm nhà ở xã hội.........m2 (nếu có):

17. Thời gian và tiến độ thực hiện:

18. Ưu đãi của Nhà nước (nếu có):

19. Trách nhiệm của chủ đầu tư đối với dự án:

20. Trách nhiệm của chính quyền địa phương:

21. Những vấn đề liên quan khác:

Văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư này có hiệu lực trong............., kể từ
ngày ký văn bản.

Đề nghị …………….. căn cứ vào nội dung của văn bản này để tổ chức
triển khai thực hiện dự án theo đúng quy định của pháp luật./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơinhận:***- Như trên; | **TM.UBND..............****CHỦ TỊCH** |

**25. Thủ tục lựa chọn chủ đầu tư dự án xây dựng nhà ở thương mại đối**
**với trường hợp chỉ định chủ đầu tư quy định tại Khoản 2 Điều 18 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP**

***1. Trình tự thực hiện:***

* Chủ đầu tư chuẩn bị 01 bộ hồ sơ lựa chọn chủ đầu tư dự án xây dựng nhà ở thương mại đối với trường hợp chỉ định chủ đầu tư quy định tại Khoản 2 Điều 18 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP với đầy đủ thành phần hồ sơ và đảm bảo chất lượng hồ sơ.

- Sau khi tiếp nhận hồ sơ, Sở Xây dựng tổ chức họp Tổ chuyên gia để xem xét, đánh giá năng lực của nhà đầu tư; nếu nhà đầu tư đủ điều kiện làm chủ đầu tư dự án thì Sở Xây dựng có văn bản kèm theo biên bản họp Tổ chuyên gia và hồ sơ pháp lý của nhà đầu tư gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để công nhận nhà đầu tư làm chủ đầu tư dự án theo mẫu hướng dẫn tham khảo tại phụ lục số 06 ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BXD; nếu nhà đầu tư không đủ điều kiện làm chủ đầu tư dự án thì Sở Xây dựng có văn bản thông báo để nhà đầu tư biết rõ lý do.

***2. Cách thức thực hiện:***

* Gửi hồ sơ qua mạng trực tuyến hoặc qua đường Bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng tại Trung tâm hành chính công tỉnh.

***3. Thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ:***

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đăng ký làm chủ đầu tư dự án của nhà đầu tư, bao gồm các nội
dung: tên, địa chỉ nhà đầu tư, các đề xuất của nhà đầu tư, dự kiến tiến độ thực
hiện dự án;

- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm xuất trình bản chính để đối
chiếu nhận Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư kèm theo giấy tờ chứng minh có đủ số vốn được hoạt động kinh doanh bất động sản (vốn điều lệ) theo quy định của pháp luật về kinh doanh bất động sản;

- Giấy tờ chứng minh năng lực tài chính của chủ đầu tư áp dụng như quy
định tại điểm d khoản 2 Điều 12 của Nghị định số 76/2015/NĐ-CP ngày 10
tháng 9 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Kinh doanh bất động sản.

- Giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất ở hợp pháp theo quy định của
pháp luật về đất đai.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

***4. Thời hạn giải quyết:*** 10 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đăng ký
làm chủ đầu tư.

***5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:*** nhà đầu tư xây dựng dự án
nhà ở thương mại

***6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:***

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp tỉnh

- Cơ quan thực hiện: Sở Xây dựng

***7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:*** Văn bản công nhận chủ đầu
tư dự án xây dựng nhà ở

***8. Lệ phí:*** Không

***9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:***

- Mẫu văn bản công nhận chủ đầu tư dự án xây dựng nhà ở theo Phụ lục
số 06 ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BXD.

***10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:*** Không

***11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:***

- Luật Nhà ở năm 2014;

- Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định
chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở.

- Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây
dựng hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Luật Nhà ở và Nghị định số
99/2015/NĐ-CP.

**Mẫu văn bản công nhận chủ đầu tư dự án xây dựng nhà ở**
*Ban hành kèm theo Phụ lục số 06 thông tư số 19/2016/ -BXD*
*ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng)*

|  |  |
| --- | --- |
| **UBND tỉnh, thành phố****......................**Số:........ | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***........, ngày ....... tháng ...... năm……* |
| *Vv: chứng nhận chủ đầu tư.* |  |

Kính gửi: *..................*

- Căn cứ Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của
Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở;

- Căn cứ Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ
Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Luật Nhà ở và Nghị định số 99/2015/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Nhà ở;

- Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại văn bản số............hoặc đề nghị của cơ
quan phê duyệt kết quả đấu giá (đối với trường hợp cơ quan phê duyệt kết quả
đấu giá không phải là UBND cấp tỉnh) kèm theo hồ sơ đề nghị công nhận chủ
đầu tư xây dựng nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở.

UBND tỉnh, thành phố .......……... công nhận *tên nhà đầu*
*tư)......................*được làm chủ đầu tư dự án *tên dự án)*........

Văn bản công nhận này có hiệu lực trong ....., kể từ ngày ký văn bản. Quá
thời hạn này mà chủ đầu tư không triển khai thực hiện dự án thì thực hiện xử lý theo quy định của pháp luật về nhà ở và pháp luật liên quan.

Đề nghị …………………… (*ghi tên nhà đầu tư được c ng nhận làm chủ*
*đầu tư dự án*) tổ chức triển khai thực hiện dự án theo đúng quy định của pháp
luật về nhà ở và pháp luật có liên quan./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Như trên;- Sở Xây dựng;- Lưu.... | **TM. UBND..............****CHỦ TỊCH***(Ký tên, đóng dấu)* |

**26. Thủ tục thẩm định giá bán, thuê mua, thuê nhà ở xã hội được đầu tư xây dựng theo dự án bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước trên phạm vi địa bàn tỉnh.**

***1. Trình tự thực hiện:***

- Chủ đầu tư xây dựng giá bán, giá cho thuê, giá cho thuê mua nhà ở xã
hội do mình đầu tư xây dựng để trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có dự án tổ chức thẩm định. Trường hợp chủ đầu tư đã hoàn thành xong việc xây dựng nhà ở xã hội và đã được kiểm toán về chi phí của dự án theo quy định thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thể căn cứ vào báo cáo kiểm toán để thẩm định giá bán, giá cho thuê, giá cho thuê mua nhà ở xã hội của dự án.

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao Sở Xây dựng hoặc cơ quan có chức năng
thẩm định giá của địa phương thực hiện việc thẩm định giá bán, giá cho thuê, giá cho thuê mua nhà ở xã hội do chủ đầu tư đề nghị.

- Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ đề nghị
thẩm định giá của chủ đầu tư, cơ quan được giao thẩm định giá có trách nhiệm tổ chức thẩm định và có văn bản thông báo kết quả thẩm định cho chủ đầu tư, trong đó nêu rõ các nội dung đồng ý và nội dung cần chỉnh sửa (nếu có).

- Căn cứ văn bản thông báo kết quả thẩm định, chủ đầu tư ban hành giá
bán, giá cho thuê, giá cho thuê mua nhà ở xã hội của dự án trên nguyên tắc
không được cao hơn giá đã được thẩm định.

***2. Cách thức thực hiện:***

* Gửi hồ sơ qua mạng trực tuyến hoặc qua đường Bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng tại Trung tâm hành chính công tỉnh.

***3. Thành phần, số lượng hồ sơ:***

a) Thành phần hồ sơ:

Tham khảo hồ sơ thẩm định giá theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của
Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá, bao gồm:

- Công văn đề nghị định giá, điều chỉnh giá;

- Phương án giá;

- Văn bản tổng hợp ý kiến tham gia của các cơ quan liên quan, đính kèm
bản sao ý kiến của các cơ quan theo quy định (nếu có);

- Văn bản thẩm định phương án giá của các cơ quan có chức năng thẩm
định theo quy định;

- Các tài liệu khác có liên quan.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

***4. Thời hạn giải quyết:*** Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ
sơ hợp lệ.

***5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:*** Chủ đầu tư dự án xây
dựng nhà ở xã hội.

***6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:***

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp tỉnh.

- Cơ quan thực hiện: Sở Xây dựng.

***7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:*** văn bản thông báo kết quả
thẩm định.

***8. Phí, lệ phí:*** Không có

***9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:*** Không có

***10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:*** Không

***11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:***

- Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ về phát
triển và quản lý nhà ở xã hội.

- Thông tư số 20/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng
dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày
20/10/2015 của Chính phủ về phát triển và quản lý nhà ở xã hội.

**27. Thủ tục thuê nhà ở công vụ thuộc thẩm quyền quản lý của UBND**
**cấp tỉnh**

***1. Trình tự thực hiện***

- Cán bộ thuộc đối tượng được thuê nhà ở công vụ đề nghị cơ quan, tổ chức
đang trực tiếp quản lý gửi 01 bộ hồ sơ thuê nhà ở công vụ đến cơ quan đại diện chủ sở hữu nhà ở công vụ.

- Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được đơn đề nghị thuê nhà ở
công vụ, cơ quan, tổ chức đang trực tiếp quản lý người có nhu cầu thuê nhà ở công vụ kiểm tra và có văn bản gửi cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định cho thuê nhà ở công vụ theo quy định như sau:

Đối với nhà ở công vụ do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý thì cơ quan, tổ
chức đang quản lý người đề nghị thuê nhà ở công vụ đăng ký thuê nhà ở công vụ với Sở Xây dựng; đối với quỹ nhà ở công vụ mà Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao cho Ủy ban nhân dân huyện, thành phố (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện, thành phố) quản lý thì đăng ký thuê nhà ở công vụ với Phòng có chức năng quản lý nhà của Ủy ban nhân dân cấp huyện, thành phố.

- Căn cứ quỹ nhà ở công vụ hiện có và tiêu chuẩn nhà ở công vụ, trong thời
hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của cơ quan, tổ chức đang trực tiếp quản lý người có nhu cầu thuê nhà ở công vụ, cơ quan có thẩm quyền quyết định cho thuê nhà ở công vụ có trách nhiệm kiểm tra, nếu đủ điều kiện cho thuê nhà ở công vụ thì ban hành quyết định cho thuê nhà ở công vụ; trường hợp không đủ điều kiện thì phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định cho thuê nhà ở công vụ gửi Quyết
định bố trí cho thuê nhà ở công vụ cho đơn vị quản lý vận hành nhà ở công vụ, cơ quan đang trực tiếp quản lý người thuê và người được thuê nhà ở công vụ (mỗi nơi 01 bản) để phối hợp trong việc quản lý, bố trí cho thuê nhà ở công vụ.

- Giá cho thuê nhà, thời hạn thuê ở công vụ thực hiện theo Điều 9 và Điều 11 Thông tư số 09/2015/TT-BXD.

- Căn cứ quyết định bố trí cho thuê nhà ở công vụ của cơ quan đại diện chủ
sở hữu, cơ quan quản lý nhà ở công vụ có văn bản (kèm theo danh sách người được bố trí thuê nhà ở) đề nghị đơn vị quản lý vận hành ký kết hợp đồng thuê nhà ở công vụ trực tiếp với người thuê theo quy định sau:

+ Hai Bên trực tiếp trao đổi và ký kết hợp đồng thuê nhà ở công vụ trong
thời hạn 10 ngày, kể từ ngày quyết định có hiệu lực thi hành.

+ Đơn vị quản lý vận hành nhà ở công vụ có trách nhiệm gửi Hợp đồng đã
được hai bên ký kết cho cơ quan quản lý nhà ở công vụ và cơ quan quản lý người thuê, mỗi đơn vị 01 bản chính.

***2.Cách thức thực hiện:***

* Gửi hồ sơ qua mạng trực tuyến hoặc qua đường Bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng tại Trung tâm hành chính công tỉnh.

***3. Thành phần, số lượng hồ sơ:***

a) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đăng ký thuê nhà ở công vụ của cơ quan, tổ chức đang trực tiếp
quản lý người có nhu cầu thuê nhà ở công vụ;

- Đơn đề nghị thuê nhà ở công vụ đã có xác nhận của cơ quan đang trực
tiếp quản lý cán bộ, công chức về thực trạng nhà ở

- Bản sao quyết định bổ nhiệm, điều động, luân chuyển công tác có xác
nhận của cơ quan ra quyết định hoặc cơ quan đang trực tiếp quản lý cán bộ,
công chức.

-

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

***4. Thời hạn giải quyết:*** 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản
đề nghị của cơ quan, tổ chức đang trực tiếp quản lý người thuê nhà ở công vụ.

***5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:***

Cán bộ công chức thuộc diện được ở nhà công vụ của UBND cấp tỉnh.

***6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:***

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp tỉnh;

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Cơ quan quản lý nhà ở công vụ (Sở Xây
dựng); đơn vị quản lý vận hành nhà ở công vụ;

- Cơ quan phối hợp: Cơ quan, tổ chức đang trực tiếp quản lý người có nhu
cầu thuê nhà ở công vụ.

***7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:*** Quyết định bố trí cho thuê nhà
ở công vụ.

***8. Phí:*** không

***9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:***

Đơn đề nghị thuê nhà ở công vụ quy định tại Phụ lục số 01 Thông tư số
09/2015/TT-BXD ngày 29/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn
quản lý sử dụng nhà ở công vụ.

***10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:***

Cán bộ thuê nhà ở công vụ phải chưa có nhà ở thuộc sở hữu của mình và
chưa được thuê, thuê mua hoặc mua nhà ở xã hội tại nơi đến công tác hoặc đã có nhà ở thuộc sở hữu của mình tại nơi đến công tác nhưng diện tích nhà ở bình quân trong hộ gia đình dưới 15m2/người.

***11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:***

- Căn cứ Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ
quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở;

- Thông tư số 09/2015/TT-BXD ngày 29/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Xây
dựng hướng dẫn quản lý sử dụng nhà ở công vụ. (Điều 9 Khoản 3)

**Mẫu Đơn đề nghị thuê nhà ở công vụ***(Ban hành kèm theo Phụ lục số 01 Thông tư số 09/2015/TT- BXD ngày 29/12/2015 của Bộ Xây dựng)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
-------------**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ THUÊ NHÀ Ở CÔNG VỤ**

Kính gửi: Bộ Xây dựng

Tên tôi là:......................................................................................................

Năm sinh.........................Quê quán..............................................................

CMND số........................cấp ngày......./........./.............tại …………...........

Chỗ ở hiện nay:…………………………………………………………….

Đang ở thuê □ Đang ở nhà khách □ Đang ở nhờ □

Hiện đang công tác tại:..................................................................................

Chức vụ:..................................................; phụ cấp chức vụ:......................

Điện thoại:................................Email...........................................................

Hiện nay tôi chưa có nhà ở (chưa có nhà ở thuộc sở hữu của mình, chưa được mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội) tại nơi đến công tác.

Tôi làm đơn này đề nghị cơ quan....... xem xét cho tôi được thuê nhà ở công vụ và cam đoan chấp hành đầy đủ các quy định của Nhà nước về thuê, sử dụng nhà ở công vụ (Số thành viên trong gia đình ở cùng là:............người).

Kèm theo đơn này là bản sao Quyết định số....... ngày....../..../.... của.................. về việc bổ nhiệm hoặc/và điều động, luân chuyển công tác.

Tôi cam đoan những lời khai trong đơn là đúng sự thực và chịu trách nhiệm về những lời khai của mình trước pháp luật./.

|  |  |
| --- | --- |
| **Xác nhận của cơ quan quản lý người đề nghị thuê nhà ở công vụ***(về thực trạng nhà ở tại địa phương nơi đến công tác)* | *........., ngày...... tháng......năm…***Người làm đơn***(Ký và ghi rõ họ tên)* |

**28. Thủ tục cho thuê, thuê mua nhà ở xã hội thuộc sở hữu nhà nước**

***1. Trình tự thực hiện:***

- Người có nhu cầu thuê, thuê mua nhà ở xã hội thuộc sở hữu nhà nước
nộp 02 bộ hồ sơ tại đơn vị được giao quản lý vận hành nhà ở hoặc gửi hồ sơ qua mạng trực tuyến hoặc qua đường Bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng tại Trung tâm hành chính công tỉnh.

- Cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm kiểm tra và phân loại hồ sơ; nếu
hồ sơ không có đủ các giấy tờ theo quy định thì phải trả lời ngay để người nộp
đơn bổ sung giấy tờ. Trường hợp đơn vị quản lý vận hành nhà ở tiếp nhận hồ sơ thì sau khi kiểm tra và phân loại hồ sơ, đơn vị này phải có báo cáo danh sách người đủ điều kiện thuê, thuê mua nhà ở kèm theo hồ sơ hợp lệ gửi Sở Xây dựng xem xét, kiểm tra.

- Trên cơ sở danh sách người đủ điều kiện thuê, thuê mua nhà ở kèm theo
hồ sơ hợp lệ, Sở Xây dựng trực tiếp xét duyệt hoặc thành lập Hội đồng xét
duyệt hồ sơ để thực hiện xét duyệt từng hồ sơ đăng ký, xác định đối tượng đủ
điều kiện hoặc chấm điểm xét chọn đối tượng ưu tiên (nếu có).

- Trường hợp đủ điều kiện hoặc được ưu tiên xét duyệt thuê, thuê mua nhà
ở thì Sở Xây dựng có tờ trình kèm theo danh sách và biên bản xét duyệt hoặc
biên bản chấm điểm báo cáo UBND cấp tỉnh quyết định; trường hợp không đủ điều kiện hoặc chưa được xét duyệt thì Sở Xây dựng có văn bản thông báo cho đơn vị quản lý vận hành nhà ở để trả lời cho người nộp đơn biết.

- Trên cơ sở báo cáo của Sở Xây dựng, UBND cấp tỉnh xem xét, ban hành
quyết định phê duyệt danh sách người được thuê, thuê mua nhà ở và gửi quyết
định này cho Sở Xây dựng để ký hợp đồng thuê mua với người được thuê mua hoặc gửi cho đơn vị quản lý vận hành nhà ở để ký hợp đồng thuê nhà với người được thuê nhà ở.

***2. Cách thức thực hiện:***

* Gửi hồ sơ qua mạng trực tuyến hoặc qua đường Bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng tại Trung tâm hành chính công tỉnh.

***3. Thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ:***

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đăng ký thuê, thuê mua nhà ở xã hội thuộc sở hữu nhà nước;

- Giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng và có đủ điều kiện về nhà ở, cư trú,
thu nhập;

- Giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng được miễn, giảm tiền thuê nhà ở
xã hội (nếu có).

- Tham khảo thêm Điều 14, 15, 16 Thông tư số 19/2016/TT-BXD.

b) Số lượng hồ sơ: 02 bộ (01 bộ lưu tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ và 01 bộ
chuyển cho Sở Xây dựng (nếu đơn vị quản lý vận hành là cơ quan tiếp nhận hồ sơ) hoặc 01 bộ chuyển cho đơn vị quản lý vận hành (nếu Sở Xây dựng là cơ quan tiếp nhận hồ sơ).

***4. Thời hạn giải quyết:*** Không quá 20 ngày, kể từ ngày đơn vị quản lý
vận hành nhà ở nhận đủ hồ sơ hợp lệ, trường hợp phải xét duyệt, tổ chức chấm điểm thì thời hạn giải quyết là không quá 60 ngày.

***5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:*** người thuê, thuê mua nhà
ở xã hội thuộc sở hữu nhà nước.

***6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:***

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp tỉnh.

- Cơ quan thực hiện: Sở Xây dựng, đơn vị quản lý vận hành nhà ở.

***7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:*** Quyết định phê duyệt danh
sách người được thuê, thuê mua nhà ở xã hội thuộc sở hữu nhà nước.

***8. Lệ phí:*** Không

***9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:***

- Mẫu đề nghị thuê, thuê mua nhà ở xã hội theo phụ lục số 09 ban hành
kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BXD;

- Mẫu xác nhận đối tượng, thực trạng về nhà ở theo phụ lục số 13, 14, 15,
16 ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BXD;

- Mẫu kê khai về thu nhập theo phụ lục số 17,18 ban hành kèm theo
Thông tư số 19/2016/TT-BXD.

***10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:***

- Đối tượng được thuê, thuê mua nhà ở bao gồm: (1) Người có công với
cách mạng theo quy định của pháp luật về ưu đãi người có công với cách mạng; (2) Người thu nhập thấp, hộ nghèo, cận nghèo tại khu vực đô thị; (3) Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp;(4)Sĩ quan, hạ sĩ quan nghiệp vụ, hạ sĩ quan chuyên môn kỹ thuật, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân trong cơ quan, đơn vị thuộc công an nhân dân và quân đội nhân dân; (5) Cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức; (6) Các đối tượng đã trả lại nhà ở công vụ;(7)Hộ gia đình, cá nhân thuộc diện bị thu hồi đất và phải giải tỏa, phá dỡ nhà ở theo quy định của pháp luật mà chưa được Nhà nước bồi thường bằng nhà ở, đất ở đáp ứng các điều kiện sau:

- Chưa có nhà ở thuộc sở hữu của mình, chưa được mua, thuê hoặc thuê
mua nhà ở xã hội, chưa được hưởng chính sách hỗ trợ nhà ở, đất ở dưới mọi
hình thức tại nơi sinh sống, trường hợp đã có nhà ở thuộc sở hữu của mình thì
phải có diện tích bình quân trong hộ gia đình dưới 10m2 sàn/người;

- Phải có đăng ký thường trú tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi
có nhà ở xã hội; trường hợp không có đăng ký thường trú thì phải có đăng ký
tạm trú từ một năm trở lên tại tỉnh, thành phố này,

- Đối với các đối tượng (2), (3), (4), (5) nêu trên thì phải thuộc diện không
phải nộp thuế thu nhập thường xuyên theo quy định của pháp luật về thuế thu
nhập cá nhân; trường hợp là hộ nghèo, cận nghèo thì phải thuộc diện nghèo, cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

***11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:***

- Luật Nhà ở năm 2014;

- Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định
chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở.

- Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng
dẫn thực hiện một số nội dung của Luật Nhà ở và Nghị định số 99/2016/NĐ-CP của Chính phủ.

**Mẫu đơn đăng ký thuê, thuê mua nhà ở xã hội thuộc sở hữu nhà nước***(Ban hành kèm theo Phụ lục số 09 Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
-------------------**

**MẪU ĐƠN ĐĂNG KÝ THUÊ, THUÊ MUA NHÀ Ở XÃ HỘI
THUỘC SỞ HỮU NHÀ NƯỚC**

Hình thức đăng ký Thuê Thuê mua

Kính gửi:.................................................

Họ và tên người viết đơn:...............................................

CMND (hộ chiếu hoặc thẻ quân nhân hoặc thẻ căn cước công dân)

số......................... cấp ngày......../......../..............tại..............

Nghề nghiệp:............................................

Nơi làm việc................................................

Nơi ở hiện tại:.............................

Hộ khẩu thường trú (hoặc tạm trú) số.....................tại:...

Thuộc đối tượng:.....................................................

Số thành viên trong hộ gia đình........................người, bao gồm:

1. Họ và tên:...................................CMND số.................................là:........

Nghề nghiệp.....................Tên cơ quan (đơn vị)....................

2. Họ và tên:...................................CMND số.................................là:..

Nghề nghiệp..............................Tên cơ quan (đơn vị).................

3. Họ và tên:....................................CMND số.................................là:...

Nghề nghiệp..............................Tên cơ quan (đơn vị)......................

4…………………..

Tôi và những người trong hộ gia đình cam kết chưa được thụ hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở, đất ở dưới bất cứ hình thức nào (*không áp dụng đối với trường hợp tái định cư và trường hợp trả lại nhà ở công vụ)*.

Tình trạng nhà ở của hộ gia đình hiện nay như sau: (có Giấy xác nhận về thực trạng nhà ở của hộ gia đình, cá nhân kèm theo đơn này).

|  |  |
| --- | --- |
| - Chưa có nhà ở thuộc sở hữu của hộ gia đình | □ |
| - Có nhà ở nhưng chật chội diện tích bình quân dưới 10m2 sàn/người | □ |
| - Có nhà ở nhưng nhà ở bị hư hỏng, dột nát (hư hỏng khung - tường, mái) | □ |
| - Đã có đất ở nhưng diện tích khuôn viên đất ở thấp hơn tiêu chuẩn diện tích tối thiểu thuộc diện được phép cải tạo, xây dựng theo quy định của UBND cấp tỉnh. | □ |
| - Có nhà ở nhưng thuộc diện bị giải tỏa khi Nhà nước thu hồi đất | □ |
| - Có đất ở gắn với nhà ở và phải di chuyển chỗ ở nhưng không đủ điều kiện được bồi thường về đất ở và không có chỗ ở nào khác.  | □ |
| - Tôi đã trả lại nhà ở công vụ, hiện nay chưa có nhà ở tại nơi sinh sống sau khi trả lại nhà ở công vụ | □ |

- Khó khăn về nhà ở khác (ghi rõ nội dung)...............

Tôi làm đơn này đề nghị được giải quyết 01 căn hộ (căn nhà) theo hình thức................... tại dự án:...................

+ Mong muốn được giải quyết căn hộ (căn nhà) số............

+ Diện tích sàn sử dụng căn hộ.........................m2 (đối với nhà chung cư);

+ Diện tích sàn xây dựng....................................m2 (đối với nhà liền kề);

Tôi xin cam đoan những lời khai trong đơn là đúng sự thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã kê khai. Khi được giải quyết ..............................nhà ở xã hội. Tôi cam kết chấp hành đầy đủ các quy định của Nhà nước về quản lý, sử dụng nhà ở xã hội./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | .........., ngày....... tháng......năm........**Người viết đơn***(ký và ghi rõ họ tên)* |

**Mẫu giấy xác nhận về đối tượng và thực trạng nhà ở để đăng ký thuê, thuê mua nhà ở xã hội thuộc sở hữu nhà nước đối với đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 49 Luật Nhà ở 2014***(Ban hành kèm theo Phụ lục số 13 Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
-------------**

**MẪU GIẤY XÁC NHẬN VỀ ĐỐI TƯỢNG VÀ THỰC TRẠNG NHÀ Ở ĐỂ ĐĂNG KÝ THUÊ, THUÊ MUA NHÀ Ở XÃ HỘI THUỘC SỞ HỮU NHÀ NƯỚC**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân cấp xã:.............................

Họ và tên người đề nghị xác nhận:.............................

Số CMND (hộ chiếu hoặc thẻ quân nhân hoặc thẻ căn cước công dân)

số............................cấp ngày........./........../...........tại......................

Nơi ở hiện tại:......................................................

Hộ khẩu thường trú (hoặc tạm trú) số.....................tại:.........

Là đối tượng có công với cách mạng (bản sao có chứng thực hoặc bản sao từ sổ gốc do cơ quan có thẩm quyền cấp giấy tờ chứng minh về đối tượng kèm theo)

Thực trạng về nhà ở hiện nay như sau:

|  |  |
| --- | --- |
| - Chưa có nhà ở thuộc sở hữu của hộ gia đình | □ |
| - Có nhà ở nhưng chật chội diện tích bình quân dưới 10m2 sàn/người | □ |
| - Có nhà ở nhưng đã bị hư hỏng khung, tường, mái nhà và diện tích khuôn viên đất của nhà ở thấp hơn tiêu chuẩn diện tích tối thiểu thuộc diện được phép cải tạo, xây dựng theo quy định của UBND cấp tỉnh | □ |
| - Có nhà ở nhưng nhà ở bị hư hỏng, dột nát (hư hỏng khung - tường, mái)  | □ |
| - Có nhà ở nhưng thuộc diện bị giải tỏa khi Nhà nước thu hồi đất | □ |
| - Có đất ở gắn với nhà ở và phải di chuyển chỗ ở nhưng không đủ điều kiện được bồi thường về đất ở và không có chỗ ở nào khác.  | □ |
| - Khó khăn về nhà ở khác (ghi rõ nội dung).......................... | □ |

Tôi và những người trong hộ gia đình cam kết chưa được thụ hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở, đất ở dưới bất cứ hình thức nào.

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã kê khai.

|  |  |
| --- | --- |
|  | *……. Ngày…… tháng……. năm …..***Người đề nghị xác nhận***(Ký và ghi rõ họ tên)* |

**Xác nhận của UBND cấp xã** **……………………về:**

**1. Ông/Bà là đối tượng có công với cách mạng**

**2. Về tình trạng nhà ở hiện tại của hộ gia đình:..........................**

**3. Ông/Bà chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở, đất ở của Nhà nước**

*(ký tên, đóng dấu)*

**Mẫu giấy xác nhận đối tượng, thực trạng nhà ở và điều kiện về thu nhập đối với các đối tượng được quy định tại khoản 4, 5, 6, 7 Điều 49 Luật Nhà ở 2014
(***Ban hành kèm theo Phụ lục số 14 Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
-------------------**

**MẪU GIẤY XÁC NHẬN VỀ ĐỐI TƯỢNG, THỰC TRẠNG NHÀ Ở VÀ ĐIỀU KIỆN THU NHẬP ĐỂ ĐĂNG KÝ THUÊ, THUÊ MUA NHÀ Ở XÃ HỘI THUỘC SỞ HỮU NHÀ NƯỚC**

Kính gửi:............................................................

Họ và tên người đề nghị:...................................

Số CMND (hộ chiếu hoặc thẻ quân nhân hoặc thẻ căn cước công dân)

số...................................................cấp ngày........./........../...........tại.....................

Nghề nghiệp................................................

Nơi làm việc:............................................

Nơi ở hiện tại:...........................................

Đăng ký hộ khẩu thường trú (hoặc tạm trú) tại:..................

Số sổ hộ khẩu thường trú (hoặc tạm trú)................................nơi cấp.....................

Số thành viên trong hộ gia đình...............người.

Thuộc đối tượng:............................................................................................

Tình trạng nhà ở hiện nay của hộ gia đình tôi như sau:

|  |  |
| --- | --- |
| - Chưa có nhà ở thuộc sở hữu của hộ gia đình | □ |
| - Có nhà ở nhưng chật chội diện tích bình quân dưới 10m2 sàn/người | □ |
| - Có nhà ở nhưng nhà ở bị hư hỏng, dột nát (hư hỏng khung - tường, mái)  | □ |
| - Có nhà ở nhưng bị hư hỏng khung, tường và mái nhà và diện tích khuôn viên đất của nhà ở thấp hơn tiêu chuẩn diện tích tối thiểu thuộc diện được phép cải tạo, xây dựng theo quy định của UBND cấp tỉnh.  | □ |
| - Có nhà ở nhưng thuộc diện bị giải tỏa khi Nhà nước thu hồi đất | □ |
| - Có đất ở gắn với nhà ở và phải di chuyển chỗ ở nhưng không đủ điều kiện được bồi thường về đất ở và không có chỗ ở nào khác.  | □ |

- Khó khăn về nhà ở khác (ghi rõ nội dung).......................................................

Tôi và những người trong hộ gia đình cam kết chưa được thụ hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở, đất ở dưới bất cứ hình thức nào.

Tôi và hộ gia đình của tôi hiện không phải nộp thuế thu nhập thường xuyên.

Tôi xin cam đoan những lời khai trong đơn là đúng sự thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã kê khai./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | .........., *ngày....... tháng......năm........***Người viết đơn***(ký và ghi rõ họ tên)* |

**Xác nhận của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị hoặc lãnh đạo UBND cấp xã của người đề nghị**

**1. Ông/Bà thuộc đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ nhà ở**

**2. Về tình trạng nhà ở hiện tại của hộ gia đình:.......................................**

**3. Là đối tượng không phải nộp thuế thu nhập thường xuyên**

**Mẫu giấy xác nhận đối tượng và thực trạng về nhà ở đối với đối tượng được quy định tại khoản 8 Điều 49 Luật Nhà ở 2014
(***Ban hành kèm theo Phụ lục số 15 Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
-------------**

**MẪU GIẤY XÁC NHẬN VỀ ĐỐI TƯỢNG VÀ THỰC TRẠNG NHÀ Ở ĐỂ ĐĂNG KÝ THUÊ, THUÊ MUA NHÀ Ở XÃ HỘI THUỘC SỞ HỮU NHÀ NƯỚC**

Kính gửi:.........................................

Họ và tên người đề nghị xác nhận:........................

Số CMND (hộ chiếu hoặc thẻ quân nhân hoặc thẻ căn cước công dân)

số...............................cấp ngày........./........../...........tại........

Nghề nghiệp:................................................

Chức vụ:...................................................

Nơi làm việc:...........................................

Nơi ở hiện tại:..................................

Đăng ký hộ khẩu thường trú (hoặc tạm trú) tại:.....................................................

Số sổ hộ khẩu thường trú (hoặc tạm trú)....................

nơi cấp.....................................................

Số thành viên trong hộ gia đình...............người.

Tình trạng nhà ở hiện nay của hộ gia đình tôi như sau:

- Tôi đã trả lại nhà ở công vụ tại.........................................................................

- Hiện tại chưa có nhà ở tại nơi sinh sống sau khi trả lại nhà ở công vụ.

Tôi xin cam đoan những lời khai trong đơn là đúng sự thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã kê khai./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | *.........., ngày....... tháng......năm........***Người đề nghị xác nhận** |

**Mẫu giấy xác nhận của UBND cấp huyện nơi đối tượng có nhà, đất bị thu hồi quy định tại Khoản 10 Điều 49 Luật Nhà ở 2014***(Ban hành kèm theo Phụ lục số 16 Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
-------------**

**MẪU GIẤY XÁC NHẬN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN VỀ VIỆC CHƯA ĐƯỢC NHÀ NƯỚC BỒI THƯỜNG ĐỂ ĐĂNG KÝ THUÊ, THUÊ MUA NHÀ Ở XÃ HỘI THUỘC SỞ HỮU NHÀ NƯỚC**

Kính gửi:...................................................

Họ và tên người đề nghị được xác nhận:.............................

Số CMND (hộ chiếu hoặc thẻ quân nhân hoặc thẻ căn cước công dân)

số................................cấp ngày........./........../...........tại...........

Nơi ở hiện tại:.............................................

Hộ khẩu thường trú (hoặc tạm trú) số.....................tại:............

Tình trạng nhà ở hiện nay của hộ gia đình tôi như sau:

|  |  |
| --- | --- |
| - Có nhà ở nhưng thuộc diện bị giải tỏa khi Nhà nước thu hồi đất | □ |
| - Có đất ở gắn với nhà ở và phải di chuyển chỗ ở nhưng không đủ điều kiện được bồi thường về đất ở và không có chỗ ở nào khác.  | □ |

Tôi (hoặc hộ gia đình) có nhà, đất bị thu hồi tại địa chỉ........................................ chưa được Nhà nước bồi thường bằng nhà ở, đất ở tái định cư.

Tôi xin cam đoan những lời khai trong đơn là đúng sự thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã kê khai./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | .........., *ngày....... tháng......năm........***Người đề nghị xác nhận***(Ký và ghi rõ họ tên)* |

 **Xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp huyện …………….về việc người bị thu hồi nhà, đất chưa được Nhà nước bồi thường bằng nhà ở hoặc đất ở tái định cư**

 *(Ký tên, đóng dấu)*

**Mẫu giấy xác nhận về điều kiện thu nhập đối với các đối tượng được quy định tại Khoản 5, 6, 7 Điều 49 Luật Nhà ở 2014***(Ban hành kèm theo Phụ lục số 17 Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
-------------**

**MẪU GIẤY KÊ KHAI VỀ ĐIỀU KIỆN THU NHẬP**

Họ và tên người kê khai:....................................................................

Số CMND (hộ chiếu hoặc thẻ quân nhân hoặc thẻ căn cước công dân)

số.................................cấp ngày........./........../...........tại.......................

Nơi ở hiện tại:....................................................

Đăng ký hộ khẩu thường trú (hoặc tạm trú) tại:..................................................

Số sổ hộ khẩu thường trú (hoặc tạm trú)......................... nơi cấp..................

Số thành viên trong hộ gia đình........................người, bao gồm:

1. Họ và tên:...................................CMND số...................là:..................

Nghề nghiệp.........................Tên cơ quan (đơn vị)........................

2. Họ và tên:...................................CMND số...................là:..................

Nghề nghiệp..............................Tên cơ quan (đơn vị)..................

3. Họ và tên:.............................CMND số......................là:..................

Nghề nghiệp..............................Tên cơ quan (đơn vị).........................

4. Họ và tên:............................CMND số.......................là:..................

Nghề nghiệp..............................Tên cơ quan (đơn vị).............

5.............................................................................................................................

Thuộc đối tượng:..................................................................................................

Hộ gia đình của tôi có thu nhập thường xuyên không thuộc diện phải nộp thuế thu nhập hàng tháng.

Tôi xin cam đoan những lời khai trong đơn là đúng sự thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã kê khai./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | .........., *ngày....... tháng......năm........***Người kê khai***(Ký và ghi rõ họ tên)* |

 **Xác nhận của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị nơi người đề nghị đang làm việc Ông/Bà là đối tượng không phải nộp thuế thu nhập thường xuyên**

 *(Ký tên, đóng dấu)*

**Mẫu giấy tự kê khai về điều kiện thu nhập đối với các đối tượng được quy định tại khoản 4 và khoản 5, 6, 7 Điều 49 Luật Nhà ở 2014 (trường hợp đã được nghỉ việc, nghỉ chế độ)***(Ban hành kèm theo Phụ lục số 18 Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
-------------------**

**MẪU GIẤY TỰ KHAI VỀ ĐIỀU KIỆN THU NHẬP**

Họ và tên người kê khai:.........................................................

Số CMND (hộ chiếu hoặc thẻ quân nhân hoặc thẻ căn cước công dân)

số...............................cấp ngày........./........../...........tại.....................

Nơi ở hiện tại:........................................................................

Đăng ký hộ khẩu thường trú (hoặc tạm trú) tại:..................................................

Số sổ hộ khẩu thường trú (hoặc tạm trú)............................. nơi cấp.....................

Số thành viên trong hộ gia đình........................người, bao gồm:

1. Họ và tên:...................................CMND số.......................là:................

Nghề nghiệp..............................Tên cơ quan (đơn vị)................

2. Họ và tên:...................................CMND số....................là:.................

Nghề nghiệp..............................Tên cơ quan (đơn vị)...................

3. Họ và tên:...................................CMND số................là:.................

Nghề nghiệp..............................Tên cơ quan (đơn vị).................

4...........................................................................................................................

Thuộc đối tượng:.............................................................................................

.............................................................................................................................

Hộ gia đình của tôi có thu nhập thường xuyên không thuộc diện phải nộp thuế thu nhập hàng tháng.

Tôi xin cam đoan những lời khai trong đơn là đúng sự thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã kê khai./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | .........., *ngày....... tháng......năm........***Người kê khai***(Ký, ghi rõ họ tên)* |

**29. Thủ tục cho thuê nhà ở sinh viên thuộc sở hữu nhà nước**

***1. Trình tự thực hiện:***

Sinh viên có nhu cầu thuê nhà ở nộp đơn đề nghị thuê nhà theo mẫu hướng dẫn tham khảo tại phụ lục số 10 ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BXD kèm theo bản sao giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng ưu tiên (nếu có) theo một trong các hình thức sau đây:

- Nộp tại cơ sở giáo dục, đào tạo đang theo học; cơ sở giáo dục, đào tạo có trách nhiệm tiếp nhận đơn, kiểm tra, lập danh sách sinh viên và gửi cho đơn vị quản lý vận hành nhà ở sinh viên xem xét, quyết định;

- Nộp tại đơn vị quản lý vận hành nhà ở sinh viên sau khi có xác nhận của cơ sở giáo dục, đào tạo để được xem xét, quyết định.

- Thời gian thuê nhà ở sinh viên thực hiện theo điều 18 Thông tư số 19/2016/TT-BXD.

Trên cơ sở danh sách sinh viên nộp đơn đề nghị thuê nhà ở, đơn vị quản lý vận hành nhà ở sinh viên có trách nhiệm kiểm tra và căn cứ vào số lượng nhà ở hiện có để quyết định đối tượng sinh viên được thuê theo thứ tự ưu tiên quy định tại khoản 1 Điều 52 của Nghị định số 99/2015/NĐ-CP;

Trường hợp sinh viên không đủ điều kiện thuê nhà ở hoặc cơ sở giáo dục, đào tạo hoặc đơn vị quản lý vận hành nhà ở sinh viên không có đủ nhà ở cho sinh viên thuê thì có trách nhiệm thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do cho sinh viên biết.

1. ***Cách thức thực hiện:***

- Nộp hồ sơ tại đơn vị quản lý vận hành nhà ở hoặc tại cơ sở giáo dục đào tại nơi sinh viên theo học.

***3. Thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ:***

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị thuê nhà ở sinh viên

- Giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng ưu tiên (nếu có).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

***4. Thời hạn giải quyết:*** không quá 10 ngày, kể từ ngày cơ quan tiếp nhận hồ sơ nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

***5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:*** Học sinh, sinh viên theo học tại các cơ sở giáo dục đào tạo.

***6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:*** Đơn vị quản lý vận hành nhà ở sinh viên

***7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:***

Hợp đồng thuê nhà ở sinh viên

***8. Lệ phí:*** Không

***9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:***

- Đơn đề nghị thuê nhà ở sinh viên theo mẫu hướng dẫn tại phụ lục số 10 ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng;

- Hợp đồng thuê nhà ở sinh viên theo mẫu hướng dẫn tại phụ lục số 20 ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng.

***10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:***

- Là học sinh, sinh viên đang theo học tại các cơ sở giáo dục đào tạo.

***11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:***

- Luật Nhà ở năm 2014;

- Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở;

- Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Luật Nhà ở và Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở.

**Mẫu đơn đề nghị thuê nhà ở sinh viên**

*(Ban hành kèm theo Phụ lục số 10 Thông tư số 19/2016/TT-BXD*

*ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐĂNG KÝ THUÊ NHÀ Ở SINH VIÊN**

Kính gửi:.........................................................

Họ và tên người đăng ký:...................................

Số thẻ sinh viên hoặc CMND hoặc hộ chiếu hoặc thẻ căn cước công dân số............................................cấp ngày........./........../...........tại.....................

Hiện Tôi đang học tập tại cơ sở đào tạo:.............................

Địa chỉ của cơ sở đào tạo:....................................

Niên khóa học:.................................................

Tôi làm đơn này đề nghị:.……xét duyệt cho Tôi được thuê nhà ở tại………… trong thời gian...........................................

Tôi xin cam đoan những lời khai trong đơn là đúng sự thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã kê khai./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | ...., *ngày......tháng......năm........***Người viết đơn***(Ký và ghi rõ họ tên)* |

**Xác nhận của Thủ trưởng cơ sở đào tạo của người đề nghị**

*(Ký tên, đóng dấu)*

**Mẫu Hợp đồng thuê nhà ở**

*(Ban hành kèm theo Phụ lục số 20 Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**-------------**

*.........., ngày........tháng........năm.........*

**MẪU HỢP ĐỒNG THUÊ NHÀ Ở**

**Số......../HĐ**

*Căn cứ Bộ Luật dân sự;*

*Căn cứ Luật Nhà ở ngày 25 tháng 11 năm 2014;*

*Căn cứ Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở;*

*Căn cứ Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Luật Nhà ở và Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở;*

*Căn cứ đơn đề nghị thuê nhà ở của Ông Bà)………..………. đề ngày….. tháng….. năm……*

*Căn cứ.....................................................................................................,*

Hai bên chúng tôi gồm:

**BÊN CHO THUÊ NHÀ Ở (sau đây gọi tắt là Bên cho thuê):**

- Tên đơn vị:................................................................................................

- Người đại diện theo pháp luật:.................................................

- Địa chỉ liên hệ:.........................................................................................

- Hộ khẩu thường trú:..................................................................................

- Điện thoại:...............................................Fax (nếu có):............................

- Số tài khoản:.........................................tại Ngân hàng:.............................

- Mã số thuế:................................................................................................

**BÊN THUÊ NHÀ Ở (sau đây gọi tắt là Bên thuê):**

- Ông (bà):............................................................................là đại diện cho các thành viên cùng thuê nhà ở có tên trong phụ lục A đính kèm theo Hợp đồng này.

- Số CMND (hộ chiếu hoặc thẻ quân nhân)…… …………...........cấp ngày.........../……..../.........., tại............................

- Hộ khẩu thường trú hoặc tạm trú...……………………………………..

- Địa chỉ liên hệ:.........................................................................................

- Điện thoại:.................................................................................................

Hai bên thống nhất ký kết Hợp đồng thuê nhà ở với các nội dung sau đây:

**Điều 1. Thông tin về nhà ở cho thuê**

1. Loại nhà ở (*căn hộ chung cư hoặc nhà ở riêng lẻ)*:................................

2. Địa chỉ nhà ở:...........................................................................................

3. Diện tích sử dụng…..............m2 (đối với căn hộ chung cư là diện tích thông thủy)

4. Các thông tin về phần sở hữu riêng, phần sở hữu chung, phần sử dụng riêng, phần sử dụng chung (nếu là căn hộ chung cư): ..................................

5. Các trang thiết bị chủ yếu gắn liền với nhà ở:.........................................

6. Đặc điểm về đất xây dựng:......................................................................

*(Trường hợp là nhà ở cũ thì ghi rõ diện tích chính, diện tích phụ, diện tích tự xây dựng thêm nếu có); trường hợp nhà ở xã hội cho sinh viên thuê thì ghi thêm phần trang thiết bị gắn liền với căn hộ đó như giường tầng, quạt máy, bình nước…), ghi rõ ràng diện tích sinh hoạt chung như nhà văn hóa, nhà thể thao mà sinh viên được sử dụng có thu phí hoặc không thu phí).*

**Điều 2. Giá thuê nhà ở, phương thức và thời hạn thanh toán**

1. Giá thuê nhà ở là.............................đồng/01 tháng (I)

*(Bằng chữ:........................................................................................).*

*Căn cứ vào quy định pháp luật về nhà ở áp dụng đối với từng loại nhà ở (nhà ở xã hội, nhà ở tái định cư hoặc nhà ở cũ) để ghi rõ trong Hợp đồng giá thuê nhà ở có bao gồm hoặc không bao gồm các chi phí như chi phí bảo trì, chi phí thu hồi vốn đầu tư xây dựng, quản lý vận hành….*

Giá thuê nhà ở sẽ được điều chỉnh khi Nhà nước có thay đổi về khung giá hoặc giá thuê (nếu có). Bên cho thuê có trách nhiệm thông báo giá thuê mới cho Bên thuê trước khi áp dụng ít nhất là 01 tháng.

2. Số tiền thuê nhà được miễn, giảm là………………..đồng/tháng (II)

*Bằng chữ:……………………………………..đồng/tháng)*

Bên cho thuê phải ghi rõ căn cứ pháp luật để miễn, giảm tiền thuê nhà ở.

3. Số tiền thuê Bên thuê phải trả hàng tháng là:

(I) - (II) = …………………………………….đồng/tháng

*(Bằng chữ:……………………………………..đồng/tháng)*

4. Phương thức thanh toán: Bên thuê có trách nhiệm trả bằng (ghi rõ là trả bằng tiền mặt Việt Nam đồng hoặc chuyển khoản):...........................

5. Thời hạn thanh toán: Bên thuê trả tiền thuê nhà ở vào ngày...... hàng tháng.

6. Chi phí sử dụng điện, nước, điện thoại và các dịch vụ khác do Bên thuê thanh toán cho bên cung cấp dịch vụ. Các chi phí này không tính vào giá thuê nhà ở quy định tại khoản 1 Điều này và Bên thuê thanh toán theo thời hạn thỏa thuận với bên cung cấp dịch vụ.

**Điều 3. Thời điểm giao nhận nhà ở và thời hạn cho thuê nhà ở**

1. Thời điểm giao nhận nhà ở: ngày........tháng......... năm....................

2. Thời hạn cho thuê nhà ở là …. tháng (năm), kể từ ngày.....tháng..... năm.........

Trước khi hết thời hạn Hợp đồng 03 tháng, nếu Bên thuê có nhu cầu tiếp tục thuê nhà ở thì có đơn đề nghị Bên cho thuê ký gia hạn Hợp đồng thuê nhà ở. Căn cứ vào đơn đề nghị, Bên cho thuê có trách nhiệm xem xét, đối chiếu quy định của pháp luật về đối tượng, điều kiện được thuê nhà ở để thông báo cho Bên thuê biết ký gia hạn Hợp đồng thuê theo phụ lục B đính kèm theo Hợp đồng thuê này; nếu Bên thuê không còn thuộc đối tượng, đủ điều kiện được thuê nhà ở tại địa chỉ quy định tại khoản 2 Điều 1 của Hợp đồng này hoặc không còn nhu cầu thuê tiếp thì hai bên chấm dứt Hợp đồng thuê và Bên thuê phải bàn giao lại nhà ở cho Bên cho thuê trong thời hạn quy định tại Hợp đồng này

3. Đối với nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước thì phải ghi rõ vào khoản này thời điểm nhà ở được bố trí sử dụng theo quy định của pháp luật nhà ở.

**Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Bên cho thuê**

1. Quyền của Bên cho thuê:

a) Yêu cầu Bên thuê sử dụng nhà ở đúng mục đích và thực hiện đúng các quy định về quản lý sử dụng nhà ở cho thuê;

b) Yêu cầu Bên thuê trả đủ tiền nhà theo đúng thời hạn đã cam kết và các chi phí khác cho bên cung cấp dịch vụ (nếu có);

c) Yêu cầu Bên thuê có trách nhiệm sửa chữa các hư hỏng và bồi thường thiệt hại do lỗi của Bên thuê gây ra;

d) Thu hồi nhà ở trong các trường hợp chấm dứt hợp đồng thuê nhà theo quy định tại Điều 6 của hợp đồng này hoặc khi nhà ở thuê thuộc diện bị thu hồi theo quy định của Luật Nhà ở và Nghị định số 99/2015/NĐ-CP;

đ) Các quyền khác theo thỏa thuận.

2. Nghĩa vụ của Bên cho thuê:

a) Giao nhà cho Bên thuê đúng thời hạn quy định tại Khoản 1 Điều 3 của Hợp đồng này;

b) Phổ biến, hướng dẫn cho Bên thuê biết quy định về quản lý sử dụng nhà ở;

c) Bảo trì, quản lý vận hành nhà ở cho thuê theo quy định của pháp luật về quản lý sử dụng nhà ở;

d) Thông báo cho Bên thuê những thay đổi về giá thuê, phí dịch vụ quản lý vận hành trước khi áp dụng ít nhất là 01 tháng;

đ) Làm thủ tục ký gia hạn Hợp đồng thuê nếu Bên thuê vẫn đủ điều kiện được thuê nhà ở và có nhu cầu tiếp tục thuê nhà ở;

e) Chấp hành các quyết định của cơ quan có thẩm quyền trong việc quản lý, xử lý nhà ở cho thuê và giải quyết các tranh chấp liên quan đến hợp đồng này;

g) Thông báo cho Bên thuê biết rõ thời gian thực hiện thu hồi nhà ở trong trường hợp nhà ở thuê thuộc diện bị thu hồi;

h) Các nghĩa vụ khác theo thỏa thuận.

**Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Bên thuê**

1. Quyền của Bên thuê:

a) Nhận nhà ở theo đúng thỏa thuận nêu tại khoản 1 Điều 3 của Hợp đồng này;

b) Yêu cầu Bên cho thuê sửa chữa kịp thời những hư hỏng của nhà ở mà không phải do lỗi của mình gây ra;

c) Được tiếp tục ký gia hạn hợp đồng thuê nếu hết hạn Hợp đồng mà vẫn thuộc đối tượng, đủ điều kiện được thuê nhà ở và có nhu cầu thuê tiếp;

d) Các quyền khác theo thỏa thuận.

2. Nghĩa vụ của Bên thuê:

a) Trả đủ tiền thuê nhà theo đúng thời hạn đã cam kết;

b) Thanh toán đầy đủ đúng hạn chi phí quản lý vận hành nhà ở và các chi phí khác cho bên cung cấp dịch vụ trong quá trình sử dụng nhà ở cho thuê;

c) Sử dụng nhà thuê đúng mục đích; giữ gìn nhà ở, có trách nhiệm sửa chữa những hư hỏng và bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra;

d) Không được tự ý sửa chữa, cải tạo, xây dựng lại nhà ở thuê; chấp hành đầy đủ các quy định về quản lý sử dụng nhà ở, các quyết định của cơ quan có thẩm quyền về quản lý, xử lý nhà ở và giải quyết tranh chấp liên quan đến hợp đồng này;

đ) Không được chuyển nhượng Hợp đồng thuê nhà hoặc cho người khác sử dụng nhà thuê dưới bất kỳ hình thức nào;

e) Chấp hành các quy định về giữ gìn vệ sinh môi trường và an ninh trật tự trong khu vực cư trú;

g) Giao lại nhà cho Bên cho thuê trong các trường hợp chấm dứt Hợp đồng quy định tại Điều 6 của hợp đồng này hoặc trong trường hợp nhà ở thuê thuộc diện bị thu hồi trong thời hạn ……. ngày, kể từ ngày Bên thuê nhận được thông báo của Bên cho thuê;

h) Các nghĩa vụ khác theo thỏa thuận.

**Điều 6. Chấm dứt Hợp đồng thuê nhà ở**

Việc chấm dứt Hợp đồng thuê nhà ở thuộc sở hữu nhà nước được thực hiện trong các trường hợp sau:

1. Khi hai bên cùng nhất trí chấm dứt Hợp đồng thuê nhà ở;

2. Khi Bên thuê không còn thuộc đối tượng, điều kiện được tiếp tục thuê nhà ở hoặc không có nhu cầu thuê tiếp;

3. Khi Bên thuê nhà chết mà khi chết không có ai trong hộ gia đình đang cùng sinh sống;

4. Khi Bên thuê không trả tiền thuê nhà liên tục trong ba tháng mà không có lý do chính đáng;

5. Khi Bên thuê tự ý sửa chữa, đục phá kết cấu, cải tạo hoặc cơi nới nhà ở thuê;

6. Khi Bên thuê tự ý chuyển quyền thuê cho người khác hoặc cho người khác sử dụng nhà ở thuê;

7. Khi nhà ở thuê bị hư hỏng nặng có nguy cơ sập đổ và Bên thuê phải di chuyển ra khỏi chỗ ở theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền hoặc nhà ở thuê nằm trong khu vực đã có quyết định thu hồi đất, giải phóng mặt bằng hoặc có quyết định phá dỡ của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

8. Khi một trong các bên đơn phương chấm dứt hợp đồng theo thỏa thuận của Hợp đồng này (nếu có) hoặc theo quy định pháp luật.

**Điều 7. Trách nhiệm của các bên do vi phạm Hợp đồng**

Hai bên thỏa thuận cụ thể về các trường hợp vi phạm Hợp đồng và trách nhiệm của mỗi bên trong trường hợp vi phạm.

**Điều 8. Cam kết của các bên và giải quyết tranh chấp**

1. Hai bên cùng cam kết thực hiện đúng các nội dung đã thỏa thuận trong hợp đồng này. Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh những vấn đề mới thì hai bên thỏa thuận lập phụ lục Hợp đồng, phụ lục Hợp đồng này có giá trị pháp lý như hợp đồng chính.

2. Trường hợp các bên có tranh chấp về các nội dung của Hợp đồng này thì hai bên cùng bàn bạc giải quyết thông qua thương lượng. Trong trường hợp các bên không thương lượng được thì có quyền yêu cầu Tòa án nhân dân giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. Các cam kết khác.

**Điều 9. Các thỏa thuận khác**

*(Các thỏa thuận trong Hợp đồng này phải phù hợp với quy định của pháp luật và không trái đạo đức xã hội).*

1.................................................................................................................

2.................................................................................................................

**Điều 10. Hiệu lực của Hợp đồng**

1. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày…….

2. Hợp đồng này được lập thành 03 bản và có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 bản và 01 bản gửi cơ quan quản lý nhà ở để theo dõi, quản lý./.

|  |  |
| --- | --- |
| **BÊN THUÊ NHÀ Ở***(Ký và ghi rõ họ tên)* | **BÊN CHO THUÊ NHÀ Ở***(Ký tên, đóng dấu và ghi rõ họ tên, chức vụ của người ký)* |

**Phụ lục A**

***Tên các thành viên trong Hợp đồng thuê nhà ở***

***số…….......ngày….....…/.....…./ ……bao gồm:***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Họ và tên thành viên trong Hợp đồng thuê nhà ở** | **Mối quan hệ với người đại diện đứng tên ký Hợp đồng thuê nhà ở** | **Ghi chú** |
| 1 | Nguyễn Văn ASố CMND:………….. | Đứng tên ký hợp đồng thuê nhà ở |  |
| 2 | Nguyễn Thị BSố CMND:………….. | Vợ |  |
| 3 | Nguyễn Văn CSố CMND:………….. | Con đẻ |  |
| …. | …………………….... | ……… |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |

**Ghi chú:** Chỉ ghi tên các thành viên từ đủ 18 tuổi trở lên. Phụ lục này được đóng dấu xác nhận của Bên cho thuê nhà ở.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**-------------**

**Phụ lục B: Gia hạn Hợp đồng thuê nhà ở**

Hôm nay, ngày ……..tháng……..năm …….Hai bên chúng tôi thống nhất ký kết phụ lục gia hạn Hợp đồng thuê nhà ở theo Hợp đồng thuê nhà số……….ký ngày …./…./…….với các nội dung sau đây:

**1. Họ và tên người tiếp tục được thuê nhà ở:**

- Họ và tên:…………………….. CMND số………….…là:…………..

- Họ và tên:………………...……… CMND số………….…là:…………..

- Họ và tên:………….............…… CMND số………….…là:…………..

- Họ và tên:……………..………… CMND số………….…là:…………..

…………………………………………………….

**2. Giá thuê nhà ở:**

Giá thuê nhà ở là…………………..Việt Nam đồng/tháng

(*Bằng chữ:……………………………..Việt Nam đồng/tháng).*

Giá thuê nhà ở này được tính từ ngày …..tháng…..năm….

**3. Thời hạn thuê nhà ở:**

Thời hạn thuê nhà ở là……........tháng (năm), kể từ ngày ……/…./…….

(Trường hợp thuê nhà ở phục vụ tái định cư, người thuê có nhu cầu thuê tiếp thì được gia hạn Hợp đồng trong thời hạn không quá 03 năm).

**4. Cam kết các Bên**

a) Các nội dung khác trong Hợp đồng thuê nhà số…...ký ngày…./…./….. vẫn có giá trị pháp lý đối với hai bên khi thực hiện thuê nhà ở theo thời hạn quy định tại phụ lục gia hạn Hợp đồng này.

b) Các thành viên có tên trong phụ lục gia hạn Hợp đồng thuê nhà ở này cùng với Bên cho thuê tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ đã quy định tại Hợp đồng thuê nhà ở số………..ký ngày…./……/……..

c) Phụ lục này là một bộ phận không thể tách rời của Hợp đồng thuê nhà ở số.....và có hiệu lực pháp lý như Hợp đồng này;

d) Phụ lục gia hạn Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày hai bên ký kết và được lập thành 03 bản, mỗi bên giữ 01 bản và 01 bản gửi cho cơ quan quản lý nhà ở để theo dõi, quản lý./.

|  |  |
| --- | --- |
| **BÊN THUÊ NHÀ Ở***(Ký và ghi rõ họ tên)* | **BÊN CHO THUÊ NHÀ Ở** *(Ký,ghi chức vụ của người ký và đóng dấu)* |

**30. Thủ tục cho thuê nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước**

***1. Trình tự thực hiện:***

a) Trình tự, thủ tục thuê nhà ở cũ đối với trường hợp quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 57 Nghị định 99/2015/NĐ-CP được thực hiện như sau:

* Người đề nghị thuê nhà ở nộp 02 bộ hồ sơ tại đơn vị quản lý vận hành nhà ở hoặc gửi hồ sơ qua mạng trực tuyến hoặc qua đường Bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng tại Trung tâm hành chính công tỉnh (do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định);

- Cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm kiểm tra, viết giấy biên nhận hồ sơ; trường hợp người nộp đơn không thuộc đối tượng được thuê nhà ở cũ thì phải có văn bản thông báo cho người hộp hồ sơ biết rõ lý do; nếu hồ sơ còn thiếu giấy tờ thì cơ quan tiếp nhận hồ sơ phải hướng dẫn ngay để người nộp hồ sơ bổ sung giấy tờ. Trường hợp đơn vị quản lý vận hành nhà ở tiếp nhận hồ sơ thì phải báo cáo Sở Xây dựng xem xét;

- Trên cơ sở hồ sơ đủ điều kiện tiếp nhận, cơ quan quản lý nhà ở có trách nhiệm kiểm tra, lập tờ trình kèm theo dự thảo quyết định phê duyệt đối tượng được thuê nhà ở cũ trình cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định;

- Căn cứ vào đề nghị của cơ quan quản lý nhà ở, cơ quan đại diện chủ sở hữu nhà ở xem xét, ban hành quyết định phê duyệt đối tượng được thuê nhà ở, sau đó gửi quyết định này cho cơ quan quản lý nhà ở để thông báo cho đơn vị quản lý vận hành nhà ở thực hiện ký kết hợp đồng thuê nhà ở. Trường hợp nhà ở cũ do Bộ Quốc phòng đang quản lý mà giao thẩm quyền quyết định đối tượng được thuê nhà ở cho cơ quan quản lý nhà ở thì cơ quan này ban hành quyết định phê duyệt đối tượng được thuê nhà ở.

- Sau khi có quyết định phê duyệt đối tượng được thuê nhà ở cũ, đơn vị quản lý vận hành nhà ở thực hiện ký kết hợp đồng với người thuê nhà ở.

b) Trình tự, thủ tục ký hợp đồng thuê nhà ở đối với trường hợp quy định tại Điểm c và Điểm d Khoản 2 Điều 57 của Nghị định 99/2015/NĐ-CP được thực hiện như sau:

- Trường hợp người đang sử dụng nhà ở nhận chuyển quyền thuê nhà ở trước ngày 06 tháng 6 năm 2013, là ngày Nghị định số 34/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ về quản lý sử dụng nhà ở thuộc sở hữu nhà nước có hiệu lực thi hành (sau đây gọi chung là Nghị định số 34/2013/NĐ-CP) thì người đề nghị thuê nhà ở nộp 02 bộ hồ sơ quy định tại Khoản 1 Điều này tại đơn vị quản lý vận hành nhà ở hoặc tại Sở Xây dựng (do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định). Sau khi tiếp nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm kiểm tra, nếu hồ sơ hợp lệ thì đăng tải 03 lần liên tục thông tin về nhà ở cho thuê trên báo của địa phương và trên Cổng thông tin điện tử của đơn vị mình; trường hợp Sở Xây dựng tiếp nhận hồ sơ thì chuyển cho đơn vị quản lý vận hành nhà ở để thực hiện việc đăng tin.

- Sau 30 ngày, kể từ ngày đăng tin lần cuối, nếu không có tranh chấp, khiếu kiện về nhà ở cho thuê thì đơn vị quản lý vận hành nhà ở ký hợp đồng với người thuê và báo cáo Sở Xây dựng biết để theo dõi, quản lý; nếu có tranh chấp, khiếu kiện về nhà ở này thì chỉ thực hiện ký hợp đồng thuê sau khi đã giải quyết xong tranh chấp, khiếu kiện;

c) Trường hợp người đang sử dụng nhà ở là người nhận chuyển quyền thuê nhà ở từ ngày 06 tháng 6 năm 2013 thì người đề nghị thuê nhà ở nộp 02 bộ hồ sơ quy định tại đơn vị quản lý vận hành nhà ở hoặc tại cơ quan quản lý nhà ở (do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định).

Trường hợp cơ quan quản lý nhà ở tiếp nhận hồ sơ thì cơ quan quản lý nhà ở có trách nhiệm kiểm tra, nếu nhà ở không có tranh chấp, khiếu kiện thì có văn bản đồng ý về việc chuyển nhượng quyền thuê và gửi văn bản này kèm theo bản sao hồ sơ đề nghị thuê nhà cho đơn vị quản lý vận hành nhà ở để thực hiện ký hợp đồng với người thuê; trường hợp đơn vị quản lý vận hành tiếp nhận hồ sơ thì đơn vị quản lý vận hành có trách nhiệm kiểm tra và báo cáo cơ quan quản lý nhà ở xem xét kiểm tra để có văn bản đồng ý việc chuyển nhượng quyền thuê trước khi thực hiện ký kết hợp đồng; trường hợp cơ quan quản lý nhà ở không đồng ý thě phải có văn bản trả lời rõ lý do cho người đề nghị thuê nhà ở biết.

***2 Cách thức thực hiện:*** Nộp hồ sơ tại đơn vị quản lý vận hành nhà hoặc gửi hồ sơ qua mạng trực tuyến hoặc qua đường Bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng tại Trung tâm hành chính công tỉnh (do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định)

***3 Thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ:***

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị thuê nhà ở cũ;

- Giấy tờ chứng minh việc sử dụng nhà ở;

- Bản sao Giấy chứng minh thư nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu đang còn giá trị hoặc Thẻ quân nhân của người có đơn đề nghị thuê nhà ở; trường hợp là vợ chồng phải có thêm bản sao có chứng thực sổ hộ khẩu gia đình hoặc giấy đăng ký kết hôn;

- Bản sao giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng được miễn, giảm tiền thuê nhà ở (nếu có).

b) Số lượng hồ sơ: 02 bộ

***4 Thời hạn giải quyết:*** không quá 10 ngày, kể từ ngày cơ quan tiếp nhận hồ sơ nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

***5 Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:*** người thuê nhà ở cũ

***6 Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:***

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cơ quan đại diện chủ sở hữu nhà ở

- Cơ quan thực hiện: Sở Xây dựng, đơn vị quản lý vận hành nhà ở

***7 Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:*** Quyết định đối tượng được thuê nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước.

***8 Lệ phí:*** Không

***9 Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:*** Đơn đề nghị thuê nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước theo mẫu hướng dẫn tại phụ lục số 11 ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng.

***10 Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:***

Đối tượng được thuê nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước là người đang thực tế sử dụng nhà ở và có nhu cầu tiếp tục thuê nhà ở, không chiếm dụng nhà ở trái pháp luật, bao gồm các đối tượng được bố trí sử dụng nhà ở từ trước ngày 27/11/1992 và các đối tượng sau:

- Người được phân phối thuê nhà ở đối với nhà ở được cơ quan có thẩm quyền cho phép đầu tư xây dựng bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước từ trước ngày 27/11/1992 nhưng từ ngày 27/11/1992 mới hoàn thành xây dựng và đưa vào sử dụng.

- Người đang thuê nhà ở trước ngày 27/11/1992 nhưng thuộc diện phải điều chuyển công tác và Nhà nước yêu cầu phải trả lại nhà ở đang thuê, sau đó được cơ quan nhà nước bố trí cho thuê nhà ờ khác sau ngày 27/11/1992.

- Người được bố trí sử dụng nhà ở hoặc nhà không có nguồn gốc là nhà ở nhưng được bố trí sử dụng trong khoảng thời gian từ ngày 27/11/1992 đến trước ngày 05/7/1994.

- Người được bố trí sử dụng nhà ở hoặc nhà không có nguồn gốc là nhà ở nhưng được bố trí sử dụng trong khoảng thời gian từ ngày 05/7/1994 đến trước ngày 19/01/2007.

***11 Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:***

- Luật Nhà ở năm 2014;

- Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở.

- Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Luật Nhà ở và Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở.

**Mẫu đơn đề nghị thuê nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước***(Ban hành kèm theo Phụ lục số 11 Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
-------------**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ THUÊ NHÀ Ở CŨ THUỘC SỞ HỮU NHÀ NƯỚC**

Kính gửi:....................................................................

Họ và tên người đề nghị là:...............................

CMND (hộ chiếu hoặc thẻ quân nhân hoặc thẻ căn cước công dân)

số......................... cấp ngày......../......../..............tại.............

Nơi ở hiện tại:...................................

Hộ khẩu thường trú (hoặc tạm trú) số.....................tại:...............

Số thành viên trong hộ gia đình........................người, bao gồm:

1. Họ và tên:............................CMND số.................................là:................

2. Họ và tên:..........................CMND số.................................là:.................

3. Họ và tên:...................................CMND số...............là:.................

4. Họ và tên:..........................CMND số................................là:................

5..............................................................................................................

Tôi làm đơn này đề nghị được giải quyết cho thuê nhà ở tại địa chỉ số....................

Kèm theo đơn này là các giấy tờ liên quan đến nhà ở như sau:

1...................................................................................................................

2...................................................................................................................

3...................................................................................................................

Tôi xin chấp hành đầy đủ các quy định của nhà nước về quản lý, sử dụng nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước. Tôi cam đoan những lời khai trong đơn là đúng sự thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã kê khai.

Tôi cam kết nhà ở đang sử dụng không có tranh chấp, khiếu kiện./.

|  |  |
| --- | --- |
| **Các thành viên trong hộ gia đình ký, ghi rõ họ tên** | *....., ngày...... tháng......năm........***Người viết đơn***(ký và ghi rõ họ tên)* |

**31. Thủ tục bán nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước**

***1. Trình tự thực hiện:***

- Người mua nhà ở phải nộp hồ sơ đề nghị mua nhà tại đơn vị đang quản lý vận hành nhà ở hoặc Gửi hồ sơ qua mạng trực tuyến hoặc qua đường Bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng tại Trung tâm hành chính công tỉnh (do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định);

- Cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm tiếp nhận, ghi giấy biên nhận hồ sơ, kiểm tra hồ sơ và lập danh sách người mua nhà ở. Trên cơ sở hồ sơ đề nghị mua nhà ở cũ, Sở Xây dựng tổ chức họp Hội đồng xác định giá bán nhà ở để xác định giá bán nhà ở, quyền sử dụng đất. Sau khi Hội đồng xác định giá bán nhà ở xác định giá bán nhà ở, quyền sử dụng đất, Sở Xây dựng lập danh sách đối tượng được mua nhà ở kèm theo văn bản xác định giá bán nhà ở của Hội đồng xác định giá bán nhà ở trình cơ quan đại diện chủ sở hữu nhà ở xem xét, quyết định. Đối với nhà ở do Bộ Quốc phòng đang quản lý thì cơ quan tiếp nhận hồ sơ đề nghị Hội đồng xác định giá bán nhà ở họp để xác định giá; sau đó trình Bộ Quốc phòng ban hành quyết định bán nhà ở cũ;

- Căn cứ vào báo cáo của cơ quan quản lý nhà ở, cơ quan đại diện chủ sở hữu xem xét, ban hành quyết định bán nhà ở cũ, trong đó nêu rõ đối tượng được mua nhà ở, địa chỉ nhà ở được bán, giá bán nhà ở cũ và giá chuyển quyền sử dụng đất và gửi quyết định này cho cơ quan quản lý nhà ở, đơn vị quản lý vận hành nhà ở biết để phối hợp thực hiện ký kết hợp đồng mua bán nhà ở;

- Sau khi nhận quyết định bán nhà ở cũ, đơn vị quản lý vận hành nhà ở thông báo cho người mua nhà biết thời gian cụ thể để ký kết hợp đồng mua bán nhà ở với cơ quan quản lý nhà ở.

***2. Cách thức thực hiện:*** Nộp hồ sơ qua mạng trực tuyến hoặc qua đường Bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng tại Trung tâm hành chính công tỉnh (do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định)

***3. Thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ:***

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị mua nhà ở cũ;

- Bản sao Giấy chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu đang còn giá trị hoặc Thẻ quân nhân của người đề nghị mua nhà ở; trường hợp là vợ chồng thì phải có thêm bản sao có chứng thực hộ khẩu gia đình hoặc Giấy đăng ký kết hôn;

- Hợp đồng thuê nhà ở được lập hợp pháp; giấy tờ chứng minh đã nộp đủ tiền thuê nhà ở và chi phí quản lý vận hành nhà ở đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị mua nhà ở.

- Trường hợp người có tên trong hợp đồng thuê nhà ở đã xuất cảnh ra nước ngoài thì phải có văn bản ủy quyền (có xác nhận của cơ quan công chứng hoặc chứng thực theo quy định) cho các thành viên khác đứng tên mua nhà ở; nếu có thành viên có tên trong hợp đồng thuê nhà ở đã chết thì phải có giấy chứng tử kèm theo.

- Trong trường hợp có thành viên thuê nhà ở khước từ quyền mua và đứng tên trong Giấy chứng nhận thì phải có văn bản khước từ quyền mua, không đứng tên trong Giấy chứng nhận và cam kết không có tranh chấp, khiếu kiện về việc mua bán nhà ở này;

- Giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng được miễn, giảm tiền mua nhà ở (nếu có).

b) Số lượng hồ sơ: 01.

***4. Thời hạn giải quyết:*** không quá 25 ngày kể từ ngày đơn vị quản lý vận hành nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

***5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:*** người đang thuê nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước.

***6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:***

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Cơ quan đại diện chủ sở hữu nhà ở

- Cơ quan thực hiện: Cơ quan quản lý nhà ở, đơn vị quản lý vận hành nhà ở

***7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:*** Quyết định đối tượng được mua nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước.

***8. Lệ phí:*** Không

***9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:***

Mẫu đơn đề nghị mua bán nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước theo phụ lục số 12 ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng.

***10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:***

a) Yêu cầu, điều kiện 1:

- Người đề nghị mua nhà ở cũ phải thuộc các đối tượng được bố trí nhà ở (như mục 8.10 Thủ tục thuê nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước).

b) Yêu cầu, điều kiện 2:

- Người mua nhà ở cũ có hợp đồng thuê và có tên trong hợp đồng thuê nhà ở này, trường hợp có nhiều thành viên cùng đứng tên trong hợp đồng thì các thành viên này phải thỏa thuận cử người đại diện đứng tên để ký hợp đồng mua nhà ở với cơ quan quản lý nhà ở;

- Đã đóng tiền thuê nhà đầy đủ theo quy định trong hợp đồng thuê nhà ở và đóng đầy đủ các chi phí quản lý vận hành nhà ở tính đến thời điểm ký hợp đồng mua bán nhà ở;

- Phải có đơn đề nghị mua nhà ở cũ;

- Nhà ở không thuộc phải không thuộc diện đang có tranh chấp, khiếu kiện.

***11 Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:***

- Luật Nhà ở năm 2014;

- Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở.

- Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Luật Nhà ở và Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở.

**Mẫu đơn đề nghị mua nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước***(Ban hành kèm theo Phụ lục số 12 Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
-------------**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ MUA NHÀ Ở CŨ THUỘC SỞ HỮU NHÀ NƯỚC**

Kính gửi:........................................................................................

Họ và tên người đề nghị là:.............................................

CMND (hộ chiếu hoặc thẻ quân nhân hoặc thẻ căn cước công dân)

số......................... cấp ngày......../......../..............tại.....................

Nơi ở hiện tại:....................................................................

Hộ khẩu thường trú (hoặc tạm trú) số.....................tại:......................

Và vợ (chồng) là:............................... CMND (hộ chiếu hoặc thẻ quân nhân hoặc thẻ căn cước công dân) số.................. cấp ngày......../......../..............tại................

Hộ khẩu thường trú tại:.............................................................

Tôi làm đơn này đề nghị.*............. ghi tên cơ quan quản lý nhà ở)* giải quyết cho tôi mua nhà ở tại địa chỉ.................................................

- Hợp đồng thuê nhà ở số.................ký ngày............./.........../....................... với diện tích cụ thể sau:

- Tổng diện tích nhà ở đang sử dụng:.........................m2, trong đó:

+ Diện tích theo hợp đồng thuê nhà: DT nhà..............m2; DT đất...............m2

+ Diện tích nằm ngoài hợp đồng thuê nhà: DT nhà...................m2; DT đất........m2 (nếu có)

Diện tích nhà, đất ngoài hợp đồng này tôi đã sử dụng liên tục, ổn định và không có tranh chấp, khiếu kiện, hiện nay đã xây dựng, cải tạo sử dụng với hiện trạng:......................................................................................

Kèm theo đơn này là các giấy tờ liên quan như sau:

1...................................................................................................................

2...................................................................................................................

3...................................................................................................................

Hộ gia đình tôi *bao gồm các thành viên có tên trong hợp đồng thuê nhà ở từ đủ 18 tuổi trở lên)* thống nhất cử ông (bà)..................................................., CMND (hộ chiếu hoặc thẻ quân nhân) số...................................................cấp ngày........../......./........tại................................là đại diện các thành viên trong hộ gia đình để ký hợp đồng mua bán nhà ở. Sau khi hoàn thành thủ tục mua bán nhà ở, đề nghị cơ quan có thẩm quyền ghi tên các thành viên sau vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, bao gồm:

Ông (bà)...........................................số CMND.....................là...................

Ông (bà)........................................số CMND........................là...................

Ông (bà)........................................số CMND........................là...................

..................................................................................................................

Tôi xin chấp hành đầy đủ các quy định của nhà nước về mua bán nhà ở và cam đoan những lời khai trong đơn là đúng sự thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã kê khai./.

*(Ghi rõ kèm theo đơn này là bản vẽ sơ đồ, vị trí nhà ở, đất ở đề nghị mua)*

|  |  |
| --- | --- |
| **Các thành viên trong hộ gia đình có tên trong hợp đồng thuê nhà ký và ghi rõ họ tên** | *...., ngày....... tháng......năm........***Người viết đơn***(ký và ghi rõ họ tên)* |

**Bản vẽ sơ đồ nhà ở, đất ở kèm theo đơn đề nghị mua nhà ở cũ**

**Ví dụ 1: Trường hợp người mua nhà ở chỉ có diện tích theo hợp đồng thuê nhà ở**



|  |  |
| --- | --- |
| **Xác nhận của Bên cho thuê nhà ở***(ký tên, đóng dấu)* |  |

**Ví dụ 2: Trường hợp người mua nhà ở có cả diện tích theo hợp đồng thuê và có diện tích nằm ngoài hợp đồng thuê**

****

|  |  |
| --- | --- |
| **Xác nhận của Bên cho thuê đối với diện tích theo hợp đồng thuê** | **Chữ ký của các hộ liền kề đối với diện tích nằm ngoài hợp đồng thuê nhà ở****Xác nhận của UBND cấp xã****.................................................**Diện tích nằm ngoài hợp đồng mà ông (bà)..................................đang sử dụng tại địa chỉ số.............................hiện nay là không có tranh chấp, khiếu kiện trong sử dụng nhà ở, đất ở, phù hợp với quy hoạch xây dựng nhà ở đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.**TM. UBND....................***(ký tên, đóng dấu)* |

**Ghi chú:**

- Trong trường hợp người mua chỉ có diện tích nhà ở theo hợp đồng thuê nhà ở thì chỉ sử dụng bản vẽ sơ đồ nhà ở theo ví dụ 1 và chỉ cần có đóng dấu xác nhận của Bên cho thuê nhà ở.

- Trong trường hợp người mua có cả diện tích ngoài hợp đồng thuê nhà ở thì lập sơ đồ theo ví dụ 2, trong đó phải thể hiện rõ cả diện tích theo hợp đồng và diện tích ngoài hợp đồng. Bên cho thuê nhà ở đóng dấu xác nhận đối với diện tích theo hợp đồng; đối với diện tích ngoài hợp đồng thì có chữ ký xác nhận của các hộ liền kề và có xác nhận của UBND cấp xã nơi có nhà ở về diện tích nằm ngoài hợp đồng là không có tranh chấp, khiếu kiện.

**VII. LĨNH VỰC KINH DOANH BẤT ĐỘNG SẢN**

**32. Thủ tục chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án bất động sản do UBND cấp tỉnh quyết định đầu tư.**

***1. Trình tự thực hiện:***

**-** Chủ đầu tư chuyển nhượng gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị chuyển nhượng toàn
bộ hoặc một phần dự án đến Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh nơi có dự án hoặc cơ
quan được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ủy quyền cụ thể như sau:

+ Đối với dự án khu đô thị mới, dự án phát triển nhà ở là Sở Xây dựng;

+ Đối với các loại dự án bất động sản khác là Sở quản lý chuyên ngành do
Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh quy định.

- Cơ quan đầu mối thẩm định có trách nhiệm lấy ý kiến của Sở Kế hoạch
và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng, Cục thuế
và Sở quản lý chuyên ngành, tổ chức thẩm định hồ sơ chuyển nhượng toàn bộ
hoặc một phần dự án trong thời gian 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Sau khi hoàn thành việc thẩm định, cơ quan đầu mối thẩm định trình Ủy
ban nhân dân cấp tỉnh ký ban hành quyết định cho phép chuyển nhượng. Trường
hợp không đủ điều kiện cho phép chuyển nhượng thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc cơ quan chuyên môn được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ủy quyền phải thông
báo bằng văn bản cho chủ đầu tư chuyển nhượng biết rõ lý do.

***2. Cách thức thực hiện****:*

* Gửi hồ sơ qua mạng trực tuyến hoặc qua đường Bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng tại Trung tâm hành chính công tỉnh.

***3. Thành phần, số lượng hồ sơ:***

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cho phép chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án của
chủ đầu tư chuyển nhượng;

- Hồ sơ dự án, phần dự án đề nghị cho chuyển nhượng bao gồm:

+ Văn bản cho phép đầu tư hoặc văn bản chấp thuận đầu tư của cơ quan
nhà nước có thẩm quyền (bản sao có chứng thực);

+ Quyết định phê duyệt dự án, quy hoạch chi tiết 1/500 hoặc quy hoạch
tổng mặt bằng (bản sao có chứng thực);

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của toàn bộ hoặc phần dự án đề
nghị chuyển nhượng (bản sao có chứng thực);

- Báo cáo quá trình thực hiện dự án của chủ đầu tư chuyển nhượng đến
thời điểm chuyển nhượng.

- Hồ sơ của chủ đầu tư nhận chuyển nhượng bao gồm:

+ Đơn đề nghị được nhận chuyển nhượng dự án hoặc một phần dự án;

+ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh có ngành nghề kinh doanh bất
động sản hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp có vốn điều lệ đáp ứng
yêu cầu quy định tại Điều 3 Nghị định số 76/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 (bản
sao có chứng thực), trừ trường hợp nhà đầu tư nước ngoài chưa thành lập tổ
chức kinh tế theo quy định của pháp luật về đầu tư.

+ Văn bản chứng minh có vốn thuộc sở hữu của mình để thực hiện dự án
theo quy định của pháp luật về đầu tư, về đất đai. Trường hợp chưa có văn bản
chứng minh có vốn thuộc sở hữu của mình theo quy định của pháp luật về đầu
tư, về đất đai thì phải có văn bản xác nhận của tổ chức kiểm toán độc lập hoặc
báo cáo tài chính đã được kiểm toán về mức vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp
tại thời điểm gần nhất (năm nhận chuyển nhượng hoặc năm trước liền kề năm
nhận chuyển nhượng) đối với doanh nghiệp đang hoạt động; đối với doanh
nghiệp mới thành lập thì nếu số vốn là tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ thì phải được ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp đó mở tài khoản xác nhận về số dư tiền gửi của doanh nghiệp, nếu số vốn là tài sản thì phải có chứng thư của tổ chức có chức năng định giá hoặc thẩm định giá đang hoạt động tại Việt Nam về kết quả định giá, thẩm định giá tài sản của doanh nghiệp.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

***4. Thời hạn giải quyết****:* Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ
sơ hợp lệ.

***5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính****:* Chủ đầu tư dự án (Doanh
nghiệp Kinh doanh bất động sản).

***6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:***

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp tỉnh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Xây dựng hoặc Sở quản lý chuyên
ngành do UBND cấp tỉnh quyết định.

***7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:*** Quyết định cho phép chuyển
nhượng dự án hoặc một phần dự án bất động sản.

***8. Phí, lệ phí****:* Không

***9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:***

- Đơn đề nghị cho phép chuyển nhượng toàn bộ dự án và đơn đề nghị cho
phép chuyển nhượng một phần dự án (theo Mẫu số 08a và 08b quy định tại Phụ
lục ban hành kèm theo Nghị định số 76/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2016 của Chính
phủ).

- Báo cáo quá trình thực hiện dự án (theo Mẫu số 09a quy định tại Phụ lục
ban hành kèm theo Nghị định số 76/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2016 của Chính
phủ).

- Báo cáo quá trình thực hiện dự án và một phần dự án chuyển nhượng
(theo Mẫu số 09b quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số
76/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2016 của Chính phủ).

- Đơn đề nghị được nhận chuyển nhượng toàn bộ dự án (theo Mẫu số 10a
quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 76/2015/NĐ-CP ngày
10/9/2016 của Chính phủ).

- Đơn đề nghị được nhận chuyển nhượng một phần dự án (theo Mẫu số
10b quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 76/2015/NĐ-CP ngày
10/9/2016 của Chính phủ).

- Quyết định về chấp thuận chuyển nhượng dự án (hoặc một phần dự án)
(theo Mẫu số 11 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số
76/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2016 của Chính phủ).

***10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:***

- Chủ đầu tư chuyển nhượng đã có giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất
đối với toàn bộ hoặc phần dự án chuyển nhượng.

- Chủ đầu tư nhận chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án bất động
sản phải là doanh nghiệp kinh doanh bất động sản, có đủ năng lực tài chính và
cam kết tiếp tục việc triển khai đầu tư xây dựng, kinh doanh theo đúng quy định
của pháp luật, bảo đảm tiến độ, nội dung dự án.

***11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:***

- Luật Kinh doanh bất động sản số 66/2014/QH 13 ngày 25/11/2014.

- Nghị định số 76/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ quy định
chi tiết thi hành một số điều của Luật Kinh doanh bất động sản.

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHO PHÉP CHUYỂN NHƯỢNG TOÀN BỘ DỰ ÁN**
*(Mẫu số 08a quy định tại phụ lục Ban hành kèm theo Nghị định số 76/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ)*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHO PHÉP CHUYỂN NHƯỢNG TOÀN BỘ DỰ ÁN**

Kính gửi: Uỷ ban nhân dân tỉnh (thành phố)…………………………

 - Tên Doanh nghiệp: ............................................................

 - Địa chỉ: …………………..........................................................

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: ………...........................

 - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số:

 - Người đại diện theo pháp luật: …………......……. Chức vụ: ……...........

 - Số điện thoại liên hệ: ...............................

Hiện đang là chủ đầu tư dự án: ………................................…………..............
Thuộc địa bàn xã……............…huyện……….......………tỉnh……….....………
Đề nghị được chuyển nhượng toàn bộ dự án................….…… với các nội dung
chính như sau:

**I. NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ ÁN**

1-Tên dự án: …………………………

2- Địa điểm: ……………………………………

 3- Nội dung và quy mô dự án: ………………............

4- Diện tích sử dụng đất: ……………

 5- Diện tích đất xây dựng: ……………….......

6- Tổng mức đầu tư: ......................................

7- Nguồn vốn đầu tư: …………………….…....................

8- Tóm tắt tình hình triển khai dự án: …………….......

**II. LÝ DO XIN CHUYỂN NHƯỢNG**…….…………..............................

**III. ĐỀ XUẤT CHỦ ĐẦU TƯ NHẬN CHUYỂN NHƯỢNG LÀ**:

(Tên chủ đầu tư mới; Địa chỉ; Người đại diện; Năng lực tài chính; Kinh nghiệm)

**IV. PHƯƠNG ÁN GIẢI QUYẾT VỂ QUYỀN LỢI VÀ NGHĨA VỤ ĐỐI**
**VỚI KHÁCH HÀNG VÀ CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN**…………

**V. CAM KẾT………**

*(Có báo cáo tình hình thực hiện dự án gửi kèm theo)*

***Nơi nhận*:**….. *ngày …. tháng…năm*- Như trên **CHỦ ĐẦU TƯ**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHO PHÉP CHUYỂN NHƯỢNG**

 **MỘT PHẦN DỰ ÁN**
*( Mẫu số 08b quy định tại phụ lục Ban hành kèm theo Nghị định số 76/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ)*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHO PHÉP CHUYỂN NHƯƠNG MỘT PHẦN DỰ ÁN**

Kính gửi: Uỷ ban nhân dân tỉnh (thành phố)……………….…………

 - Tên Doanh nghiệp: ..............................................

 - Địa chỉ: …………………..................

 - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: ……….........

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: ................................

- Người đại diện theo pháp luật: ………………. Chức vụ: …….......

 - Số điện thoại liên hệ: ......................................
Hiện đang là chủ đầu tư dự án: ………………...................................................
Thuộc địa bàn xã…………huyện…………tỉnh……..………............................
Đề nghị được chuyển nhượng một phần dự án …… với các nội dung chính như sau:
**I. NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ ÁN**
1. Tên dự án: …………………………………………………………………
2. Địa điểm: ………………………………………………………………......
3. Nội dung và quy mô dự án: ………………………………………………..

4. Diện tích sử dụng đất của dự án: ………………………
5. Diện tích đất xây dựng: ……………………………………………………
6. Tổng mức đầu tư:
7. Nguồn vốn đầu tư: ………………………………………………………...
8. Tóm tắt tình hình tiển khai dự án: ………………………………………...
**II. XIN PHÉP CHUYỂN NHƯỢNG MỘT PHẦN DỰ ÁN**

1. Diện tích đất: …………………………………………………………….

2. Vị trí khu đất: …………………………………………………………….

3. Quy mô công trình: ……………………………………………………… ..

4. Hiện trạng đang thực hiện: ………………………………………………
**III. LÝ DO XIN CHUYỂN NHƯỢNG**………………………………………
**IV. ĐỀ XUẤT CHỦ ĐẦU TƯ NHẬN CHUYỂN NHƯỢNG LÀ**:

(Tên chủ đầu tư mới; Địa chỉ; Người đại diện; Năng lực tài chính; Kinh nghiệm)
**V. PHƯƠNG ÁN GIẢI QUYẾT VỀ QUYỀN LỢI VÀ NGHĨA VỤ ĐỐI**
**VỚI KHÁCH HÀNG VÀ CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN**: ………………………
**VI. CAM KẾT**…………………………………………………………………

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận*:*** Như trên
* Lưu
 | ….. ngày …tháng …. năm 201…**CHỦ ĐẦU TƯ** |

**BÁO CÁO QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN**
*( Mẫu số 09a quy định tại phụ lục Ban hành kèm theo Nghị định số 76/2015/NĐ-*
*CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ)*

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên chủ đầu tư**……Số: …./….. | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** *……, ngày tháng năm* |

**BÁO CÁO QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân ………………………….

**1. Tên chủ đầu tư:**

- Địa chỉ: ……………………………………

- Người đại diện……………………………………

- Số điện thoại………………………………
**2. Thông tin chung về dự án**

- Tên dự án………………………………..…

- Địa điểm dự án…………………………

- Quyết định phê duyệt dự án (Văn bản chấp thuận đầu tư, cho phép đầu tư..)…

- Mục tiêu của dự án: ……………………………

- Tổng diện tích đất: ............. Trong đó bao gồm: ………………
+ Quy mô (diện tích đất, quy hoạch sử dụng đất, hệ số sử dụng đất…)

+ Các chỉ tiêu về xây dựng công trình (mật độ xây dựng, diện tích xây dựng,
diện tích nhà ở, số lượng nhà ở……) …………………………

+ Tổng mức đầu tư (Nêu rõ cơ cấu nguồn vốn)……………….…………………
+ Tổng tiến độ và tiến độ chi tiết của dự án…..……………….………………....
+ Các thông tin khác…………………………………………….……………….
**3. Các văn bản hồ sơ pháp lý của dự án gồm:** …………….………………….
**4. Quá trình thực hiện dự án:**

- Tình hình giải phóng mặt bằng……………………

 - Tình hình nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất…………………

 - Tình hình xây dựng hạ tầng kỹ thuật………..………………

 - Tình hình xây dựng nhà, công trình xây dựng.………………

 - Tiến độ thực hiện dự án…………………

 - Tình hình huy động vốn……………………

- Tình hình bán nhà ở (hoặc tình hình kinh doanh BĐS)…………

 - Tình hình chuyển nhượng đất cho các nhà đầu tư cấp 2………

 - Các vấn đề khác …………………
**5. Các nội dung đã cam kết với khách hàng**……………………………….
**6. Các quyền và lợi ích của các tổ chức, cá nhân có liên quan** …………...

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Như trên* Lưu
 | ….. *ngày …. tháng…năm***CHỦ ĐẦU TƯ** |

**BÁO CÁO QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN VÀ MỘT PHẦN**
**DỰ ÁN CHUYỂN NHƯƠNG**
*( Mẫu số 09b quy định tại phụ lục Ban hành kèm theo Nghị định số 76/2015/NĐ-*
*CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ)*

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên chủ đầu tư**……Số: …./….. | **CỘNG HÕA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** *……, ngày tháng năm* |

**BÁO CÁO**
**QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN VÀ MỘT PHẦN DỰ**

**ÁN CHUYỂN NHƯƠNG**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân ………………………….

**1. Tên chủ đầu tư:**

- Địa chỉ……………………………………

- Người đại diện………………………………………………………………

- Số điện thoại……..………………….………………………………………
**2. Thông tin chung về dự án và phần dự án chuyển nhƣợng:**
a) Thông tin về dự án - Tên dự án……………..……………..………………

 - Địa điểm dự án…………………………………

 - Quyết định phê duyệt dự án (Văn bản chấp thuận đầu tư, cho phép đầu tư..).....

- Mục tiêu của dự án: ………………………

 - Tổng diện tích đất: ............. Trong đó bao gồm: ……………
+ Quy mô (diện tích đất, quy hoạch sử dụng đất, hệ số sử dụng đất,...)
+ Các chỉ tiêu về xây dựng công trình (mật độ xây dựng, diện tích xây dựng,
diện tích nhà ở, số lượng nhà ở……) ……………………………
+ Tổng mức đầu tư (nêu rõ cơ cấu nguồn vốn)……………………………….
+ Tổng tiến độ và tiến độ chi tiết của dự án…………………………………..
+ Các thông tin khác………………………………………………………….
b) Thông tin về phần dự án chuyển nhượng - Diện tích đất………………

- Quy mô công trình………………….……………………

- Tiến độ thực hiện, hiện trạng……………………

- Hồ sơ pháp lư………………………………

- Các thông tin khác………………..…………………………………………
**3. Các văn bản hồ sơ pháp lý của dự án gồm:** …………………………….
**4. Quá trình thực hiện dự án:**

- Tình hình giải phóng mặt bằng……………..………

- Tình hình nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất……………………………….

- Tình hình xây dựng hạ tầng kỹ thuật………………………………………..

 - Tình hình xây dựng nhà, công trình xây dựng.…………………

 - Tiến độ thực hiện dự án ………………………………….

 - Tình hình huy động vốn…………………………

- Tình hình bán nhà, bán đất (hoặc tình hình kinh doanh BĐS)……………...

- Tình hình chuyển nhượng đất cho các nhà đầu tư cấp 2……………………

- Các vấn đề khác …………………………………………………….............
**5. Quá trình thực hiện của phần dự án chuyển nhượng:**

 - Tình hình giải phóng mặt bằng……………………

- Tình hình nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất……………………………….

 - Tình hình xây dựng hạ tầng kỹ thuật………..………

 - Tình hình xây dựng công trình, nhà ở…………

- Tiến độ thực hiện dự án……………………………………

 - Tình hình huy động vốn…………………………

- Tình hình kinh doanh bán nhà, (hoặc tình hình kinh doanh bất động sản)……..

 - Các vấn đề khác.......................................................
**6. Các nội dung đã cam kết với khách hàng**……………………………….
**7. Các quyền và lợi ích của các tổ chức, cá nhân có liên quan** …………...

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Như trên | ….. *ngày …. tháng…năm***CHỦ ĐẦU TƯ** |

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐƯỢC NHẬN CHUYỂN NHƯỢNG TOÀN BỘ DỰ ÁN**
*( Mẫu số 10a quy định tại phụ lục Ban hành kèm theo Nghị định số 76/2015/NĐ-*
*CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ)*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐƯỢC NHẬN CHUYỂN NHƯỢNG TOÀN BỘ DỰ ÁN**

Kính gửi: ………………………………………………

**1. Tên doanh nghiệp xin nhận chuyển nhượng dự án** ……………………..…....

- Địa chỉ: …………………………………………………….……………

- Giấy đăng ký thành lập doanh nghiệp số: .....................................................

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: ………………..……………….

 - Người đại diện theo pháp luật………………………….…………………
**2. Năng lực về tài chính** (về vốn chủ sở hữu, khả năng huy động vốn....)
**3. Năng lực kinh nghiệm** (các dự án tương tự đã và đang triển khai về quy mô,
vốn đầu tư…...; số năm kinh nghiệm trong lĩnh vực đầu tư bất động sản...):…………
**4. Đề nghị được nhận chuyển nhượng toàn bộ dự án sau:**

 - Tên dự án: …………………………..…………………………………..…

 - Chủ đầu tư là: ……………………………………………………….…………

- Địa điểm: ……………………………………………………….…….………

- Nội dung và quy mô dự án: ….………………………………………...………

 - Diện tích sử dụng đất của dự án: ….………………………..……….…………

 - Diện tích đất xây dựng: …………….…………..…………………….………

 - Tổng mức đầu tư: ………………………………….…………………..………
**5. Cam kết:** Nếu được cấp có thẩm quyền cho phép được nhận chuyển nhượng
và làm chủ đầu tư dự án ………….

Công ty chúng tôi xin cam kết thực hiện như sau:

- Về kế hoạch triển khai tiếp dự án………………………………………….…

 - Về tiến độ………………………………………………………………….…

- Tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ của chủ đầu tư đối với khách hàng và các bên
có liên quan………………………………………………………….…………

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận*:****-** Như trên- Lưu | *…….,ngày …. tháng……năm ……***CHỦ ĐẦU TƯ MỚI** |

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐƯỢC NHẬN CHUYỂN NHƯỢNG MỘT PHẦN DỰ ÁN**
*( Mẫu số 10b quy định tại phụ lục Ban hành kèm theo Nghị định số 76/2015/NĐ-*
*CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ)*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐƯỢC NHẬN CHUYỂN NHƯỢNG MỘT PHẦN DỰ ÁN**

Kính gửi: …………………………………………………………..

**1. Tên doanh nghiệp xin nhận chuyển nhượng một phần dự án …………**

- Địa chỉ………………………………………..…………………….

 - Giấy đăng ký thành lập doanh nghiệp số: ............................

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: ……..…………….....................

- Người đại diện theo pháp luật: …………………………………………

**2. Năng lực về tài chính** (về vốn chủ sở hữu, khả năng huy động vốn....)…

**3. Năng lực kinh nghiệm** (các dự án tương tự đã và đang triển khai về quy mô, vốn đầu tư...; số năm kinh nghiệm trong lĩnh vực đầu tư bất động sản...):

**4. Đề nghị đƣợc nhận chuyển nhượng một phần dự án sau:**

a) Thông tin chung về dự án:

- Tên dự án: …….……………………………………………………………

- Địa điểm: …………………………………..……………………………….

- Nội dung và quy mô dự án: …………………………..…………………….

- Diện tích sử dụng đất của dự án: …………………………………………...

 - Diện tích đất xây dựng: ………..…………………………………………...

- Tổng mức đầu tư: …………………………………………………………..

 b) Thông tin về phần dự án xin nhận chuyển nhượng:

- Vị trí khu đất: ………………………………………………………

- Quy mô công trình: …………………………………..…………………

 - Hiện trạng đang thực hiện: …………………………

**5. Cam kết:**

Nếu được cấp có thẩm quyền cho phép được nhận chuyển nhượng
một phần ……………, Công ty chúng tôi xin cam kết thực hiện như sau:

 - Về kế hoạch triển khai tiếp dự án…………………………………………

 - Về tiến độ…………………………………………………………………

 - Tiếp tục thực hiện nghĩa vụ của chủ đầu tư đối với khách hàng và các bên có liên quan………………………………

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận*:*** Như trên;
* Lưu.
 | *…….,ngày …. tháng……năm ……***CHỦ ĐẦU TƯ MỚI** |

**QUYẾT ĐỊNH VỀ CHẤP THUẬN CHUYỂN NHƯỢNG DỰ ÁN**
**(HOẶC MỘT PHẦN DỰ ÁN)**
*( Mẫu số 11 quy định tại phụ lục Ban hành kèm theo Nghị định số 76/2015/NĐ-*
*CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ)*

|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN****TỈNH /THÀNH PHỐ****--------**Số: /QĐ-UBND | **CỘNG HÕA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****---------------***ngày……tháng…...năm.…..* |

**QUYẾT ĐỊNH**

***Về chấp thuận chuyển nhượng dự án (hoặc một phần dự án)…………….***

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH** PHỐ………………………….
*Căn cứ ………………………………………………………………………………..;*
*Căn cứ ……..………………………………………………………………………....;*
*Xét đề nghị của………………………..………………………………………...........*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Chấp thuận cho chuyển nhượng dự án (hoặc một phần dự án)
……………từ công ty…………cho công ty……………với các nội dung sau:

1. Quy mô và kết quả thực hiện của dự án xin chuyển nhượng:

a) Quy mô đầu tư xây dựng của toàn bộ dự án (theo Quyết định số……)

- Quy mô sử dụng đất:

+ Tổng diện tích đất:

+ Diện tích đất xây dựng công trình:

+ Diện tích đất giao thông; công viên; cấp thoát nước….

+ Hệ số sử dụng đất:……………………………………………

- Quy mô đầu tư xây dựng:

+ Tổng diện tích sàn xây dựng + Quy mô công trình:

+ Mật độ xây dựng: ……………………. - Tổng mức đầu tư của dự án:

- Nguồn vốn đầu tư

- Tiến độ thực hiện dự án:

b) Quy mô của phần dự án chuyển nhượng *(nếu là chuyển nhượng một phần dự án)*

c) Kết quả thực hiện dự án:

2. Bên chuyển nhượng dự án (hoặc một phần dự án):

 - Tên doanh nghiệp: ……………..………..………………………………….

- Địa chỉ: ……………………………………….……………………….…….

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: ......................................................

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: …………..…..……..........................
3. Bên nhận chuyển nhượng dự án (hoặc một phần dự án):

- Tên doanh nghiệp: ………………………………………………………….

- Địa chỉ: ……………………………………………………………………...

 - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

 **Điều 2.** Chậm nhất là 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận Quyết định này, Bên chuyển nhượng và Bên nhận chuyển nhượng phải ký kết hợp đồng chuyển nhượng và hoàn thành việc bàn giao dự án (hoặc một phần dự án) theo quy định tại Điều 51 Luật Kinh doanh bất động sản và Nghị định số 76/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kinh doanh bất động sản.

 **Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của Bên chuyển nhƣợng (theo Khoản 1 Điều 52 Luật Kinh doanh bất động sản)**

- Chuyển giao quyền và nghĩa vụ của mình đối với toàn bộ hoặc một phần dự án cho chủ đầu tư nhận chuyển nhượng để tiếp tục đầu tư xây dựng bất động sản để kinh doanh, trừ các quyền và nghĩa vụ đã thực hiện xong mà không liên quan đến chủ đầu tư nhận chuyển nhượng và việc tiếp tục triển khai dự án, phần dự án đó;

- Chuyển giao hồ sơ liên quan cho bên nhận chuyển nhượng; thông báo kịp
thời, đầy đủ, công khai và giải quyết thỏa đáng quyền, lợi ích hợp pháp của khách hàng và các bên liên quan tới dự án, phần dự án chuyển nhượng;

- Phối hợp với bên nhận chuyển nhượng làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất

**33. Thủ tục cấp mới chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản**

***1. Trình tự thực hiện:***

- Chủ tịch Hội đồng thi (do Giám đốc Sở Xây dựng quyết định thành lập
cho từng kỳ thi sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản) báo
cáo Giám đốc Sở Xây dựng về quá trình tổ chức kỳ thi và phê duyệt kết quả thi
theo đề nghị của đơn vị tổ chức kỳ thi;

- Trên cơ sở báo cáo của Chủ tịch hội đồng thi và kết quả thi do Chủ tịch
Hội đồng thi phê duyệt, Giám đốc Sở Xây dựng phê duyệt danh sách các cá
nhân được cấp chứng chỉ;

- Căn cứ quyết định phê duyệt danh sách các cá nhân được cấp chứng chỉ,
đơn vị tổ chức kỳ thi sát hạch có trách nhiệm chuyển bản phô tô bài thi và hồ sơ của các cá nhân đó về Sở Xây dựng để cấp chứng chỉ.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Xây
dựng tổ chức in và ký phát hành chứng chỉ;

- Sở Xây dựng có trách nhiệm lưu giữ hồ sơ của người được cấp chứng
chỉ trong thời hạn 05 năm kể từ ngày được cấp chứng chỉ.

***2. Cách thức thực hiện****:*

* Gửi hồ sơ qua mạng trực tuyến hoặc qua đường Bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng tại Trung tâm hành chính công tỉnh.

***3 Thành phần, số lượng hồ sơ:***

a) Thành phần hồ sơ:

- 01 Đơn đăng ký dự thi có dán ảnh mầu cỡ 4x6cm chụp trong thời gian
06 tháng tính đến ngày đăng ký dự thi;

- 01 Bản sao có chứng thực Giấy chứng minh nhân dân đối với người Việt
Nam hoặc hộ chiếu đối với người nước ngoài (hoặc bản sao có bản chính để đối
chiếu);
 - 01 Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đã hoàn thành khóa học về
đào tạo bồi dưỡng kiến thức hành nghề môi giới bất động sản (nếu có);
 - Bản sao có chứng thực bằng tốt nghiệp từ Trung học phổ thông (hoặc
tương đương) trở lên;

 - 02 ảnh mầu cỡ 4x6cm chụp trong thời gian 06 tháng tính đến ngày đăng ký dự thi, 02 phong bì có dán tem ghi rõ họ tên, số điện thoại, địa chỉ người nhận;

* Bản sao và bản dịch có chứng thực chứng chỉ do nước ngoài cấp (đối
với người nước ngoài và người Việt Nam có chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản do nước ngoài cấp đang còn giá trị);
* Kết quả bài thi sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản
với phần kiến thức cơ sở đạt từ 70 điểm trở lên (thang điểm 100); phần kiến thức
chuyên môn đạt từ 70 điểm trở lên (thang điểm 100).

 b) Số lượng hồ sơ: 02 (bộ), trong đó 01 bộ lưu tại đơn vị tổ chức kì thi, 01
bộ gửi về Sở Xây dựng để cấp chứng chỉ.

***4. Thời hạn giải quyết****:* Trong thời hạn 5 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ
sơ hợp lệ.

***5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính****:* Cá nhân

***6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:***

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Xây dựng.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Xây dựng.

***7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:*** Quyết định cấp chứng chỉ
hành nghề môi giới bất động sản và Chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản.

***8. Phí, lệ phí:*** 200.000 đồng

***9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:***

* Đơn đăng ký dự thi sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động
sản (theo mẫu tại phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 11/2015/TT-BXD ngày 30/12/2015 của Bộ Xây dựng).

 - Mẫu Quyết định về việc cấp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản
(theo mẫu tại phụ lục 3a ban hành kèm theo Thông tư số 11/2015/TT-BXDngày 30/12/2015 của Bộ Xây dựng).

* Mẫu chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản (theo mẫu tại phụ lục
4a ban hành kèm theo Thông tư số 11/2015/TT-BXD ngày 30/12/2015 của Bộ
Xây dựng).

***10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:***

- Yêu cầu điều kiện 1:

+ Người xin cấp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản phải có năng
lực hành vi dân sự đầy đủ;

* Yêu cầu điều kiện 2:

+ Người xin cấp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản phải có trình
độ từ Trung học phổ thông trở lên.

* Yêu cầu điều kiện 3:

+ Đã nộp hồ sơ đăng ký dự thi và kinh phí dự thi cho đơn vị tổ chức kỳ thi.

* Yêu cầu điều kiện 4:

+ Người xin cấp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản phải có bài
thi sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản với phần kiến thức cơ sở đạt từ 70 điểm trở lên (thang điểm 100); phần kiến thức chuyên môn đạt từ 70 điểm trở lên (thang điểm 100);

***11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:***

* Luật Kinh doanh bất động sản số 66/2014/QH 13 ngày 25/11/2014.
* Thông tư số 11/2015/TT-BXD ngày 30/12/2015 của Bộ Xây dựng quy
định việc cấp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản; hướng dẫn việc đào tạo, bồi dưỡng kiến thức hành nghề môi giới bất động sản, điều hành sàn giao dịch bất động sản; việc thành lập và tổ chức hoạt động của sàn giao dịch bất động sản.

 **34. Thủ tục cấp lại (cấp đổi) chứng chỉ hành nghề môi giới bất động
sản do bị mất, bị rách, bị cháy, bị hủy hoại do thiên tai hoặc lý do bất khả kháng hoặc cấp lại chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản do hết hạn *(hoặc gần hết hạn)***

***\* Trường hợp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản do bị mất, bị***
***rách, bị cháy, bị hủy hoại do thiên tai hoặc lý do bất khả kháng.***

***1. Trình tự thực hiện:***

- Cá nhân xin cấp lại chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản do
chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản bị mất, bị rách, bị cháy, bị hủy hoại do thiên tai hoặc lý do bất khả kháng khác nộp hồ sơ tới Sở Xây dựng đã cấp chứng chỉ;

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định
tại khoản 2 Thông tư số 11/2015/TT-BXD ngày 30/12/2015 của Bộ Xây dựng, Sở Xây dựng đã cấp chứng chỉ có trách nhiệm kiểm tra lại hồ sơ và cấp lại chứng chỉ (ghi rõ cấp lại vào chứng chỉ).

***2. Cách thức thực hiện****:*

* Gửi hồ sơ qua mạng trực tuyến hoặc qua đường Bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng tại Trung tâm hành chính công tỉnh.

***3. Thành phần, số lượng hồ sơ:***

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn xin cấp lại chứng chỉ có dán ảnh;

- 02 ảnh cỡ 4x6cm chụp trong thời gian 06 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ;

- Chứng chỉ cũ (nếu có).

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ) gửi về Sở Xây dựng để cấp chứng chỉ.

***4. Thời hạn giải quyết****:* Trong thời hạn 5 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ
sơ hợp lệ.

***5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính****:* Cá nhân

***6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:***

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Xây dựng địa phương.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Xây dựng địa phương.

***7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:***

Chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản (Ghi rõ cấp lại).

***8. Phí, lệ phí****:* 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng chẵn)

***9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:***

- Đơn xin cấp lại chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản (theo mẫu
tại phụ lục 5 ban hành kèm theo Thông tư số 11/2015/TT-BXD ngày 30/12/2015 của Bộ Xây dựng).

- Mẫu chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản (ghi rõ cấp lại) (theo
mẫu tại phụ lục 4b ban hành kèm theo Thông tư số 11/2015/TT-BXD ngày
30/12/2015 của Bộ Xây dựng).

***10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:***

* Yêu cầu điều kiện: Đã được cấp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động
sản nhưng bị mất, bị rách, bị cháy, bị hủy hoại do thiên tai hoặc lý do bất khả kháng khác thì được cấp lại chứng chỉ.

***11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:***

- Luật Kinh doanh bất động sản số 66/2014/QH 13 ngày 25/11/2014.
- Thông tư số 11/2015/TT-BXD ngày 30/12/2015 của Bộ Xây dựng quy
định việc cấp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản; hướng dẫn việc đào tạo, bồi dưỡng kiến thức hành nghề môi giới bất động sản, điều hành sàn giao dịch bất động sản; việc thành lập và tổ chức hoạt động của sàn giao dịch bất động sản.

***\* Trường hợp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản do hết hạn***
***(hoặc gần hết hạn)***

***1. Trình tự thực hiện:***

* Cá nhân có chứng chỉ hết hạn, hoặc gần hết hạn nếu muốn cấp lại
chứng chỉ thì phải nộp đơn đăng ký dự thi và phải thi sát hạch theo quy định sau:
+ Trường hợp đăng ký dự thi lại tại địa phương đã cấp chứng chỉ thì chỉ
phải thi phần kiến thức cơ sở theo quy định tại Thông tư số 11/2015/TT-BXDngày 30/12/2015 của Bộ Xây dựng để được cấp lại chứng chỉ, số chứng chỉ theo số cũ, chứng chỉ ghi rõ trên trang 01 là cấp lần thứ nhất, lần thứ hai, lần thứ ba;

+ Trường hợp đăng ký dự thi ở địa phương khác thì phải thực hiện thủ tục
thi sát hạch như cấp chứng chỉ mới nhưng chỉ phải thi phần kiến thức cơ sở.
- Sở Xây dựng tổ chức thi sát hạch phần kiến thức cơ sở theo quy định tại
Khoản 2 Điều 3 Thông tư số 11/2015/TT-BXD ngày 30/12/2015 của Bộ Xây dựng.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở
Xây dựng tổ chức in và ký phát hành chứng chỉ (ghi rõ cấp lần thứ hai, lần thứ ba...)

***2. Cách thức thực hiện****:*

* Gửi hồ sơ qua mạng trực tuyến hoặc qua đường Bưu điện hoặc nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng tại Trung tâm hành chính công tỉnh.

***3. Thành phần, số lượng hồ sơ:***

a) Thành phần hồ sơ:

- 01 Đơn đăng ký dự thi có dán ảnh mầu cỡ 4x6cm chụp trong thời gian
06 tháng tính đến ngày đăng ký dự thi (theo mẫu tại phụ lục 1 ban hành kèm
theo Thông tư số 11/2015/TT-BXD ngày 30/12/2015 của Bộ Xây dựng).;
 - 01 Bản sao có chứng thực Giấy chứng minh nhân dân đối với người Việt
Nam hoặc hộ chiếu đối với người nước ngoài (hoặc bản sao có bản chính để đối chiếu);

 - 01 Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đã hoàn thành khóa học về
đào tạo bồi dưỡng kiến thức hành nghề môi giới bất động sản (nếu có);

- Bản sao có chứng thực bằng tốt nghiệp từ Trung học phổ thông (hoặc
tương đương) trở lên;

- 02 ảnh mầu cỡ 4x6cm chụp trong thời gian 06 tháng tính đến ngày đăng
ký dự thi, 02 phong bì có dán tem ghi rõ họ tên, số điện thoại, địa chỉ người
nhận;

- Bản sao và bản dịch có chứng thực chứng chỉ do nước ngoài cấp (đối
với người nước ngoài và người Việt Nam có chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản do nước ngoài cấp đang còn giá trị);

- Chứng chỉ cũ (bản gốc) đối với trường hợp đã hết hạn, hoặc bản sao có
chứng thực đối với trường hợp chứng chỉ chưa hết hạn;

- Kết quả bài thi sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản
với phần kiến thức cơ sở đạt từ 70 điểm trở lên (thang điểm 100).

b) Số lượng hồ sơ: 02 (bộ), trong đó 01 bộ lưu tại đơn vị tổ chức kì thi, 01
bộ gửi về Sở Xây dựng để cấp chứng chỉ.

***4. Thời hạn giải quyết****:* Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ
sơ hợp lệ.

***5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính****:* Cá nhân

***6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:*** Sở Xây dựng.

***7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:*** Chứng chỉ hành nghề môi
giới bất động sản ghi rõ cấp lại lần thứ nhất, lần thứ hai, lần thứ ba.

***8. Phí, lệ phí:*** 200.000 đồng.

***9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:***

- Đơn đăng ký dự thi có dán ảnh mầu cỡ 4x6cm chụp trong thời gian 06
tháng tính đến ngày đăng ký dự thi (theo mẫu tại phụ lục 1 ban hành kèm theoThông tư số 11/2015/TT-BXD ngày 30/12/2015 của Bộ Xây dựng).

- Mẫu chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản (ghi rõ cấp lần thứ
nhất, lần thứ hai, lần thứ ba) (theo mẫu tại phụ lục 4c ban hành kèm theo Thông tư số 11/2015/TT-BXD ngày 30/12/2015 của Bộ Xây dựng).

***10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:***

* Yêu cầu điều kiện 1:

+ Người xin cấp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản phải có năng
lực hành vi dân sự đầy đủ;

- Yêu cầu điều kiện 2:

+ Người xin cấp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản phải có trình
độ từ Trung học phổ thông trở lên.

- Yêu cầu điều kiện 3:

+ Đã nộp hồ sơ đăng ký dự thi và kinh phí dự thi cho đơn vị tổ chức kỳ thi.

- Yêu cầu điều kiện 4:

+ Người xin cấp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản phải có bài
thi sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản với phần kiến thức cơ sở đạt từ 70 điểm trở lệ (thang điểm 100).

***11 Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính.***

- Luật kinh doanh bất động sản số 66/2014/QH13 ngày 25/11/2014.

- Thông tư số 11/2015/TT-BXD ngày 30/12/2015 của Bộ Xây dựng quy định việc cấp chứng chỉ

MẪU ĐƠN ĐĂNG KÝ DỰ THI SÁT HẠCH CẤP CHỨNG

 CHỈ HÀNH NGHỀ MÔI GIỚI BẤT ĐỘNG SẢN

*(Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 11/2015/TT-BXD*

*ngày 30 /12/2015 của Bộ Xây dựng)*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**

*Ngày……tháng……năm……*

Ảnh 4x6

ĐƠN ĐĂNG KÝ DỰ THI SÁT HẠCH CẤP CHỨNG

CHỈ HÀNH NGHỀ MÔI GIỚI BẤT ĐỘNG SẢN

Kính gửi: ……………………………………………………..

1. Họ và tên:

 2. Ngày, tháng, năm sinh:

3. Nơi sinh:

 4. Quốc tịch:

5. Số chứng minh thư (hoặc hộ chiếu):

 6. Địa chỉ thường trú:

7. Điện thoại liên hệ:

8. Trình độ chuyên môn: - Văn bằng, chứng chỉ đã được cấp: (tốt nghiệp Trung học phổ thông trở lên) .........................................

Tôi xin đăng ký dự thi sát hạch để được cấp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản.

 **NGƯỜI LÀM ĐƠN**

 *(Ký và ghi rõ họ tên)*

MẪU QUYẾT ĐỊNH CỦA SỞ XÂY DỰNG CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ MÔI GIỚI BẤT ĐỘNG SẢN

*(Phụ lục 3a ban hành kèm theo Thông tư số 11/2015/TT-BXD*

*ngày 30/12/2015 của Bộ Xây dựng)*

|  |  |
| --- | --- |
| UBND TỈNH/TP ..... SỞ XÂY DỰNG Số: /QĐ - SXD  | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**……, ngày …… tháng…….. năm ….. |

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc cấp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản**

**GIÁM ĐỐC SỞ XÂY DỰNG**

Căn cứ Luật Kinh doanh bất động sản ngày 25 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Thông tư số 11/2015/TT-BXD ngày 30/12/2015 của Bộ Xây dựng;

Xét đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thi sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản,

QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1**. Cấp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản cho các cá nhân đã đủ điều kiện cấp chứng chỉ tại kỳ thi sát hạch do …… tổ chức ngày... tháng… năm... (có danh sách kèm theo)

**Điều 2**. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chủ tịch Hội đồng thi và cá nhân được cấp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** | **GIÁM ĐỐC***(Ký tên đóng dấu)* |

MẪU ĐƠN XIN CẤP LẠI CHỨNG CHỈ

HÀNH NGHỀ MÔI GIỚI BẤT ĐỘNG SẢN

*(Phụ lục 5 ban hành kèm theo Thông tư số 11/2015/TT-BXD*

*ngày 30/12/2015 của Bộ Xây dựng)*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**ĐƠN XIN CẤP LẠI CHỨNG CHỈ HÀNH**

**NGHỀ MÔI GIỚI BẤT ĐỘNG SẢN**

Kính gửi: ...........................................................................................

1. Họ và tên:……………………………………………………………..

2. Ngày, tháng, năm sinh: .........................................................................

3. Số CMND hoặc Hộ chiếu: ...................... cấp ngày: ………… Nơi cấp:

4. Đăng ký thường trú tại: ........................................................................

5. Nơi ở hiện nay: ....................................................................................

6. Đơn vị c............................................................................................... .

7. Điện thoại: ...........................................................................................

8. Lý do đề nghị cấp lại: Tôi đã được cấp Chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản số.....ngày ........tháng.......năm........

Người làm đơn nêu rõ nguyên nhân đề nghị cấp lại Chứng chỉ .................................................................................................................................

Tôi cam đoan mọi thông tin nêu trên là hoàn toàn đúng sự thật. Nếu sai, tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật. Tôi làm đơn này kính đề nghị Sở Xây dựng cấp lại Chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản.

 Tôi xin gửi kèm theo:

- 02 ảnh (4x6cm);

- Chứng chỉ cũ (nếu có).

Tôi xin trân trọng cám ơn!

|  |  |
| --- | --- |
|  | ....., ngày .... tháng.....năm …**NGƯỜI ĐỀ NGHỊ***(Ký, ghi rõ họ tên)* |

**VIII. LĨNH VỰC HẠ TẦNG KỸ THUẬT**

**35. Thủ tục Cấp giấy phép chặt hạ chuyển dịch cây xanh đô thị.**

***1. Trình tự thực hiện:***

**-** Gửi hồ sơ đề nghị cấp giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh tới cơ
quan được phân cấp quản lý cây xanh theo quy định của Uỷ ban nhân dân cấp
tỉnh. Sau khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ cơ quan được phân cấp quản lý cây xanh cấp
giấy phép theo quy định.

***2. Cách thức thực hiện:***

Trực tiếp tại Trung tâm hành chính công cơ quan hành chính được phân cấp quản lý cây xanh theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

***3. Thành phần, số lượng hồ sơ***

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị nêu rõ vị trí chặt hạ, dịch chuyển; kích thước, loại cây và lư
do cần chặt hạ, dịch chuyển cây xanh đô thị;

- Sơ đồ vị trí cây xanh đô thị cần chặt hạ, dịch chuyển;

- Ảnh chụp hiện trạng cây xanh đô thị cần chặt hạ, dịch chuyển.

b) Số lượng hồ sơ: Chưa quy định.

***4. Thời hạn giải quyết****:*

- Không quá 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

***5. Đối tượng thực hiện TTHC****:*

- Cá nhân, tổ chức.

***6. Cơ quan thực hiện TTHC****:*

- Chưa quy định.

***7. Kết quả của việc thực hiện TTHC****:*

- Giấy phép (Theo mẫu tại Phụ lục 2 Ban hành kèm theo Nghị định số
64/2010/NĐ-CP ngày 11/6/2010 của Chính phủ)

***8. Lệ phí****:* Không có.

***9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai****:*

- Đơn đề nghị cấp giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh đô thị (Theo
mẫu tại Phụ lục 1 Ban hành kèm theo Nghị định số 64/2010/NĐ-CP ngày
11/6/2010 của Chính phủ)

***10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính****:* Không

***11. Căn cứ pháp lý của TTHC****:*

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13;

- Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009;

- Nghị định số 64/2010/NĐ-CP ngày 11/6/2010 của Chính phủ về quản lý cây xanh đô thị.

**PHỤ LỤC I**

*(Ban hành kèm theo Nghị định số 64/2010/NĐ-CP*

*ngày 11/6/2010 của Chính phủ)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**--------------**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**
**CẤP GIẤY PHÉP CHẶT HẠ, DỊCH CHUYỂN CÂY XANH ĐÔ THỊ**

Kính gửi: Cơ quan cấp giấy phép

Tên tổ chức/cá nhân: ……………………………………………….

Địa chỉ: Điện thoại: …………………….. Fax: ......................................................
Xin được chặt hạ dịch chuyển cây …………………… tại đường
……………….., xã (phường): ………......…, huyện (thành phố, thị xã):...........................
Loại cây: …………., chiều cao (m): …………….. đường kính (m): ..............

Mô tả hiện trạng cây xanh......................................................................................

Lý do cần chặt hạ dịch chuyển, thay thế ................................................................

Chúng tôi xin cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật về quản lý cây
xanh đô thị và các quy định khác có liên quan. - Tài liệu kèm theo - Ảnh chụp hiện trạng;

- Sơ đồ vị trí cây (nếu có).

|  |  |
| --- | --- |
|  | *……., ngày … tháng … năm ……..***Người làm đơn***(Ký, ghi rõ họ tên)* |

**PHỤ LỤC**
*(Ban hành kèm theo Nghị định số 64/2010/NĐ-CP ngày*

*11/6/2010 của Chính phủ)*

|  |  |
| --- | --- |
| **UBND TỈNH/THÀNH PHỐ****CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP****------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập – Tự do – Hạnh phúc****--------------** |

**GIẤY PHÉP CHẶT HẠ, DỊCH CHUYỂN CÂY XANH**
Số: …………/GPCX

Căn cứ Quyết định số ……/.…./QĐ-UBND ngày … tháng … năm .... của
UBND tỉnh/thành phố quy định về quản lý cây xanh đô thị trên địa bàn
tỉnh/thành phố ……………
Xét đơn đề nghị cấp giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh của .........
................................................................................................................................

1. Cấp cho: .............................................................................................................

- Địa chỉ: ................................................................................................................

- Điện thoại: …………………………….. Fax: ....................................................
- Được phép chặt hạ, dịch chuyển cây …………………… tại đường
……………………, xã (phường): ……..............., huyện (thành phố, thị
xã):..........................................................................
- Loại cây: ………………., chiều cao (m): ……….. đường kính (m):

- Hồ sơ quản lý: .................................................

- Lý do cần chặt hạ, dịch chuyển:.......................

2. Đơn vị thực hiện việc chặt hạ, dịch chuyển: ...............

3. Thời gian có hiệu lực của giấy phép là 30 ngày kể từ ngày được cấp phép.
Quá thời hạn này mà chưa thực hiện việc chặt hạ, dịch chuyển thì giấy phép này không còn giá trị.

4. Đơn vị thực hiện việc chặt hạ, dịch chuyển cây xanh có trách nhiệm: 13
- Thực hiện việc chặt hạ, dịch chuyển đảm bảo đúng quy trình kỹ thuật và tuyệt đối an toàn.

- Thực hiện đúng thời gian quy định.

- Thông báo cho chính quyền địa phương biết thời gian thực hiện việc chặt hạ,
dịch chuyển cây xanh.

|  |  |
| --- | --- |
|  | *……., ngày … tháng … năm ……..***Người làm đơn***(Ký, ghi rõ họ tên)* |